



27

NGÀNH - NGHỀ VÀ XU HƯỚNG

MỤC LỤC

NGÀNH BÁO CHÍ	6
NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC	10
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI	14
NGÀNH ĐÔNG NAM Á HỌC	18
NGÀNH ĐÔNG PHƯƠNG HỌC	22
NGÀNH HÁN NÔM	26
NGÀNH HÀN QUỐC HỌC	30
NGÀNH KHOA HỌC QUẢN LÝ	34
NGÀNH LỊCH SỬ	38
NGÀNH LƯU TRỮ HỌC	42
NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC	46
NGÀNH NHÂN HỌC	52
NGÀNH NHẬT BẢN HỌC	56
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	61
NGÀNH QUẢN LÝ THÔNG TIN	65
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	70
NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	74
NGÀNH QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	78
NGÀNH QUỐC TẾ HỌC	82
NGÀNH TÂM LÝ HỌC	86
NGÀNH THÔNG TIN - THƯ VIỆN	90
NGÀNH TÔN GIÁO HỌC	94
NGÀNH TRIẾT HỌC	98
NGÀNH VĂN HÓA HỌC	102
NGÀNH VĂN HỌC	106
NGÀNH VIỆT NAM HỌC	111
NGÀNH XÃ HỘI HỌC	116



Lời giới thiệu

Các bạn học sinh thân mến!

Các bạn đang cầm trên tay cuốn “27 ngành đào tạo đại học năm 2020” của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Cuốn sách là tập hợp các bài viết giới thiệu thông tin cơ bản về 27 ngành đào tạo bậc đại học, từ những ngành khoa học cơ bản, giàu truyền thống của Nhà trường như *Lịch sử, Ngôn ngữ, Văn học, Triết học, Xã hội học, Hán Nôm, Chính trị học, Nhân học, Tôn giáo học...* cho đến những ngành học mang tính ứng dụng cao của xã hội hiện đại như *Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Báo chí, Quan hệ công chúng, Đông phương học, Công tác xã hội, Khoa học Quản lý, Lưu trữ học, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Quản trị văn phòng, Quốc tế học, Tâm lý học, Việt Nam học...* Trong vài năm trở lại đây, hầu như ở mùa tuyển sinh nào, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cũng ra mắt ngành học mới đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động như: Đông Nam Á học (2018), Nhật Bản học (2019) và hai ngành mới lần đầu tiên tuyển sinh trong năm 2020 là Hàn Quốc học và Văn hóa học. Cũng từ năm 2019, để đáp ứng nhu cầu của người học đối với một số ngành có nhu cầu xã hội cao, Nhà trường đã mở các chương trình đào tạo chất lượng cao xã hội hóa theo Thông tư 23 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: *Khoa học Quản lý CLC, Quản lý thông tin CLC, Báo chí CLC và Quốc tế học CLC (2020)*. Trên thực tế, số lượng hồ sơ đăng ký vào các ngành đào tạo của Nhà trường trong 3 năm qua liên tục tăng trên 20 %; điểm tuyển sinh đầu vào các ngành đều ở mức khá; đặc biệt có những ngành hot như Đông phương học có điểm tuyển sinh năm 2019 là 28,5 điểm (khối C) - cao nhất hệ dân sự trên toàn quốc. Điều đó cho thấy sự yêu thích của các bạn trẻ đối với các ngành khoa học xã hội và nhân văn không hề giảm sút và năng lực học tập của các bạn trẻ ngày càng được khẳng định.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội là trung tâm nghiên cứu và đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn hàng đầu đất nước, định hướng trở thành một đại học nghiên cứu tiệm cận trình độ các trường đại học tiên tiến của khu vực và thế giới. Truyền thống 75 năm phát triển đã giúp tạo dựng nên bản sắc riêng và triết lý đào tạo của Nhà trường: Đó là truyền thụ kiến thức nền tảng, vững chắc về các ngành khoa học xã hội và nhân văn cùng với việc trau dồi tư duy giải quyết vấn đề, cách nhìn nhận cuộc sống logic, toàn diện, hướng tới tính nhân văn. Bên cạnh đó, người học được chú trọng đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp hiện đại; phát triển khả năng sáng tạo, sự linh hoạt và năng động để thích

nghi trong môi trường làm việc luôn thay đổi, sự tự tin để hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ. Đây là những hành trang không thể thiếu giúp người học có được tầm nhìn dài rộng và đi được xa hơn trên bước đường sự nghiệp sau này.

Với phương châm “*Lấy người học làm trung tâm*” và “*Lấy chất lượng làm thước đo*”, những năm gần đây, Nhà trường đã không ngừng nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo thông qua một loạt các chủ trương: điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng cập nhật, liên thông, linh hoạt; tăng cường thời lượng thực tập, thực tế trong và ngoài nước cho sinh viên; phát triển các chuyên đề bằng tiếng Anh hoặc do giáo sư nước ngoài giảng dạy; xây dựng hệ thống học liệu hiện đại, số hoá; tinh gọn và hiện đại hóa hoạt động quản lý hành chính; đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh đào tạo e-learning; mở rộng hợp tác với các nhà tuyển dụng để hỗ trợ khởi nghiệp và tăng cơ hội việc làm cho người học... Trở thành sinh viên của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, các em sẽ được thụ hưởng thành quả từ những hoạt động ý nghĩa trên cùng tinh thần đổi mới, sáng tạo và hội nhập quốc tế đang lan toả mạnh mẽ trong mọi khâu của quá trình đào tạo.

Công nghệ, nền tảng số và trí thông minh nhân tạo đang tạo ra những thay đổi lớn lao cho thế giới. Nhưng xã hội ngày càng phát triển thì các ngành khoa học xã hội và nhân văn ngày càng được tôn vinh bởi vị trí đặc biệt của nó đối với đời sống của con người. Bởi suy cho cùng, tất cả những gì chúng ta làm ra là để xây dựng một thế giới hạnh phúc hơn về cả vật chất lẫn tinh thần và hướng tới những giá trị nhân bản nhất. Nhà trường vui mừng và trân trọng chào đón những bạn trẻ có năng lực, nhiệt huyết, giàu bản lĩnh, yêu thích và chọn lựa các ngành khoa học xã hội và nhân văn để theo đuổi giấc mơ sự nghiệp; chọn mái trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để gửi gắm tương lai.

Chúc các bạn thí sinh có sự chuẩn bị tốt nhất, thành công trong việc lựa chọn đúng ngành học và nghề nghiệp mà mình đam mê !



PGS.TS Đặng Thị Thu Hương
Viện trưởng
Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

- TÊN NGÀNH: BÁO CHÍ
- MÃ NGÀNH: QHX01 (CHUẨN)
QHX40 (CLC)
- ĐƠN VỊ ĐÀ O TẠO: VIỆN ĐÀO TẠO
BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN:
- QHX01: A01, C00, D01, D04,
D78, D83
- QHX40: A01, C00, D01, D78

NGÀNH BÁO CHÍ

Kiến tạo dòng chảy thông tin trong xã hội

Nghề báo luôn nằm trong những ngành nghề thu hút sự quan tâm đặc biệt của các bạn trẻ trong mỗi mùa tuyển sinh đại học. Hình ảnh những biên tập viên thời sự dẫn chương trình trực tiếp trên sóng truyền hình; những phóng viên hiện trường liên tục đưa các bản tin thời sự nóng hổi về các sự kiện lớn trong và ngoài nước; những chùm bài viết online theo xu hướng multimedia, e-magazine, longform, megastory... chuyển tải sâu sắc các vấn đề xã hội nổi cộm phần nào phản ánh sức hấp dẫn của một nghề nghiệp năng động, giàu sức sáng tạo và giàu tinh thần dẫn thân để tạo nên dòng chảy thông tin cuốn cuộn trong đời sống xã hội. Liên tục nhiều năm liền, ngành Báo chí được đào tạo tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN luôn nằm trong top 05 ngành có số lượng hồ sơ đăng ký cao nhất trường.

ĐÀO TẠO TÍCH HỢP ĐA LOẠI HÌNH BÁO CHÍ

Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là một trong hai cơ sở đào tạo báo chí và truyền thông uy tín hàng đầu cả nước. Viện còn là cơ sở duy nhất vừa đào tạo đồng thời cả hai ngành Báo chí và Quan hệ công chúng ở bậc đại học, vừa có những chương trình tiên tiến, mới mẻ như: ThS. Báo chí định hướng ứng dụng, ThS. Kinh tế báo chí truyền thông, ThS. Quản trị báo chí truyền thông...

Theo PGS.TS Đặng Thị Thu Hương - Viện trưởng Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, đào tạo Báo chí trong lòng cái nôi hàng đầu cả nước về các ngành khoa học xã hội và nhân văn đã đem đến những lợi thế đặc biệt cho sinh viên ngành Báo chí. Những tri thức nền tảng về các ngành khoa học xã hội và nhân văn, gồm những kiến thức về lịch sử, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, tâm lý, quan hệ quốc tế... được truyền thụ



bài bản bởi các nhà khoa học đầu ngành. Điều này tạo nên phong nền kiến thức xã hội chắc chắn, cùng khả năng phân tích, nhận diện các vấn đề xã hội dưới nhiều góc nhìn - đây chính là gốc rễ tạo nên bản lĩnh và tầm nhìn của người làm báo.

Để thích ứng với kỷ nguyên truyền thông số, Viện trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện, chuyên nghiệp để có thể tác nghiệp trên tất cả các loại hình báo chí, đồng thời cung cấp các định hướng chuyên ngành như: báo in - báo điện tử, phát thanh - truyền hình, PR - quảng cáo, truyền thông đa phương tiện, quản trị báo chí truyền thông. "Môi trường báo chí hiện đại cần sinh viên ngành Báo vừa phải chuyên nghiệp nhưng cũng phải đa nhiệm. Người làm báo cần có khả năng làm việc, thích nghi ở nhiều loại hình báo chí khác nhau. Các cơ quan báo chí hiện nay đều có phiên bản điện tử, vì vậy, phương pháp đào tạo đa loại hình sẽ giúp các em dễ dàng hơn trong việc khám phá năng lực của bản thân và linh hoạt trong việc chọn công việc sau khi tốt nghiệp" - Viện trưởng Đặng Thị Thu Hương chia sẻ.

Từ năm 2010, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông được đầu tư các dự án nâng cấp toàn bộ hệ thống trường quay, gồm trường quay tiêu chuẩn và trường quay ảo, phòng đào tạo đa phương tiện, studio ảnh, studio phát thanh, với kinh phí hàng chục tỉ đồng.



Sinh viên được thực hành sản xuất các sản phẩm báo chí, đặc biệt là các phóng sự ngắn, talkshow, chương trình truyền hình ngay tại trường quay hiện đại tương đương chất lượng trường quay của các đài truyền hình trung ương và địa phương.

Bên cạnh việc đánh giá tốt nghiệp thông thường, Viện đã phê duyệt các đề xuất của sinh viên, giảng viên thực hiện sản phẩm báo chí như phóng sự truyền hình, website thông tin, chương trình phát thanh... để tốt nghiệp. Hội đồng chấm bao gồm các giảng viên của Viện và các nhà báo từ VTV, VOV, Vietnamnet... Sinh viên Bùi Thị Hà - K53 Báo chí - đã từng giành giải Cánh diều bạc cho phim ngắn xuất sắc với tác phẩm tốt nghiệp đại học mang tên "Nợ" nói về NSUT, ca nương Bạch Vân.

Bên cạnh việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý thuyết và thực hành, chương trình đào tạo cũng chú ý nhiều hơn đến khía cạnh mới của công nghệ truyền thông và đặc điểm công chúng truyền thông hiện đại để xây dựng những môn học mới, cập nhật thực tiễn báo chí như *Báo chí dữ liệu (Data Journalism)*, *Mobile Journalism*, *Multimedia (Truyền thông đa phương tiện)*, *Báo chí sáng tạo...* Nhiều học phần kiến thức khác như báo chí kinh tế, kỹ năng quản lý báo chí, quản trị truyền thông, báo chí và pháp luật, đạo đức nghề báo, văn hóa báo chí, đặc điểm công chúng truyền thông hiện đại... được đưa vào chương trình để tạo nên khối kiến thức tổng thể phong phú và toàn diện cho người học.

“Người làm báo có sứ mệnh đặc biệt là kiến tạo nên dòng chảy thông tin trong xã hội, nói lên tiếng nói của sự thật, mang tinh thần phản biện xã hội cao và định hướng dư luận xã hội. Với sứ mệnh ấy, đào tạo báo chí tại Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông hướng tới cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực báo chí truyền thông vừa có đạo đức nghề nghiệp, vừa có năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ tốt, kỹ năng tác nghiệp báo chí truyền thông đa phương tiện, kỹ năng quản lý báo chí và quản trị truyền thông, để có thể đáp ứng yêu cầu ngày một cao của các cơ quan



báo chí truyền thông, các nhà tuyển dụng” - Viện trưởng Đặng Thị Thu Hương nhấn mạnh.

MÔ HÌNH “VƯỜN ƯƠM” GẮN KẾT NHÀ TRƯỜNG - NHÀ TUYỂN DỤNG

Những năm gần đây, Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông triển khai nhiều hoạt động đẩy mạnh hợp tác với những đơn vị tuyển dụng chủ chốt trong lĩnh vực báo chí truyền thông nhằm tạo ra một chuỗi tương tác đem lại lợi ích cho cả hai bên. Trong đó, hoạt động Vườn ươm là mô hình mới của Viện nhằm tạo cầu nối giữa đào tạo và tác nghiệp, giữa nhà trường và nhà tuyển dụng, qua đó, thiết thực hỗ trợ cho sinh viên trong định hướng nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.



“Vườn ươm” VTV3 Open Fanpage là mô hình hợp tác giữa Viện với VTV3 (Đài Truyền hình Việt Nam) nhằm tìm kiếm các sinh viên có đam mê về truyền hình, để bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu, hướng dẫn các em thực hành tác nghiệp, từ đó lựa chọn để tuyển dụng về làm việc tại Đài Truyền hình Việt Nam, cũng như các đài truyền hình trong cả nước.

Cuối năm 2018, MC Vũ Thị Thanh Hường và nhiều phóng viên của VTV3 đã trực tiếp đến phỏng vấn hơn 50 sinh viên của Viện để tuyển chọn thành viên cho *Vườn ươm*. Tham gia *Vườn ươm*, sinh viên được các phóng viên, biên tập viên dày dạn kinh nghiệm của VTV (nhà báo Tạ Bích Loan, Vũ Thị Thanh Hường, Đỗ Đức Hoàng...) và các giảng viên có trình độ của Viện trực tiếp hướng dẫn về kỹ năng dẫn chương trình (MC), kỹ năng phỏng vấn và sản xuất các chương trình truyền hình...

Các bạn sinh viên cũng được trực tiếp tham gia ekip sản xuất chương trình truyền hình tại VTV3. Sản phẩm của thành viên *Vườn ươm* được đăng tải, phát sóng trên kênh VTV3, Fanpage, Youtube... và được nhận nhuận bút do Đài Truyền hình Việt Nam chi trả.

Đồng hành với *Vườn ươm* truyền hình, chương trình *Vườn ươm Zing News* cũng chính thức khởi động sau Lễ ký kết hợp tác giữa Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông và Báo điện tử Zing.vn, một trong những tờ báo điện tử có số lượng truy cập hằng ngày nhiều nhất ở Việt Nam hiện nay, và là một trong những tờ báo dẫn đầu xu hướng longform đang rất hấp dẫn công chúng mạng. Tham gia *Vườn ươm Zing News*, các bạn sinh viên được thụ hưởng các khóa đào tạo dành cho phóng viên của Zing.vn, được các phóng viên hướng dẫn về công nghệ làm báo hiện đại.

Sắp tới, với sự hỗ trợ của PGS.TS Nguyễn Thế Kỳ - Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, kiêm Trưởng bộ môn Quản trị báo chí truyền thông (Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông), mô hình *Vườn ươm VOV* cũng sẽ đi vào hoạt động để hỗ trợ các bạn sinh viên đam mê nghề phát thanh.

MỞ CTĐT CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH BÁO CHÍ ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

Năm 2019 là năm đầu tiên Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông tuyển sinh CTĐT Báo chí chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội theo Thông tư 23/2014-TT-BGDĐT. Đây là chương trình đào tạo hướng đến sản



phẩm đầu ra tiếp cận chuẩn quốc tế và theo đặt hàng của đơn vị tuyển dụng nhân lực chất lượng cao. Trong tổng số 155 tín chỉ của chương trình này có 20% nội dung được giảng dạy bằng tiếng Anh. CTĐT được tập trung ưu tiên cho người học cơ hội trao đổi nghề nghiệp, cập nhật thông tin và rèn luyện kỹ năng tác nghiệp báo chí với các nhà báo, phóng viên, giảng viên báo chí trong nước và quốc tế.

Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông là đối tác và đầu mối hợp tác với nhiều tổ chức báo chí trong và ngoài nước như: Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, Cục Báo chí, Cục Thông tin đối ngoại (Bộ Thông tin và Truyền thông), Báo Pháp luật Việt Nam, Zing.vn, SIDA (Thụy Điển), Sasakawa (Nhật Bản), Đại sứ quán Mỹ, Hội đồng Anh (dự án Media Pro), Reuters (Anh quốc), và nhiều trường đại học nước ngoài. Nhờ đó, sinh viên sẽ được hỗ trợ để mở rộng cơ hội nghề nghiệp của mình, không chỉ tập trung vào các đơn vị báo chí trong nước mà cả khu vực và thế giới.

Viện cũng đang triển khai các chương trình Thạc sỹ Báo chí định hướng nghiên cứu, Thạc sỹ Báo chí định hướng ứng dụng, Thạc sỹ Quản trị báo chí truyền thông, Thạc sỹ Kinh tế báo chí truyền thông (liên kết với Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội), Thạc sỹ liên kết quốc tế về Quản trị truyền thông (với ĐH Stirling, vương quốc Anh) cùng 01 chương trình đào tạo bậc Tiến sỹ ngành Báo chí. Đây là những cơ hội tốt cho các cử nhân Báo chí tiếp tục trau dồi kiến thức về nghề nghiệp ở những bậc học cao hơn..

NHẬT HÀ



GS.TS Phùng Hữu Phú
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng Lý luận Trung ương,
Trưởng khoa Khoa học Chính trị

- TÊN NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX02
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA KHOA HỌC CHÍNH TRỊ
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC

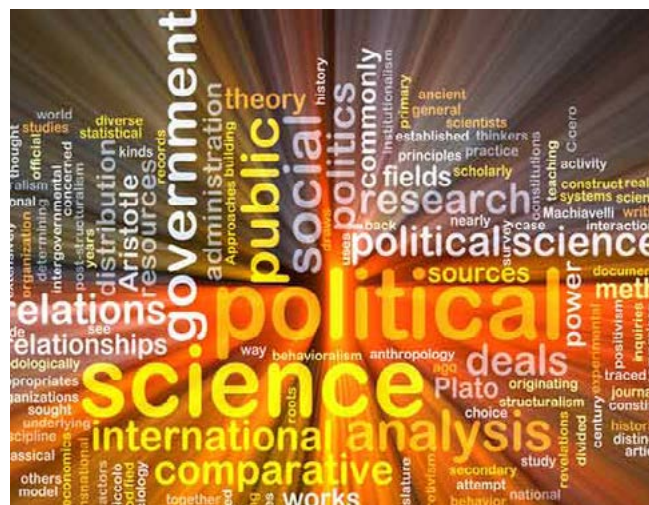
MỘT NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI MŨI NHỌN

Một số người nghĩ rằng, Chính trị học là ngành học khô khan và học Chính trị học là học các môn lý luận chính trị đơn thuần. Nếu quan niệm như vậy thì bạn thực sự đang nhầm lẫn. Tuy là ngành học khá mới mẻ ở Việt Nam, Chính trị học đã có lịch sử hàng trăm năm và đặc biệt được chú trọng ở các nước phát triển. Khoa Khoa học Chính trị, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là đơn vị đầu tiên trong hệ thống các trường đại học ở Việt Nam đào tạo Chính trị học ở cả 3 bậc: Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ.

CUNG CẤP TRI THỨC NỀN TẢNG VỀ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN CHÍNH TRỊ

Trong xã hội hiện đại, Chính trị học là ngành học được ưa chuộng vì nó cung cấp hệ thống tri thức cơ bản, nền tảng về các vấn đề chính trị, các hệ thống chính trị, ứng xử chính trị và những kỹ năng giải quyết các vấn đề gặp phải trong sự vận động phức tạp của đời sống... Đây được coi là ngành khoa học xã hội mũi nhọn, giàu tính lý luận và khả năng ứng dụng thực tiễn.

Chính trị học - dựa trên nền tảng kiến thức liên ngành cao, kết hợp với Luật học, Khoa học quản lý, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Tâm lý học, Báo chí Truyền



thông,... - có thể phân tích và dự báo chính trị; nghiên cứu quyền lực trong quan hệ quốc gia và quốc tế, lý thuyết về các quyền lực lớn và các siêu cường; tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước.

GS.TS Phùng Hữu Phú - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Trưởng khoa Khoa học Chính trị cho biết: Ngành Chính trị học đã được hình thành trên thế giới hơn 100 năm nhưng ở nước ta vẫn là một ngành học non trẻ. Cho nên, ngành khoa học nghiên cứu về lịch sử chính trị, về các quyết sách chính trị, các quá trình chính trị thì ở Việt Nam rất thuận lợi và có triển vọng phát triển tốt đẹp. Đào tạo, nghiên cứu Chính trị học ở một trung tâm khoa học xã hội và nhân văn hàng đầu của đất nước, trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Khoa rất coi trọng, một mặt cung cấp những kiến thức cơ bản về Chính trị học, giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong đời sống chính trị quốc tế, đời sống chính trị đất nước và có được nhãn quan phân tích, đánh giá tình hình chính trị trong quan điểm so sánh, nhưng đồng thời cũng rất coi trọng bồi dưỡng nghiệp vụ, tác nghiệp về chính trị.

Cho đến nay, Khoa Khoa học Chính trị, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN đã và đang đào tạo khoảng 400 học viên cao học, gần 100 nghiên cứu sinh, hơn 600 sinh viên đại học và 9 khóa Bồi dưỡng giảng viên môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh với gần 500 học viên đã tốt nghiệp mà phần lớn trong đó là giảng viên các trường đại học, cao đẳng trên cả nước.

Khoa có đội ngũ cán bộ cơ hữu có trình độ chuyên

môn cao gồm 2 GS, 3 PGS, 8 TS, 9 ThS (trong đó có 4 NCS), cùng đội ngũ cộng tác viên là các chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế về Khoa học Chính trị. CTĐT của Khoa được thiết kế một cách khoa học, hiện đại, vừa đảm bảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vừa tương thích với chương trình đào tạo Chính trị học của nhiều trường đại học học hàng đầu trong khu vực và trên thế giới.

Đến với CTĐT cử nhân Chính trị học, sinh viên được trang bị những kiến thức nền tảng chung của khoa học xã hội và nhân văn, đồng thời được trang bị chuyên sâu hệ thống tri thức và phương pháp nghiên cứu của ngành Chính trị học, bao gồm: *Lý thuyết chính trị, Chính trị Việt Nam, Chính trị quốc tế, Chính trị truyền thông, Hồ Chí Minh học*. Trong đó có nhiều học phần hấp dẫn như *Lịch sử học thuyết chính trị, Phương pháp nghiên cứu chính trị học, Đảng chính trị, Chính trị học so sánh, Phương pháp viết bài luận và thuyết trình chính trị, Thực hành văn bản chính trị, Phương pháp tiếp cận và xử lý tình huống chính trị, Chính sách đối ngoại của các nước lớn, Quan hệ chính trị quốc tế...* Vừa qua, Bộ môn Chính trị truyền thông được thành lập ở Khoa để hướng tới xây dựng chuyên ngành Chính trị truyền thông trong tương lai.

MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP NĂNG ĐỘNG

Sinh viên ngành Chính trị học có lợi thế là được học tập trong một môi trường giàu chất học thuật và có quan hệ hợp tác quốc tế rộng mở. Đội ngũ cán bộ của Khoa đã chủ trì và tham gia nhiều chương trình,

để tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Đại học Quốc gia, cấp cơ sở... Các thầy cô nhiệt tình hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và từng bước tập sự tham gia vào các đề tài nghiên cứu chính thức của Khoa. Sinh viên có cơ hội tham dự các hội thảo quốc tế và các buổi giảng bài, thuyết trình của chuyên gia nước ngoài. Khoa đã tổ chức nhiều hội thảo quốc tế từ năm 2012 cho đến nay và các chuyên gia đến từ Thụy Điển, Hoa Kỳ, CHLB Đức, Đài Loan, Ấn Độ... cũng thường xuyên đến thuyết trình tại Khoa.

Đối tác quốc tế của Khoa là nhiều trường đại học lớn trên thế giới như: Đại học Stockholm (Thụy Điển), Đại học Brigham Young (Hoa Kỳ), Đại học Giessen (CHLB Đức), Viện Liên kết toàn cầu (Hoa Kỳ), Đại học Quốc lập Đài Loan, Đại học Ubon (Thái Lan), Đại học Dusseldorf (CHLB Đức), Đại học Pondicherry (Ấn Độ)... Các chương trình hợp tác bao gồm các hoạt động nghiên cứu, hội thảo, trao đổi giảng viên và sinh viên... "Nhiều giảng viên và sinh viên Khoa đã và đang tiến hành các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập tại nhiều trường đại học hàng đầu thế giới ở Thụy Điển, Đài Loan, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, CHLB Đức... Cơ hội xúc tiến du học, tìm kiếm học bổng cho các bạn là rất lớn, nhất là trong xu thế hợp tác đào tạo quốc tế đang phát triển mạnh mẽ hiện nay" - PGS.TS Phạm Quốc Thành - Phó Trưởng khoa Khoa học Chính trị chia sẻ thông tin.

Luôn chú trọng xây dựng môi trường giáo dục toàn diện và thân thiện, cán bộ, giảng viên với sinh viên có mối quan hệ gần gũi, thân thiết. Sinh viên của Khoa



không chỉ đắm mình trong các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học đậm chất học thuật, sáng tạo, mà còn trẻ trung và sôi nổi trong nhiều hoạt động ngoại khóa. Các bạn đạt nhiều giải thưởng trong các hoạt động thể thao, văn nghệ, các hoạt động giao lưu với sinh viên các trường đại học trong nước và quốc tế... Niềm lạc quan và lý tưởng sống của các bạn được hình thành và hun đúc trong chính những tháng ngày tuổi trẻ đầy ý nghĩa, đầy ước mơ và hoài bão trên giảng đường đại học, với màu áo xanh tình nguyện trên mọi



nẻo đường đất nước, với các hoạt động của Đội Xung kích, Năng hồng Nhân văn và nhiều chương trình xã hội hữu ích khác.

Ngoài hệ thống hỗ trợ của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường ĐHKHXH&NV về miễn, giảm học phí, học bổng, chỗ ở trong ký túc xá, thông tin phục vụ học tập, thông tin tư vấn hướng nghiệp, các mô hình hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên..., sinh viên ngành Chính trị học có cơ hội nhận được hỗ trợ từ nguồn kinh phí đầu tư của Nhà nước cho các ngành khoa học cơ bản với nhiều mức khác nhau; các nguồn học bổng nước ngoài từ các đối tác của Trường, của Khoa; các hoạt động hỗ trợ về ngoại ngữ, phương pháp học tập...

TRI THỨC CHÍNH TRỊ HỌC CẦN CHO NHIỀU NGÀNH NGHỀ

Với tri thức nền tảng rộng và sâu về Khoa học Chính trị, sinh viên ngành Chính trị học sau khi ra trường đủ năng lực đảm đương vị trí tư vấn, tham mưu trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tư vấn, tham mưu trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội. Một bộ phận không nhỏ các em làm công tác nghiên cứu ở các cơ quan lý luận chính trị; nghiên cứu và giảng dạy Chính trị học trong hệ thống trường Đảng, các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề. Tri thức Chính trị học còn



giúp các em vững vàng tham gia vào hoạt động báo chí, truyền thông với tư cách là phóng viên, biên tập viên bình luận thời sự, chính trị tại các báo, đài truyền hình trung ương và địa phương.

Ngoài ra, cử nhân ngành Chính trị học cũng có thể tiếp tục học tập ở bậc sau đại học (Thạc sĩ và Tiến sĩ) chuyên ngành Chính trị học và Hồ Chí Minh học. Sinh viên cũng có thể học thêm để lấy bằng hai, bằng kép bậc đại học một số ngành có liên quan: Khoa học Quản lý, Báo chí - Truyền thông, Quốc tế học, Ngoại ngữ...

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG



PGS.TS Nguyễn Hồi Loan
Trưởng Bộ môn Công tác xã hội,
Khoa Xã hội học

- TÊN NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI
- MÃ NGÀNH: QHX03
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA XÃ HỘI HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGHỀ CỦA NHỮNG *tấm lòng nhân ái*

Trên thế giới, nghề Công tác xã hội (CTXH) ra đời cách đây khoảng 100 năm, khởi nguồn bằng các hoạt động từ thiện, giúp đỡ của các nhà Thiên Chúa giáo trong các tu viện. Ở nước ta, từ sau năm 2010, khi Chính phủ ban hành Đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020 (Quyết định 32/2010/QĐ-TTg), chính thức coi CTXH là một ngành khoa học và một nghề chuyên môn thì nghề này mới bắt đầu phát triển mạnh. Trong tương lai, CTXH là nghề có nhu cầu nhân lực lớn do xuất phát từ thực tế là, con người trong xã hội hiện đại ngày càng phải đối mặt với sức ép, rủi ro lớn, cần được sự quan tâm, hỗ trợ của cộng đồng và xã hội.



THIỆT NHÂN LỰC CÓ NGHỀ

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, CTXH đã phát triển thành một nghề chuyên nghiệp. Còn ở Việt Nam, nghề CTXH mới chỉ bắt đầu hình thành, chưa phát triển một cách toàn diện trên tất cả các khía cạnh của lĩnh vực này. Thực tế cho thấy, đội ngũ những người làm CTXH phát triển một cách tự phát, chủ yếu từ các tổ chức đoàn thể như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, cán bộ phường, xã và thậm chí là những người dân tự nguyện. Họ làm việc phần lớn dựa trên kinh nghiệm, chưa được đào tạo về



phương pháp, kỹ năng nghề cần thiết về CTXH. Do vậy, hiệu quả giải quyết các vấn đề xã hội, vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng dân cư không cao, thiếu tính bền vững.

Báo cáo của Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) năm 2018 cho biết, hiện nay, số người cần trợ giúp xã hội trên cả nước rất lớn, khoảng 22,5 triệu người, chiếm 25% dân số. Trong đó, có trên 10 triệu người cao tuổi không có lương hưu; 7,6 triệu người khuyết tật; 1,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 2,9 triệu hộ nghèo và cận nghèo, hơn 1,8 triệu hộ gia đình cần được trợ cấp hàng tháng; khoảng 254.000 người nhiễm HIV/AIDS, hơn 234.000 người nghiện ma túy, hơn 48.000 người bán dâm; 30.000 nạn nhân bạo hành gia đình và nhiều phụ nữ, trẻ em bị ngược đãi, bị buôn bán, bị xâm hại hoặc lang thang kiếm sống trên đường phố. Tuy nhiên, cho đến nay, cả nước mới chỉ có khoảng 70.000 nhân viên hành nghề CTXH, trong đó phần lớn chưa được đào tạo bài bản mà chỉ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn.

Theo PGS.TS Nguyễn Hồi Loan - Trưởng Bộ môn Công tác xã hội, Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV, dân tộc Việt Nam có một truyền thống quý báu, đó là yêu thương, đùm bọc lẫn nhau và giá trị này rất phù hợp với ngành CTXH. "Từ xa xưa, khi một người gặp



hoạn nạn, cả làng xóm xúm vào giúp đỡ, nhưng đó chỉ là hoạt động từ thiện thôi. CTXH hoàn toàn khác. Nó là hoạt động mang tính chuyên nghiệp và đòi hỏi người làm CTXH cần phải có triết lý, phương pháp khoa học thì mới có thể giúp các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội tự mình đương đầu và vượt qua vấn đề nan giải của bản thân. Đó là lý do tại sao người làm CTXH, ngoài tình yêu thương con người còn cần nắm vững các kiến thức, kỹ năng của nghề. Và muốn như vậy thì họ phải được đào tạo một cách bài bản", PGS.TS Nguyễn Hồi Loan cho biết.



GIẢM THIỂU RÀO CẢN, BẤT BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI

CTXH là nghề có sứ mạng giúp đỡ, hỗ trợ, chăm sóc những người không may mắn, có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong cộng đồng, nhằm giúp họ hòa nhập và có cuộc sống tốt hơn. Đó có thể là người khuyết tật, người nghèo, những người không có khả năng tự chăm sóc, tự vệ, những người mắc bệnh nan y hoặc nạn nhân của các biến cố chính trị, xã hội, thiên tai. CTXH chính vì vậy có vai trò làm giảm thiểu những rào cản, bất công và bất bình đẳng trong xã hội. Và nghề CTXH còn được gọi là nghề của những tấm lòng nhân ái, của sự cảm thông và yêu thương.

Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV bắt đầu đào tạo hệ cử nhân ngành Công tác xã hội vào năm 1988. Trong quá trình phát triển, Khoa đã và đang đào tạo 3 hệ: Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ và là cơ sở hàng đầu cả nước về đào tạo ngành học này. PGS. TS Nguyễn Hồi Loan cho biết, chương trình đào tạo ngành CTXH của Khoa gần như không có sự khác biệt với chương trình đào tạo của các nước phát triển như Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc. Khoa đào tạo cho sinh viên 3 khối kiến thức. Thứ nhất là khối kiến thức cơ bản về Triết học, Lịch sử, Văn hóa... Thứ hai là khối kiến thức cơ sở nền tảng của ngành CTXH

gồm: Hành vi con người, Môi trường xã hội, Tham vấn... Thứ ba là khối kiến thức chuyên ngành, đi sâu vào những biện pháp, lĩnh vực công tác như: CTXH với người nghèo, CTXH với người khuyết tật, tâm thần, trẻ em, người già... Trong đó, khối lượng kiến thức thực hành, thực tập trên giảng đường, tại cơ sở chiếm 1/3 chương trình học.

“Sinh viên thực tập dưới hình thức can thiệp, trợ giúp cho các nhóm yếu thế cụ thể như người già, trẻ em lang thang, mồ côi... tại các trung tâm bảo trợ xã hội. Các em được rèn luyện dưới sự chỉ dẫn của giáo viên giảng dạy về lý luận và sự kèm cặp, chỉ bảo, hướng dẫn tỉ mỉ của các nhân viên tại cơ sở ngay khi kết thúc năm thứ nhất cho đến tận khi tốt nghiệp. Chính sự kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo lý luận và thực hành nên các em không ngỡ ngàng khi ra trường và có thể bắt tay ngay vào công việc cụ thể tại cơ sở mình làm việc”, PGS.TS Nguyễn Hồi Loan khẳng định.

Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ cao với 08 Giáo sư, Phó Giáo sư và nhiều Tiến sĩ cùng các nhà khoa học được mời tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành cho sinh viên. PGS.TS Nguyễn Hồi Loan chia sẻ: “Bản chất của CTXH là sự kết hợp của các ngành khoa học xã hội và để đảm bảo cho CTXH được hiệu quả, việc am hiểu nhu cầu, tâm lý, văn hóa, lối sống... của các nhóm người yếu thế là rất cần thiết. Trường

ĐHKHXH&NV là trung tâm đào tạo khoa học xã hội và nhân văn hàng đầu trong cả nước, nơi tụ hội của rất nhiều chuyên gia hàng đầu về khoa học xã hội nhân văn, do đó đây là lợi thế rất lớn cho việc đào tạo ngành CTXH”.

Hiện tại, Khoa có nhiều mối quan hệ với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới và cùng các trường này trực tiếp tham gia đào tạo sinh viên. Có thể kể đến các trường: Đại học San Jose State, Đại học Michigan, Đại học Tổng hợp Washington (Hoa Kỳ); Đại học Shukutoku, Đại học Fukushima (Nhật Bản); Đại học Lund (Thụy Điển), Đại học Zurich (Thụy Sĩ)... Trong nước, Khoa có một mạng lưới cơ sở thực tập gồm: Các trung tâm bảo trợ xã hội - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và các trung tâm trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người cao tuổi... do tư nhân tổ chức.

NGHỀ ĐƯỢC TÔN VINH

Đánh giá về nhu cầu lao động ngành CTXH, PGS.TS Nguyễn Hồi Loan cho rằng, xã hội phát triển như hiện nay đang và sẽ tạo ra những sức ép rất lớn với cả những người làm công tác quản lý lẫn người dân. Con người phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, rủi ro trong cuộc sống như đói nghèo, thất nghiệp, kinh tế sa sút, thiên tai... Con người cũng phải chịu sức ép lớn về đời sống tinh thần nên rất dễ dẫn đến những căng thẳng, lo âu, bệnh tật. Mặt khác, hiện nay vấn đề phân chia giai tầng trong xã hội, sự cách biệt giữa những nước nghèo và giàu ngày càng xa khiến người yếu thế trong xã hội ngày càng nhiều. Chính thực tế đó đòi hỏi phải có đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp làm CTXH.

Hiện tại, trên cả nước có 55 trường đại học, cao đẳng và 21 cơ sở dạy nghề đào tạo ngành CTXH với hàng nghìn sinh viên ra trường mỗi năm nhưng với ưu thế có lý luận tốt, kiến thức rộng và sâu nên sinh viên



ngành CTXH Trường ĐHKHXH&NV dễ tìm kiếm việc làm. Thực tế cho thấy, có đến 90% sinh viên của Khoa có việc làm sau một năm tốt nghiệp.

“CTXH có vai trò đảm bảo an sinh xã hội cho người dân và là phương tiện, công cụ rất hữu hiệu để đưa chính sách xã hội, đường lối của Đảng và Nhà nước vào thực tế một cách hiệu quả. Việc Chính phủ đầu tư đến 2.347,4 tỷ đồng để phát triển Đề án 32 về nghề CTXH là minh chứng rõ ràng cho điều này. Do đó, trong hiện tại và tương lai, nghề CTXH sẽ ngày càng được coi trọng, tôn vinh. Đây là cơ hội mà sinh viên nên nắm bắt trong thời điểm hiện nay”, PGS.TS Nguyễn Hồi Loan nhấn mạnh.

MINH ĐỨC





GS.TS Mai Ngọc Chừ
Nguyên Trưởng Bộ môn Đông Nam Á học,
Khoa Đông phương học

- TÊN NGÀNH: ĐÔNG NAM Á HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX04
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, D01, D04, D78, D83

NGÀNH ĐÔNG NAM Á HỌC

Ngành học giàu tiềm năng

Đông Nam Á ngày nay là khu vực kinh tế phát triển năng động nhất thế giới với dân số trên 650 triệu người và GDP trên 2.600 tỷ USD (năm 2018). Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) dự báo, đến năm 2020, khu vực này sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới. Không chỉ có nền văn hóa, lịch sử giàu bản sắc cùng tiềm năng phát triển kinh tế lớn mạnh, Đông Nam Á còn ngày càng trở thành một thực thể đoàn kết, gắn bó với nhau biểu hiện qua sự hình thành của **Cộng đồng ASEAN vào cuối năm 2015. Tầm quan trọng và sức hấp dẫn của khu vực này đã thúc đẩy sự hình thành của nhiều trung tâm nghiên cứu và đào tạo về Đông Nam Á học trên khắp thế giới.**



KHU VỰC NĂNG ĐỘNG, GIÀU BẢN SẮC VĂN HÓA

Khu vực Đông Nam Á từ xưa, trong các sách cổ của Ấn Độ đã được nói đến với những cái tên như: Suvarnabhumi (Đất vàng) hay Suvarnadvipa (Đảo vàng), người Trung Hoa thì gọi là Nam Dương, tương tự người Nhật Bản dùng từ Nan Yo (tức Nam Dương), người Ả Rập gọi là Zabag, còn người Hy Lạp, La Mã từ giữa thế kỷ II trước Công nguyên cũng gọi là Chryse



(Đất vàng). Từ xa xưa, thế giới đã biết đến khu vực Đông Nam Á như là một mắt xích quan trọng trên con đường buôn bán Đông Tây. Không chỉ là cầu nối, trung chuyển hàng hóa, Đông Nam Á còn cung cấp nhiều sản vật quý giá (vàng, ngà voi, gỗ quý, long não, đinh hương, hồ tiêu...) cho hoạt động buôn bán liên khu vực.

Trước đây, khi nghiên cứu về Đông Nam Á, các học giả phương Tây thường có xu hướng coi Đông Nam Á là một bản sao, là vùng phụ cận của văn hóa - văn minh Ấn Độ và Trung Hoa. Nhưng về sau, đặc biệt kể từ khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc cho đến nay, các học giả đều đi đến công nhận Đông Nam Á là một khu

vực địa lý, lịch sử, văn hóa và chính trị riêng biệt.

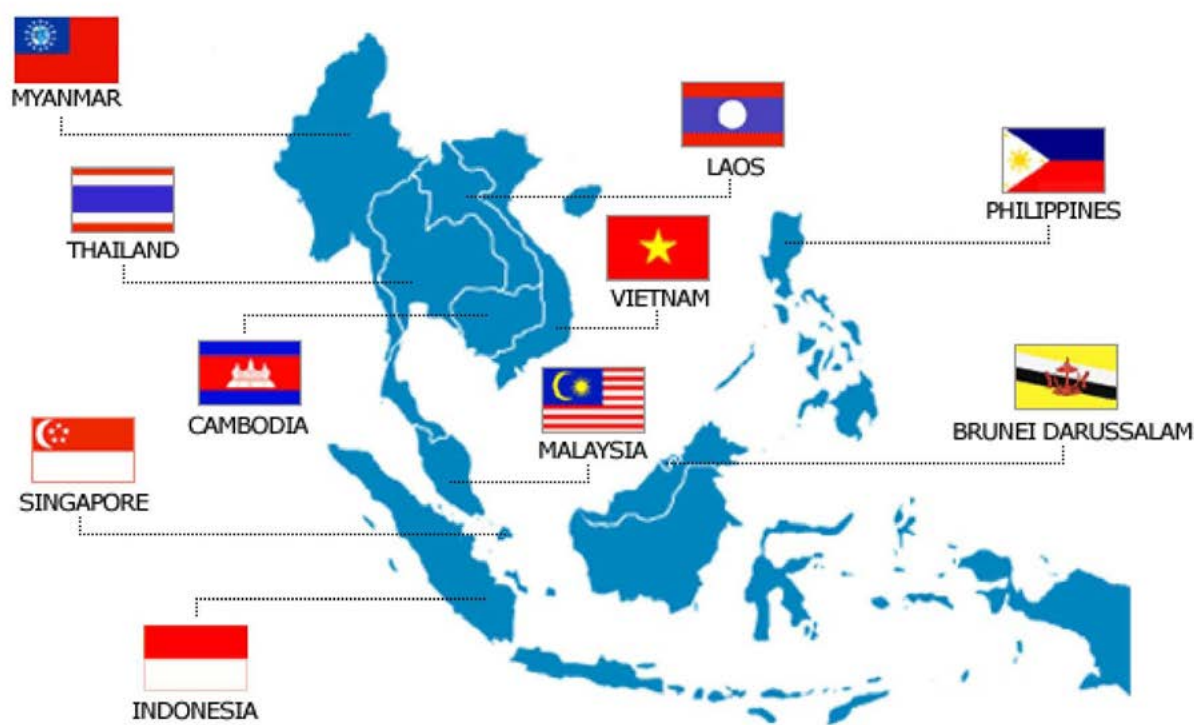
Ngày nay, Đông Nam Á là khu vực kinh tế phát triển năng động trên thế giới. Ngoài những nước giàu có như Singapore, Brunei có mức thu nhập bình quân đầu người vào loại cao nhất thế giới, Đông Nam Á còn có Indonesia nằm trong Nhóm các nền kinh tế lớn toàn cầu (G20), có Malaysia, Thái Lan là các nền kinh tế giàu sức cạnh tranh, có Philippines, Việt Nam lọt vào top các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong vài năm vừa qua cũng như dự báo trong những năm tới (theo Bloomberg)...

Năm 2015, Cộng đồng ASEAN chính thức hình thành, mở ra khả năng đoàn kết, hợp tác và phát triển mới trong lịch sử khu vực. Hơn nữa, sự hình thành Cộng đồng ASEAN còn giúp tăng cường uy tín, vị thế khu vực cũng như gia tăng khả năng cạnh tranh kinh tế của Đông Nam Á với các khu vực kinh tế khác trên thế giới.

ĐÀO TẠO ĐÔNG NAM Á HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG KHU VỰC HỌC

Theo GS.TS Mai Ngọc Chừ - nguyên Trưởng Bộ môn Đông Nam Á học, Khoa Đông phương học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, Đông Nam Á học trên thế giới được hình thành và phát triển từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, bắt đầu từ Bắc Mỹ và sau đó lan tỏa sang châu Âu từ những năm 1950. Đến thập niên 1970, Đông Nam Á học nhận được sự quan tâm rộng rãi của

ASEAN Member Countries



giới khu vực học thế giới. Khoảng đầu thập niên 1990, khi chiến tranh lạnh kết thúc, sự quan tâm của các học giả Âu - Mỹ đối với Đông Nam Á học có xu hướng giảm sút thì tại chính Đông Nam Á, ngành học này lại bắt đầu phát triển. Nhiều trung tâm nghiên cứu và đào tạo về Đông Nam Á học mới hình thành tại khu vực, tiêu biểu như Viện Nghiên cứu Đông Nam Á của Singapore, Bộ môn Nghiên cứu Đông Nam Á của Đại học Malayu (Malaysia), Đại học Thammasat (Thái Lan)...

Tại Việt Nam, chuyên ngành Đông Nam Á học đã được đào tạo tại Khoa Đông phương học, Trường ĐHKHXH&NV từ năm 1997 và đây cũng là đơn vị tiên phong trong nghiên cứu về lĩnh vực này. Sau hơn 20 năm phát triển đội ngũ, tích lũy kinh nghiệm nghiên cứu, đào tạo và xây dựng các mối quan hệ quốc tế với các cơ sở đào tạo hàng đầu, năm 2018, Đông Nam Á chính thức trở thành một ngành học độc lập bậc đại học, không còn là một chuyên ngành thuộc Đông phương học.

"Ngành Đông Nam Á học ra đời là xu thế tất yếu, cần thiết, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên sâu về Đông Nam Á; cũng như đáp ứng nhu cầu hiểu biết ngày càng lớn của Việt Nam về các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN. Ngoài ra, với việc Cộng đồng ASEAN được

thành lập, nguồn nhân lực về Đông Nam Á học không chỉ đáp ứng nhu cầu công việc tại Việt Nam mà còn có thể cung cấp cho thị trường lao động các nước trong khu vực. Nghiên cứu về Đông Nam Á và nghiên cứu Việt Nam trong mối quan hệ phát triển với khu vực Đông Nam Á góp phần thúc đẩy sự hội nhập và phát triển của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN" - GS.TS Mai Ngọc Chừ nói về triển vọng của ngành học.

Ở nhiều cơ sở đào tạo khác, Đông Nam Á học mới chỉ dừng ở đất nước học, tức là đào tạo tập trung vào ngôn ngữ và văn hóa theo từng quốc gia trong khu vực. Đông Nam Á học tại Trường ĐHKHXH&NV được định hướng là một ngành nghiên cứu, đào tạo về khu vực học, mang tính liên ngành. Mục tiêu đào tạo của ngành Đông Nam Á học được xác định rõ: "Đào tạo cử nhân ngành Đông Nam Á học có kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn cùng những kiến thức hệ thống, chuyên sâu, hiện đại và cập nhật về Đông Nam Á trên các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, quan hệ quốc tế của khu vực, về tổ chức ASEAN và những vấn đề liên quan đến Việt Nam".

Theo GS.TS Mai Ngọc Chừ, việc cung cấp kiến thức tổng hợp, toàn diện và liên ngành về khu vực Đông Nam Á giúp sinh viên có cái nhìn so sánh, đối chiếu khi nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến từng

quốc gia. Ví dụ, kinh tế là một ngành khoa học có đối tượng nghiên cứu riêng song để nhìn ra sự khác biệt giữa sự phát triển của kinh tế Indonesia và Malaysia thì cần cách tiếp cận khu vực học.

Nhiều học phần kiến thức hiện đại về ASEAN như kinh tế ASEAN, chuyên đề từng nước về ASEAN như về Lào, Thái Lan, Indonesia...; những kiến thức chuyên ngành về du lịch ASEAN, báo chí truyền thông ASEAN... là những điểm nhấn làm CTĐT Đông Nam Á học thêm phong phú, đặc sắc.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng được tiếng Anh và một ngôn ngữ khu vực như tiếng Thái Lan, tiếng Malay (ngôn ngữ quốc gia của Malaysia, Indonesia, Brunei và Singapore); đồng thời nắm được phương pháp nghiên cứu khu vực học và kỹ năng giao tiếp quốc tế. Tiếng Anh và tiếng bản địa được dạy trong chương trình gắn với chuyên ngành, giúp sinh viên có thể dùng ngoại ngữ để đi sâu học tập, nghiên cứu về Đông Nam Á.

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG LÀ CẢ KHỐI ASEAN

"Thị trường lao động cho cử nhân Đông Nam Á học không chỉ ở Việt Nam mà sẽ là cả khối ASEAN và những quốc gia có quan hệ hợp tác với các nước ASEAN" - GS.TS Mai Ngọc Chừ nói về cơ hội việc làm rộng mở ở cả trong nước và nước ngoài của sinh viên tốt nghiệp ngành học này.

Theo khảo sát, cử nhân Đông Nam Á học của Trường ĐHKHXH&NV đã và đang đảm nhiệm các vị trí công tác tại các đại sứ quán các nước ASEAN tại Việt Nam; Bộ



Công an, Bộ Quốc phòng; các vụ Hợp tác quốc tế của các bộ, ngành ở Việt Nam; các tổ chức quốc tế (UNDP, UNESCO,...), các văn phòng đại diện của nước ngoài tại Việt Nam; Bộ Ngoại giao (Vụ Đông Nam Á, Học viện Ngoại giao, các đại sứ quán của Việt Nam tại các nước ASEAN...); các viện nghiên cứu, các trường đại học...

Sinh viên còn có thể làm việc trong các lĩnh vực mang tính ứng dụng, dịch vụ như: các công ty du lịch của nước ngoài (đặc biệt là của các nước thuộc khối ASEAN) và của Việt Nam; các đài phát thanh, truyền hình, các hãng thông tấn, báo chí... liên quan đến ASEAN; các doanh nghiệp, công ty xuyên quốc gia ở các nước ASEAN... "Thậm chí, có những sinh viên tốt nghiệp ngành Đông Nam Á học sang dạy tiếng Việt ở các nước trong khu vực. Sinh viên Đông Nam Á học hoàn toàn có thể thích nghi và hội nhập tốt ở nhiều loại hình công việc trên nền tảng kiến thức và kỹ năng mà CTĐT cung cấp cho các em" - GS.TS Mai Ngọc Chừ khẳng định.

THANH HÀ





TS. Lưu Tuấn Anh

Nguyên Trưởng khoa Đông phương học

- TÊN NGÀNH: ĐÔNG PHƯƠNG HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX05
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

Cánh cửa hội nhập với thế giới phương Đông

Đông phương học được chính thức đào tạo tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN từ năm 1995. Cho đến nay, ngành học này luôn là mong ước của nhiều bạn trẻ muốn học tập, nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa, kinh tế, xã hội các nước phương Đông - một khu vực có vị trí quan trọng bậc nhất trong thế giới ngày nay. Điểm tuyển sinh đầu vào của ngành luôn thuộc nhóm cao trong Trường và sinh viên Đông phương học cũng đứng top đầu về khả năng tìm kiếm học bổng du học nước ngoài.

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN NGÀNH HẤP DẪN

Chia sẻ về đối tượng của ngành học, TS. Lưu Tuấn Anh - nguyên Trưởng khoa Đông phương học cho biết: "Theo cố GS. NGND Phan Huy Lê - nguyên Trưởng khoa Đông phương học đầu tiên, người đã có công xây dựng nên Khoa Đông phương học thì phương Đông là khái niệm của phương Tây, xuất phát từ cách nhìn của phương Tây để chỉ một vùng rộng lớn của thế giới bao gồm châu Á trải rộng sang cả châu Phi và ngành khoa học nghiên cứu về khu vực đó được gọi là Đông phương học".

Ngành học này ra đời xuất phát từ nhu cầu tìm hiểu thuộc địa của các nước phương Tây từ cuối thế kỷ 18 nhưng từ nửa sau thế kỷ 20, Đông phương học mang nội hàm mới là nghiên cứu tổng thể về các nước Á - Phi phục vụ cho lợi ích của chính các quốc gia này. Phương pháp nghiên cứu cũng có thay đổi lớn: từ chú trọng nghiên cứu các chuyên ngành về ngôn ngữ, văn học, lịch sử, khảo cổ... sang nghiên cứu liên ngành.

Khoa Đông phương học của Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN ra đời năm 1993 và chính thức thành lập năm 1995. Ngay từ ban đầu, Khoa đã nhận thức được sự phát triển của Việt Nam luôn gắn bó với khu vực



phương Đông và đề ra nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trẻ đáp ứng nhu cầu của xã hội trong quá trình hiện đại hóa và mở cửa hội nhập của đất nước. Từ đó, Khoa đã định hướng đào tạo và nghiên cứu để tìm hiểu một cách chủ động, khách quan về các nước trong khu vực Đông Á, Đông Nam Á, Tây Nam Á, thậm chí mở rộng sang cả Australia và các nước Trung Cận Đông để phục vụ cho mọi lĩnh vực quan hệ của Việt Nam với các quốc gia trong khu vực này.

Trong lịch sử, Việt Nam đã sớm có quan hệ giao lưu văn hóa mật thiết với các nước ở Đông Nam Á; các nước ở Đông Á như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc; các nước Nam Á mà điển hình là Ấn Độ... Đối với giai đoạn phát triển hiện nay, Việt Nam đang mở cửa, hội nhập vào cộng đồng khu vực và thế giới, tăng cường và phát triển giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học với các nước trên thế giới thì các nước phương Đông - một khu vực rộng lớn, giàu tiềm năng và đầy tính năng động luôn giữ một vị trí quan trọng.

TS. Lưu Tuấn Anh cho biết: Với ý nghĩa đó, mục tiêu của Khoa Đông phương học là đào tạo ra nguồn nhân lực có kiến thức, phương pháp và kỹ năng làm việc trong các lĩnh vực liên quan tới quan hệ giữa Việt Nam và các nước phương Đông. Trên nền tảng của đào tạo về khu vực học mang tính đa ngành và liên ngành, Khoa đang đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển các chuyên ngành thành ngành đào tạo chuyên sâu. Trong

đào tạo bậc cử nhân, sau khi các chuyên ngành Đông Nam Á học, Nhật Bản học và gần nhất là Hàn Quốc học đã được phát triển thành ngành học độc lập, ngành Đông phương học ngoài việc cung cấp những khối kiến thức về khu vực học sẽ tiếp tục chú trọng vào các định hướng chuyên ngành Trung Quốc học, Ấn Độ học và Thái Lan học... Đây đều là những hướng chuyên ngành rất hấp dẫn và có nhu cầu cao trong thị trường nhân lực hiện nay.

NHỮNG NÉT ĐẶC SẮC TRONG ĐÀO TẠO

Ngay từ ban đầu, chương trình đào tạo (CTĐT) của ngành Đông phương học đã được xác định và triển khai theo hướng tiếp cận đa ngành và liên ngành. CTĐT được thiết kế cân đối giữa ngôn ngữ và kiến thức chuyên môn, giữa kiến thức chung về châu Á, khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Tây Nam Á với kiến thức chuyên sâu về một đất nước cụ thể. Theo ngành Đông phương học, sinh viên được học tập các kiến thức toàn diện bao gồm: lịch sử, văn hoá, văn học, địa lí, kinh tế, chính trị - ngoại giao... của các quốc gia theo các chuyên ngành Trung Quốc học, Ấn Độ học và Thái Lan học. TS. Lưu Tuấn Anh khẳng định, đây là điểm độc đáo của CTĐT, giúp người học vừa có kiến thức nền tảng rộng về khu vực học, vừa có kiến thức chuyên sâu về đất nước học.

Lợi thế tiếp nữa là sinh viên được học tập trong môi



trường quốc tế hóa và liên ngành, có thể giao lưu học hỏi về các quốc gia và khu vực khác ngoài phạm vi chuyên ngành của mình. Sinh viên cũng được trang bị khả năng ngoại ngữ có tính thực hành cao, khả năng nghiên cứu độc lập và các kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp quốc tế chủ động. Các ngoại ngữ chuyên ngành đa dạng gồm tiếng Thái, tiếng Malayu, tiếng Hàn, tiếng Trung... Ngoài ra, còn có các khóa đào tạo ngắn hạn tiếng Hindi và tiếng Ba Tư..., bổ sung thêm nét đặc sắc của CTĐT.

TS. Lưu Tuấn Anh nhấn mạnh rằng: Sinh viên Đông phương học được đào tạo để nắm vững phương pháp nghiên cứu khu vực học, có khả năng nắm bắt các vấn đề thời sự, hiện đại, cập nhật của khu vực phương Đông cũng như xu hướng phát triển ở các quốc gia tiêu biểu. Không chỉ là những kiến thức về một phương Đông truyền thống mà CTĐT còn hướng tới những tri thức mới về một phương Đông hiện đại, phát triển. Kiến thức về đất nước học và khu vực học phải được nhìn nhận trong sự so sánh, đối chiếu với Việt Nam, trọng tâm đặt vào việc giải quyết quan hệ của Việt Nam với khu vực. Có thể thấy được tinh thần này ở các học phần như: *Phương Đông trong toàn cầu hóa, Chính sách ngoại giao của Trung Quốc và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, Trung Quốc đương đại, Quan hệ đối ngoại của Ấn Độ và quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, Ấn Độ đương đại, Thái Lan trên con đường phát triển hiện đại, Văn hóa đại chúng Hàn Quốc, Xã hội Hàn Quốc...*

Là một trong số ít các cơ sở đào tạo uy tín hàng đầu về Đông phương học, Khoa Đông phương học đang nhận được sự hợp tác, hỗ trợ của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể là sự hỗ trợ về nguồn tài liệu học tập từ các tổ chức nước ngoài như: Koica, Korea Foundation, Lotte..., các cơ quan chính phủ nước ngoài như: Đại sứ quán Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội... Khoa phối hợp với các quỹ và doanh nghiệp nước ngoài xây dựng các phòng học trực tuyến chuyên đề: phòng Hàn Quốc học, phòng Thái Lan học, phòng Iran... Hàng nghìn đầu tài liệu chuyên đề được đưa vào sử dụng phục vụ các chuyên ngành đào tạo.

Bên cạnh đó, Khoa cũng đã mời các Giáo sư nước ngoài sang giảng dạy trực tiếp cho sinh viên, tiêu biểu là chuỗi bài giảng theo dự án của Quỹ One Asia, bài giảng về *Các vấn đề nóng của Trung Đông*, chuỗi bài giảng về Hàn Quốc học do Korea Foundation tài trợ...

Bên cạnh hoạt động học tập, nghiên cứu, sinh viên ngành Đông phương học còn có các hoạt động ngoại khóa phong phú, nhiều màu sắc. Đó là hoạt động giao lưu văn hóa nhằm tăng cường trải nghiệm văn hóa và kiến thức về hội nhập khu vực cho sinh viên. Hai năm một lần, Khoa tổ chức *Đêm Đông phương* với các tiết mục văn nghệ mang đậm dấu ấn văn hóa của các quốc gia phương Đông. *Tuần lễ phim Đông*

phương của Khoa giới thiệu ra toàn trường các bộ phim kinh điển của các nền điện ảnh châu Á do chính sinh viên chọn lọc, phiên dịch, thuyết minh, trình chiếu và tổ chức giao lưu giới thiệu phim. Sinh viên Đông phương học là đại diện của sinh viên Nhà trường trong các sự kiện: đón đại sứ các nước thăm trường, giao lưu với đoàn sinh viên quốc tế, tham gia trại hè và các sự kiện văn hóa ở nước ngoài...

10% SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG NƯỚC NGOÀI

Để khuyến khích và mở rộng cơ hội học tập của sinh viên, Khoa cũng luôn phát triển quan hệ hợp tác quốc tế, đem về nhiều suất học bổng trợ cấp, học bổng du học, các đợt thực tập ở nước ngoài hoặc tại doanh nghiệp nước ngoài cho sinh viên. Bên cạnh chương trình hỗ trợ của các đại sứ quán, của cơ quan tổ chức hay các doanh nghiệp nước ngoài, Khoa cũng tích cực hợp tác với hàng chục trường đại học trong khu vực như Đại học Bắc Kinh, Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại học Seoul, Đại học Ngoại ngữ Busan, Đại học Văn hóa truyền thống, Đại học Kwangwoon (Hàn Quốc), Đại học Chulalongkorn (Thái Lan), Đại học Jawaharlal Nehru, Đại học Delhi, ĐH Calcutta (Ấn Độ)... để có các suất học bổng đi du học dài hạn, ngắn hạn, các bậc học từ trao đổi, công nhận tín chỉ, đến liên kết đào tạo đại học (2+2), hay các chương trình học bổng du học thạc sĩ, tiến sĩ...

Do chỉ tiêu đào tạo hàng năm không nhiều, chỉ vào khoảng trên dưới 100 sinh viên nên số lượng sinh viên ngành Đông phương học ra trường không đủ đáp ứng nhu cầu xã hội. Sinh viên ngành Đông phương học có thể làm việc tại các vị trí: nhân viên các đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam; nhân viên các tổ chức quốc tế (UNESCO, UNDP...); nhân viên Bộ Ngoại giao Việt Nam; nhân viên các vụ hợp tác quốc tế của các bộ, ngành; nhân viên các công ty du lịch nước ngoài; nghiên cứu viên, giảng viên về các lĩnh vực liên quan đến Đông phương học; phóng viên, biên tập viên của các cơ quan thông tấn báo chí trong và ngoài nước; nhân viên các doanh nghiệp xuyên quốc gia tại Việt Nam và nước ngoài...

Thống kê sơ bộ cho thấy, khoảng 70% sinh viên Đông phương học làm việc tại các doanh nghiệp nước ngoài hoặc các doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ với nước ngoài; 10% làm việc ở khối Nhà nước; 10% làm



việc tự do. Trong đó một bộ phận không nhỏ giảng dạy tiếng chuyên ngành cho các trường đại học ở Việt Nam hoặc giảng dạy tiếng Việt cho các trường đại học ở các nước châu Á.

"Theo ghi nhận của Khoa, khoảng 10% sinh viên tốt nghiệp chọn học lên các bậc học cao hơn ở trong và ngoài nước. Nếu chọn tiếp tục theo học tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, các em có thể theo học các CTĐT: Thạc sĩ châu Á học, Tiến sĩ Đông Nam Á học, Tiến sĩ Trung Quốc học tại Khoa để tiếp tục trau dồi chuyên môn và đi sâu vào những định hướng chuyên ngành mà mình muốn theo đuổi" - TS. Lưu Tuấn Anh nói.

Trong tương lai, các hướng chuyên ngành Thái Lan học, Ấn Độ học, Trung Quốc học, Ả rập học, Iran học... sẽ dần phát triển thành những ngành đào tạo độc lập theo xu thế chung của thế giới. Khoa Đông phương học sẽ được phát triển, mở rộng quy mô thành Viện Đông phương học để phù hợp với định hướng phát triển mới. Điều này sẽ mở ra cơ hội cho các cử nhân Đông phương học.

SONG NGƯ



TS. Đinh Thanh Hiếu
Phó Trưởng khoa Văn học

- TÊN NGÀNH: HÁN NÔM
- MÃ NGÀNH: QHX06
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA VĂN HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH HÁN NÔM

Cầu nối giá trị văn hóa truyền thống & hiện đại

Đối với không ít người, Hán Nôm dường như khá xa lạ vì từ lâu đây không còn là văn tự chính thức của quốc gia. Nhưng thực tế, những giá trị mà loại văn tự này mang lại rất gần gũi với đời sống của mỗi con người trong xã hội hiện đại. Cuộc trò chuyện với TS. Đinh Thanh Hiếu - Phó Trưởng khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN sẽ giúp chúng ta hiểu rõ vai trò của ngành Hán Nôm cũng như triển vọng nghề nghiệp của ngành học này.

- Xin TS. cho biết vai trò, vị trí của văn tự Hán Nôm trong xã hội xưa cũng như ngành Hán Nôm trong xã hội hiện nay?

Chữ Hán (chữ Nho, chữ "ta") và sau đó là chữ Nôm (văn tự do người Việt xây dựng trên cơ sở chất liệu chữ Hán để ghi âm tiếng Việt) rất quan trọng. Trong thời kỳ Bắc thuộc, chữ Hán là ngôn ngữ chính thức của các triều đại đô hộ, đến thời kỳ độc lập thì chữ Hán được các triều đại phong kiến Việt Nam sử dụng là văn tự quốc gia. Năm 1919, khi chế độ khoa cử Nho học chấm dứt thì cũng có thể xem là thời điểm mà vị trí của chữ Hán với tư cách là văn tự quốc gia mất đi. Tuy nhiên, chữ Hán vẫn còn tiếp tục được sử dụng thêm một vài thập kỷ nữa. Bằng chứng là hiện

còn khá nhiều tư liệu Hán Nôm có niên đại sau năm 1919, thậm chí là sau năm 1945. Ngay cả trên tờ giấy bạc của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát hành năm 1951 cũng vẫn còn in song song chữ quốc ngữ và chữ Hán. Như vậy, nếu tính từ khi nước nhà độc lập tự chủ đến năm 1919 thì chữ Hán tồn tại ở nước ta với tư cách là văn tự quốc gia hơn một thiên niên kỷ.

Chữ Hán cũng đóng vai trò quan trọng trong văn hóa cổ bởi tất cả giá trị của các lĩnh vực như Nho, y, lý, số, thiên văn, địa lý... của khu vực đồng văn gồm: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, Trung Quốc, trong đó lấy trung tâm là Trung Quốc đều được biểu đạt thông qua văn tự này. Riêng Việt Nam còn sử dụng thêm cả chữ Nôm. Khi chúng ta chuyển sang văn hóa cận, hiện đại và sử dụng chữ quốc ngữ - một loại hình văn tự khác - thì dẫn đến sự "đứt gãy về văn hóa", sự cách bức về nền tảng tri thức, văn hóa, học vấn có tính chất khu vực đó. Chính vì vậy, học chữ Hán, chữ Nôm là cửa ngõ giúp chúng ta tiếp cận với mạch nguồn truyền thống văn hóa của tổ tiên xưa. Ngành Hán Nôm là ngành học lấy nền tảng là văn bản Hán Nôm, do đó, nó được coi là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại.

- Nét đặc sắc của ngành Hán Nôm là gì thưa TS và sinh viên học ngành Hán Nôm của Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội được học những kiến thức và kỹ năng gì?

Ngành Hán Nôm là ngành đào tạo ra những người biết chữ Hán và chữ Nôm cùng những tri thức liên quan để có thể đọc, hiểu, minh giải những văn bản được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, nhằm tiếp nối và phát huy những di sản của người xưa trong xã hội ngày nay. Cụ thể là đào tạo ra những chuyên gia có thể làm những công việc như sưu tầm, bảo quản, phiên dịch, nghiên cứu, khai thác, giảng dạy về Hán Nôm. Ngành Hán Nôm có một sự khác biệt nhất định về đối tượng so với một số ngành cụ thể khác như Văn học, Lịch sử... Nó mang tính liên ngành và tổng quát, trên nền tảng là văn bản Hán Nôm. Sở dĩ có điều này bởi vì thời xưa "Văn, Sử, Triết bất phân" và các giá trị mang tính nguyên hợp. Trong văn bản Hán Nôm có lịch sử, văn chương, tôn giáo..., chính vì vậy để có thể tiếp cận, minh giải văn bản Hán Nôm, ngoài việc biết chữ Hán, chữ Nôm thì phải có kiến thức về những lĩnh vực đó.

Theo quy chế của Đại học Quốc gia Hà Nội và quy định của Trường ĐHKHXH&NV, chương trình đào tạo của ngành Hán Nôm - Khoa Văn học có năm khối kiến thức.

Thứ nhất là khối kiến thức chung như: *Triết học, Chính trị, Ngoại ngữ...*

Thứ hai là kiến thức theo lĩnh vực, tức là kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn như: *Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Tâm lý học đại cương...*



Thứ ba là kiến thức theo khối ngành Ngữ văn như: *Dẫn luận ngôn ngữ học, Hán Nôm cơ sở, Văn học Việt Nam đại cương...*

Thứ tư là kiến thức theo nhóm ngành của Hán Nôm như: *Văn học trung đại Việt Nam, Văn học cổ Trung Quốc, Nho Phật Đạo, Giáo dục và khoa cử Việt Nam, Giới thiệu và phân tích kho sách Hán Nôm...*

Thứ năm là kiến thức ngành Hán Nôm, chia làm 4 nhóm: *Hán văn Trung Quốc, Hán văn Việt Nam, Chữ Nôm và văn bản chữ Nôm, Lý thuyết và nghiệp vụ chuyên môn.* Trong Hán văn Trung Quốc, chúng tôi chủ yếu tập trung vào giảng dạy các kinh điển Nho gia là *Tứ thư, Ngũ kinh, Đường thi, Cổ văn...* Hán văn Việt Nam thì được phân kỳ theo thời gian: *Hán văn Việt Nam thế kỷ X-XIV, Hán văn Việt Nam thế kỷ XV-XVIII, Hán văn Việt Nam thế kỷ XIX-XX.* Với nhóm kiến thức chữ Nôm và văn bản chữ Nôm, sinh viên sẽ được học sâu lý thuyết về chữ Nôm và thực hành đọc các văn bản chữ Nôm.

Với nhóm kiến thức lý thuyết và nghiệp vụ, chúng tôi giảng dạy tập trung các môn: *Ngữ pháp văn ngôn, Văn bản học Hán Nôm, Văn tự học Hán Nôm, Từ chương học Hán Nôm...*; các kỹ năng để tiếp cận, minh giải văn bản Hán Nôm.

- Hiện trên cả nước có những cơ sở nào đào tạo ngành Hán Nôm? Đội ngũ giảng viên của Khoa Văn học cũng như phương thức đào tạo của Khoa có lợi thế cạnh tranh gì so với những cơ sở đào tạo Hán Nôm khác thưa TS?

Hiện tại, trên cả nước có ba cơ sở đào tạo ngành Hán Nôm ở bậc đại học gồm ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN, Đại học Khoa học Huế và ĐHKHXH&NV TP Hồ Chí Minh. Còn lại một số cơ sở khác chỉ đào tạo sau đại học như Học viện Khoa học Xã hội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Trong các cơ sở đào tạo ngành Hán Nôm ở bậc đại học, ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN có truyền thống lâu đời, từ khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký quyết định thành lập ngành Hán Nôm và giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (tiền thân của Đại học Quốc gia Hà Nội ngày nay) đào tạo bậc đại học ngành Hán Nôm vào năm 1972. Trên thực tế, phần lớn những người đã và đang làm công tác Hán Nôm tại các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy như Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Trường Đại học Sư



phạm Hà Nội... là cựu sinh viên của ngành Hán Nôm trường này.

Một trong những thế mạnh của Khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, đây là cơ sở duy nhất trong cả nước đào tạo cả 3 cấp cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ ngành Hán Nôm nên sinh viên ngành Hán Nôm ở Khoa nếu muốn có thể học xuyên suốt 3 bậc học. Thế mạnh nữa là Trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội - một đại học đa ngành, có đội ngũ chuyên gia lớn trên nhiều lĩnh vực cùng tham gia đào tạo. Chúng tôi cũng mời được các nhà khoa học đầu ngành ở các cơ quan bên ngoài tham gia đào tạo dưới hình thức kiêm nhiệm, thỉnh giảng... Mặt khác, chương trình đại học của chúng tôi có hướng tập trung mạnh về chữ nghĩa Hán Nôm, nghĩa là không phải chỉ đọc được chữ mà phải hiểu được tri thức và văn hóa xung quanh chữ ấy nữa. Đặc biệt, Khoa chú trọng giảng dạy về kinh điển Nho gia - *Tứ thư* và *Ngũ kinh* vốn là nền tảng quan trọng làm nên giá trị Hán học truyền thống.

- Hiện tại Khoa liên kết với những cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước nào thưa TS? Và điều này tạo thuận lợi gì cho sinh viên trong việc học lý thuyết cũng như thực hành kỹ năng nghề nghiệp? Sinh viên được thực tập từ năm nào và ra sao?

Ở trong nước, chúng tôi có mối liên kết với các cơ quan, tổ chức, trường đại học, viện nghiên cứu... có liên quan đến Hán Nôm như Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Văn học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Cục Di sản, Sở Văn hóa Thông tin, Bảo tàng, Ban quản lý di tích các địa phương... Ở nước ngoài, chúng tôi hợp tác với

Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại học Thành Công (Đài Loan), Hội Bảo tồn chữ Nôm của Hoa Kỳ, Đại học Osaka, Tokyo (Nhật Bản)... và đã tổ chức nhiều hoạt động chung như giảng dạy hay tham gia vào các công trình khoa học chung... Nhờ mối liên kết này, sinh viên của Khoa có thể đến các cơ sở để thực tập, lấy tài liệu thực hành văn bản Hán Nôm... một cách thuận lợi. Đây cũng là các nguồn có thể nhận sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Theo chương trình, học phần *Thực tập* được bố trí vào cuối năm thứ 3, còn hoạt động thực tế thì rải ra rất nhiều. Do tính chất đặc thù của chuyên môn, trong từng môn học đều có phần liên quan đến thực hành, nghĩa là chúng tôi giảng dạy trên thực tế văn bản. Trong chương trình còn có môn *Thực hành văn bản Hán Nôm* là môn thực hành trên lớp những dạng văn bản Hán Nôm khác nhau. Riêng môn học *Thực tập*, chúng tôi tổ chức các đoàn chuyên biệt của ngành đi về các cơ sở thực tập, trong đó giảng viên đi theo toàn phần để hướng dẫn và cùng làm việc trực tiếp với sinh viên trên thực địa. Ngoài ra, Khoa cũng có những hình thức ngoại khóa như tổ chức các sinh hoạt chuyên môn thực tế, đưa sinh viên đi đến Văn Miếu - Quốc Tử Giám, các đền chùa, di tích... để nâng cao năng lực chuyên môn cho sinh viên, gợi hứng thú cho người học cũng như kết nối các khóa sinh viên.

- Một trong những vấn đề mà người học quan tâm là việc làm sau khi ra trường. Xin TS cho biết, sinh viên tốt nghiệp ngành Hán Nôm có thể đảm nhiệm những vị trí nào?

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hán Nôm có thể làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Hán Nôm tại các trường đại học, các viện nghiên cứu. Ngoài ra, các em



cũng có thể làm việc tại các cơ quan thuộc khối nhà nước như Sở Văn hóa Thông tin, Bảo tàng, Ban quản lý di tích, Phòng Văn hóa... các địa phương, các cơ quan lưu trữ, các thư viện... Bên cạnh đó, họ có thể làm biên tập ở các cơ quan truyền thông, các nhà sách; làm phiên dịch, du lịch... Tất nhiên để làm các lĩnh vực này, họ phải hoàn thiện thêm các tri thức và kỹ năng khác tương ứng với công việc. Đáng lưu ý, một bộ phận lớn sinh viên ngành Hán Nôm học song song tiếng Trung hiện đại vì Đại học Quốc gia Hà Nội có chủ trương cho phép sinh viên học bằng kép, tức là vừa học ngành Hán Nôm ở Trường ĐHKHXH&NV vừa học ngành Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc ở Trường Đại học Ngoại ngữ (thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội). Như thế, khi ra trường sinh viên học bằng kép được cấp hai bằng, một là cử nhân Hán Nôm và hai là cử nhân tiếng Trung Quốc. Nhờ đó, sinh viên dễ dàng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp, tổ chức của Trung Quốc, Đài Loan...

Một hướng nữa của sinh viên Hán Nôm là du học nhờ học bổng chính phủ và các loại học bổng khác để học lên các chương trình theo các chuyên ngành khác nhau ở Trung Quốc, Đài Loan... Hiện tại, có một học bổng mà nhiều sinh viên Hán Nôm quan tâm là học bổng của chính phủ Trung Quốc. Mỗi năm, Trường nhận được 10 suất học bổng toàn phần cho giảng viên, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp... Người học được miễn phí học phí, chỗ ở và được cấp mỗi tháng khoảng 3.000-3.500 nhân dân tệ. Vài năm gần đây, năm nào sinh viên ngành Hán Nôm cũng giành được trung bình 3 suất trong số này.

- Một câu hỏi cuối cùng, sinh viên học ngành Hán Nôm phải có tố chất gì thưa TS?

Sinh viên muốn học tốt Hán Nôm cần có sự yêu thích, đam mê và một phần năng khiếu, mà tôi thường nói theo cách của người xưa là "hiếu cổ" và "năng văn". "Hiếu cổ" tức ham thích cái cổ, vì đây là ngành bắc cầu vào cổ học. "Năng văn" là khả năng về văn chương. Văn chương ở đây mang nghĩa rộng vì thời cổ "Văn, Sử, Triết bất phân". Ai thực sự "hiếu cổ" và "năng văn" thì sẽ rất có triển vọng trong việc học ngành Hán Nôm.

- Xin trân trọng cảm ơn TS!

TÙNG LÂM



TS. Lưu Tuấn Anh
Trưởng Bộ môn Hàn Quốc học,
Khoa Đông phương học

- TÊN NGÀNH: HÀN QUỐC HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX26
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN : A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH HÀN QUỐC HỌC

Đào tạo tri thức đa ngành và liên ngành về Hàn Quốc

Từ năm 2020, Hàn Quốc học - một trong những chuyên ngành của Khoa Đông phương học, vốn thu hút sự quan tâm đặc biệt của người học tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN - sẽ chính thức được tuyển sinh theo mã ngành độc lập. Điều này không chỉ giúp sinh viên tốt nghiệp ngành này lần đầu tiên nhận được bằng cử nhân Hàn Quốc học mà còn giúp họ được đào tạo sâu hơn, bài bản hơn, có nhiều cơ hội thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức của Hàn Quốc ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

NGÀNH HỌC "HOT"

Trong hơn 25 năm qua, Hàn Quốc đã nỗ lực và thành công trong việc xây dựng hình ảnh quốc gia tại Việt Nam, nhờ đó, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc chỉ trong thời gian ngắn đã được nâng tầm lên thành mối quan hệ "Đối tác hợp tác chiến lược". Hàn Quốc cũng vươn lên trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam... Cùng với tốc độ phát triển của quan hệ ngoại giao, kinh tế, văn hóa giữa hai nước, hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Hàn Quốc được đông đảo người dân Việt Nam biết đến và yêu mến.



Ngành đào tạo về Hàn Quốc tại Việt Nam, theo đó cũng phát triển nhanh chóng trên quy mô cả nước. Hiện có tới 35 trường đại học của Việt Nam chính thức đào tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học - tốc độ và quy mô đào tạo này được đánh giá là lớn nhất trong khu vực.

Là một trong những đơn vị đào tạo Hàn Quốc học đầu tiên tại Việt Nam từ năm 1993, ngay sau khi Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, Bộ môn Hàn Quốc học thuộc Khoa Đông phương học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN được coi là đơn vị đi đầu và có uy tín cao trong đào tạo Hàn Quốc học với tư cách là một ngành khoa học về đất nước học và khu vực học.

Nói về nguyên nhân khiến nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và học tập các ngành liên quan đến Hàn Quốc ở Việt Nam ngày càng tăng, TS. Lưu Tuấn Anh - Trưởng Bộ môn Hàn Quốc học, Khoa Đông phương học cho biết: "Kỳ tích sông Hàn" trong những năm 1960 - 1980 chính là nguồn cảm hứng cho các quốc gia vừa và nhỏ đang tìm kiếm kinh nghiệm để phát triển đất nước trong bối cảnh mới. Sau khi Hàn Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992, mối quan hệ của hai nước ngày càng khởi sắc trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, giáo dục và giao lưu văn hóa... Đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam liên tục tăng về quy mô và số lượng. Bên cạnh đó còn phải kể đến thành công của việc quảng bá văn hóa Hàn Quốc thông qua làn sóng Hallyu tại Việt Nam và các quốc gia trong khu vực. Tất cả những điều này đã nhanh chóng vun đắp nên một mối quan

hệ phát triển vượt bậc khiến nhu cầu tìm hiểu về Hàn Quốc của người Việt tăng cao.

Đáp ứng nhu cầu này, Hàn Quốc học ra đời, là ngành khoa học đào tạo và nghiên cứu về đất nước, con người Hàn Quốc, cung cấp cho Việt Nam những chuyên gia không những thành thạo tiếng Hàn mà còn nắm vững kiến thức tổng hợp về Hàn Quốc, có các kỹ năng cần thiết để nghiên cứu, giải quyết công việc liên quan đến Hàn Quốc.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TOÀN DIỆN

Chương trình đào tạo Hàn Quốc học tại Trường ĐHKHXH&NV cung cấp những kiến thức cơ bản về khu vực học và Hàn Quốc học, trong đó tập trung trang bị cho sinh viên trình độ tiếng Hàn cao cấp (tương đương trình độ cấp 5 theo bảng đánh giá năng lực tiếng Hàn 6 cấp hiện nay) và hệ thống các kiến thức chuyên ngành Hàn Quốc học: lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội... của Hàn Quốc.

Sinh viên cũng được trang bị kiến thức theo nhóm ngành đào tạo về Hàn Quốc, cơ bản xoay quanh ngôn ngữ - tiếng Hàn. Khối kiến thức này giúp người học hiểu được tiếng Hàn với các vấn đề về lý thuyết chuyên sâu, từ đó mở rộng ra các kiến thức về học thuật; vận dụng được kiến thức tiếng Hàn học thuật đó vào trong công việc chuyên môn, nâng cao trình độ tiếng Hàn, khai thác tài liệu ở các lĩnh vực chuyên ngành lịch sử, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, các

lĩnh vực mang tính hướng nghiệp để phục vụ cho công việc sau này.

“Về kiến thức ngành, sinh viên sẽ phân tích được các kiến thức cơ bản, tổng quan chung mang tính đa ngành và liên ngành về Hàn Quốc như địa lí, lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, quan hệ quốc tế trong lịch sử và hiện tại, đối chiếu với trường hợp của Việt Nam, của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; xây dựng, quản lí và điều hành được các hoạt động chuyên môn liên quan đến Hàn Quốc học như đào tạo, xây dựng chương trình tọa đàm, để án nghiên cứu cho các mảng ngôn ngữ, văn hóa, các chương trình quảng bá, phân tích chiến lược kinh doanh, điều tra xã hội có liên quan đến Hàn Quốc”, TS. Lưu Tuấn Anh nhấn mạnh.

Ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị các kĩ năng về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến Hàn Quốc học cùng các kĩ năng mềm khác như kĩ năng tư duy và giải quyết vấn đề; kĩ năng tổng hợp và phân tích dữ liệu, thông tin; kĩ năng thích nghi với sự thay đổi môi trường sống và làm việc; kĩ năng sắp xếp kế hoạch, công việc khoa học và hợp lí; kĩ năng hoàn thành công việc dưới áp lực về tâm lí, áp lực thời gian; kĩ năng làm việc theo nhóm...

Như vậy, có thể thấy, điểm đặc biệt trong đào tạo Hàn Quốc học tại Trường ĐHKHXH&NV là không chỉ đào tạo về ngoại ngữ - tiếng Hàn, mà còn đào tạo các kiến thức và kĩ năng chuyên môn về Hàn Quốc học dưới góc độ khu vực học và đất nước học. “Giai đoạn hiện nay, cùng với sự gia tăng các cơ quan, doanh nghiệp của Hàn Quốc tại Việt Nam, cũng như của Việt Nam tại Hàn Quốc, các trường đại học ở hai nước đang tập trung mở các ngành đào tạo ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực biên - phiên dịch. Tuy nhiên, ngoại ngữ chỉ là công cụ cần thiết trong giao lưu hợp tác. Khi mối quan hệ hai nước phát triển lên tầm cao mới, tất yếu sẽ xuất hiện nhiều vấn đề về pháp luật, văn hóa, xã hội... cần phải giải quyết. Trong quá trình đó, không thể thiếu vai trò của những chuyên gia về Hàn Quốc học cũng như Việt Nam học, truyền tải và vận dụng những kiến thức đúng đắn về đất nước học để giải quyết công việc, giảm thiểu mâu thuẫn, phát huy được thế mạnh của mỗi nước trong quan hệ hợp tác”, TS. Lưu Tuấn Anh lý giải.

Ngoài đội ngũ giảng viên người Việt 100% được đào tạo tại Hàn Quốc, có chuyên môn ở các lĩnh vực về Hàn Quốc học, Khoa còn có một đội ngũ giảng



viên đồng đảo người Hàn gồm tình nguyện viên, giảng viên phái cử, giảng viên thỉnh giảng có trình độ nghiệp vụ sư phạm và chuyên môn cao. Sinh viên khi theo học ngành Hàn Quốc học sẽ được học với giáo viên bản địa - người Hàn đang làm việc tại Khoa, học các học phần trực tuyến do các giáo sư của Đại học Seoul giảng dạy... Hàng năm, các em cũng được giao lưu với các đoàn sinh viên các trường đại học của Hàn Quốc sang thực tế, tình nguyện ở Việt Nam, tham gia nhiều hoạt động văn hóa, học thuật liên quan tới Hàn Quốc như: Ngày hội Hangeul, lễ hội ẩm thực, lễ hội văn hóa (làm kim chi, nghệ thuật thủ công gấp giấy, mặc trang phục truyền thống Hanbok, nhảy múa KPOP), Tuần lễ phim Phương Đông, Đêm Đông phương, giới thiệu về văn hóa Hàn...

Bên cạnh đó, sinh viên còn có cơ hội nhận được nhiều học bổng hỗ trợ học tập của các tổ chức, quỹ, đại học Hàn Quốc như: Chung-soo, Samsung, Lotte, Ponychung...; được cử đi thực tập và giới thiệu việc làm tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Hàn Quốc, các cơ quan chính phủ, phi chính phủ của cả Việt Nam và Hàn Quốc...

TƯƠNG LAI NGHỀ NGHIỆP RỘNG MỞ

Theo TS. Lưu Tuấn Anh, vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp rất đa dạng: nghiên cứu viên, giảng viên, chuyên viên hay biên - phiên dịch viên của các cơ quan chính phủ, viện nghiên cứu, tổ chức về văn hoá, giáo dục, ngoại giao, thương mại; thư kí văn phòng/trợ lí đối ngoại tại các cơ quan Nhà nước, văn phòng các công ty Hàn Quốc, công ty liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc có liên quan đến Hàn Quốc hay tiếng Hàn; biên tập viên tại các nhà xuất bản có ấn phẩm tiếng Hàn...

Những năm gần đây, nhu cầu tuyển dụng sinh viên học Hàn Quốc học và biết tiếng Hàn ngày càng cao do có nhiều tập đoàn lớn của Hàn Quốc đầu tư sang Việt Nam như Samsung, LG, Hyundai... Tiêu chí để các doanh nghiệp tuyển chọn nhân sự không chỉ là ngoại ngữ - tiếng Hàn mà còn là tri thức tổng hợp về Hàn Quốc, đó lại là thế mạnh của sinh viên tốt nghiệp Hàn Quốc học của Trường ĐHKHXH&NV. “Thực tế từ nhiều năm qua cho thấy, ngay từ năm thứ 3, các doanh nghiệp Hàn Quốc đã nhận sinh viên của Khoa vào làm việc part time; đến năm thứ 4 và khi tốt nghiệp, hầu như 100% sinh viên đều nhanh chóng có việc làm”, TS. Lưu Tuấn Anh cho biết.

Sinh viên Hàn Quốc học còn được chia sẻ, học hỏi những phẩm chất, đức tính của người Hàn Quốc khi

nghiên cứu về văn hóa của họ hay trải nghiệm làm việc ở các doanh nghiệp Hàn Quốc: Những khó khăn về tài nguyên thiên nhiên, chiến tranh chống ngoại xâm, phân chia hai miền Nam Bắc... đã tôi luyện cho người Hàn đức tính chịu đựng, cần cù, chăm chỉ và tiết kiệm. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng tạo cho họ tính kỷ luật, nguyên tắc và coi trọng trật tự. Từ một quốc gia được coi là nghèo đói nhưng chỉ sau vài chục năm, Hàn Quốc đã vươn lên trở thành quốc gia phát triển với GDP hiện đứng thứ 11 thế giới. Bên cạnh các yếu tố như lịch sử, quan hệ quốc tế, chính sách và chiến lược phát triển của chính phủ thì yếu tố về phẩm chất của dân tộc Hàn đã góp phần làm nên kỳ tích của họ.

Nhận định về tương lai của sinh viên ngành Hàn Quốc học, TS. Lưu Tuấn Anh cho rằng: “Năm 2017, với chính sách “Phương Nam mới” của chính quyền tổng thống Moon Jae-in, Hàn Quốc đã tăng cường hợp tác với các quốc gia ASEAN, lấy Việt Nam làm trung tâm, trở thành cánh cửa đưa Hàn Quốc đến với các quốc gia Đông Nam Á. Mối quan hệ hợp tác giữa hai nước hơn bao giờ hết càng trở nên phát triển. Điều này là minh chứng cho thấy sự ổn định và gắn bó lâu dài trong mối quan hệ giữa hai quốc gia. Do đó, chọn ngành Hàn Quốc học là sinh viên đã lựa chọn cho mình một tương lai nghề nghiệp phát triển và bền vững”.

LÂM TÙNG





PGS.TS Đào Thanh Trường
Viện trưởng Viện Chính sách và Quản lý,
Trưởng khoa Khoa học Quản lý

- TÊN NGÀNH: KHOA HỌC QUẢN LÝ
- MÃ NGÀNH: QHX07 (CHUẨN)
QHX41 (CLC)
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA KHOA HỌC QUẢN LÝ
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN:
- QHX07: A01, C00, D01, D04, D78, D83
- QHX41: A01, C00, D01, D78

NGÀNH KHOA HỌC QUẢN LÝ

NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ GIỎI LÀ TÀI SẢN QUÝ CỦA TỔ CHỨC

Từ xa xưa, dân gian ta đã đúc rút: "Một người lo bằng cả kho người làm" để nói về tầm quan trọng của người làm quản lý. Còn hiện nay, trên thế giới, Khoa học quản lý đã trở thành một ngành khoa học hiện đại với nền tảng hệ thống lý thuyết riêng cùng những hướng chuyên ngành hấp dẫn như: Chính sách công, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý Khoa học, Công nghệ và đổi mới, Quản lý sở hữu trí tuệ, Chính sách xã hội... "Những người quản lý giỏi, đặc biệt là các vị trí quản lý cấp cao luôn là tài sản quý mà rất nhiều doanh nghiệp, tổ chức phải săn đón" - PGS.TS Đào Thanh Trường - Viện trưởng Viện Chính sách và Quản lý, Trưởng khoa Khoa học Quản lý, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN khẳng định.



XÃ HỘI CẦN NHỮNG NHÀ QUẢN LÝ CÓ KIẾN THỨC VÀ CHUYÊN NGHIỆP

- Ông nghĩ thế nào khi nhiều bạn trẻ cho rằng học ngành Khoa học Quản lý ra để làm... lãnh đạo, thưa PGS?

Quản lý được hiểu là quá trình điều hành, phối hợp sắp xếp và bố trí nhân lực thực hiện các nhiệm vụ được giao. Học ngành Khoa học Quản lý ra không hẳn là để làm lãnh đạo, tuy nhiên để trở thành một lãnh đạo giỏi thì cần có kiến thức nền tảng về quản lý. Một chuyên



viên bình thường cũng rất cần kiến thức về khoa học quản lý để ứng dụng vào tổ chức, sắp xếp và giải quyết công việc của mình nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Nhưng đây thực sự là một nghề nghiệp hấp dẫn. Trong bối cảnh như hiện nay, nhà quản lý hiện đại phải là người năng động, bản lĩnh, chuyên nghiệp trong xây dựng mục tiêu, kế hoạch hành động và đưa ra các giải pháp xử lý tối ưu cho mọi tình huống. Những nhà quản lý giỏi và có tầm vóc sẽ dám đương đầu với thách thức và dẫn dắt tổ chức đi lên.

- Vậy nhu cầu về nguồn nhân lực quản lý hiện nay ở nước ta ra sao thưa PGS?

Ở Việt Nam, hiện chỉ có một số ít cơ sở đào tạo cung cấp những kiến thức, kĩ năng về lãnh đạo và quản lý, trong đó có Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN và Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, nguồn cung đào tạo hiện nay chưa đáp ứng về số lượng cũng như chất lượng so với nhu cầu thực tế của xã hội. Mặt khác, sự ra đời của hàng loạt các chính sách, chương trình cải cách và phát triển của đất nước đang đòi hỏi một đội ngũ đông đảo các nhà quản lý có năng lực, trình độ chuyên môn trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải cách và tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền địa phương, cải cách doanh nghiệp và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế và chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân cũng đang có nhu cầu

rất lớn về nguồn nhân lực có chuyên môn và nghiệp vụ về quản lý ở trình độ cao. Chính vì vậy, nhu cầu về nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao trong thời gian tới sẽ rất lớn.

MỞ CTĐT NGÀNH KHOA HỌC QUẢN LÝ HỆ CLC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO

- Xin PGS cho biết những nét đặc thù trong chương trình đào tạo của Khoa Khoa học Quản lý?

Mọi năm, Khoa triển khai 02 chương trình đào tạo gồm: chương trình đào tạo hệ chuẩn và chương trình đào tạo hệ chất lượng cao. Năm nay, đáp ứng nhu cầu xã hội, Khoa lần đầu tiên có thêm chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao thu học phí đào tạo và đảm bảo chất lượng đáp ứng theo thông tư 23 của Bộ GD&ĐT. Cả 03 chương trình đào tạo đều được thiết kế nhằm cung cấp nguồn nhân lực quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, chương trình đào tạo hệ chất lượng cao của Khoa là chương trình đã được kiểm định đồng cấp với điểm số cao theo tiêu chuẩn định hướng chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á.

Do định hướng tập trung vào đào tạo kĩ năng nên sinh viên không chỉ được cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức về lý luận và các phương pháp quản lý, lãnh đạo; kiến thức về Khoa học quản lý và những khoa học liên ngành khác mà còn được cung cấp và

thực hành các kỹ năng trong quản lý. Với đặc thù đào tạo 5 hướng chuyên ngành: *Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý Khoa học và Công nghệ, Quản lý sở hữu trí tuệ, Chính sách xã hội, Quản lý hành chính cấp cơ sở*, sinh viên được trang bị những kiến thức, kỹ năng, thái độ, nền tảng phù hợp để định hướng nghề nghiệp liên quan. Đặc biệt, do được đào tạo vượt trội về khả năng ngoại ngữ nên sinh viên có thể thực hiện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp bằng ngoại ngữ cũng như ứng dụng khả năng ngoại ngữ trong nghiên cứu, học tập và công tác sau này.

- PGS có thể cho biết thêm về CTĐT chất lượng cao đáp ứng Thông tư 23 được triển khai từ năm 2019? Sinh viên được hưởng những điều kiện học tập như thế nào?

Năm 2019, Khoa Khoa học quản lý đã được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo Chương trình cử nhân ngành Khoa học Quản lý hệ chất lượng cao thu học phí đào tạo và đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo này có những điểm khác biệt mang lại lợi ích cho người học, đó là: có 30% học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh và được tham gia các seminar khoa học, hội thảo quốc tế với các nhà khoa học, các cộng tác viên từ nhiều đối tác quốc tế của Khoa.

Bên cạnh đó, người học được tập trung phát triển tư duy thực tiễn và nâng cao kỹ năng tác nghiệp thông qua mô hình song giảng - giảng viên kết hợp nhà hoạt động thực tiễn - trong các học phần. CTĐT được tăng thời lượng thực hành và bổ sung nhiều học phần có tính thực tiễn cao như: *Lý thuyết trò chơi, Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ, Quản lý khởi nghiệp, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp...*

CTĐT cũng tập trung vào việc nâng cao kỹ năng nghiên cứu với các hoạt động trao đổi học thuật, dịch thuật tài liệu chuyên ngành, tham gia các đề tài/dự án, công bố/đồng công bố công trình khoa học cùng các giảng viên, chuyên gia của Khoa.

Sinh viên có cơ hội thực tập ngay từ năm đầu tiên tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các công ty/tập đoàn, đặc biệt được kết nối, giới thiệu và hỗ trợ để tham gia các chương trình trao đổi sinh viên/thực tập/ thực tế tại nước ngoài với mạng lưới các đối tác sẵn có của Khoa. Các em có cơ hội giao lưu, gặp gỡ và học hỏi các nhà quản lý nổi tiếng thông qua các workshop, trao

đổi chuyên đề (talkseries), tham quan và trải nghiệm tại các cơ quan Nhà nước (Quốc hội, các cơ quan của Chính phủ), doanh nghiệp trong nước và các tổ chức quốc tế.

CƠ HỘI VIỆC LÀM ĐA DẠNG

- Để có thể tiến hành song song 03 chương trình đào tạo, đặc biệt là hai chương trình hệ chất lượng cao, đội ngũ giảng viên của Khoa được đào tạo ra sao?

Với gần 20 năm phát triển, Khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn trong nghiên cứu và giảng dạy, đã được đào tạo ở trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, chúng tôi còn có đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm, chuyên gia, cộng tác viên là những nhà khoa học ở các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp...

Đặc biệt, với đội ngũ cán bộ cơ hữu, chúng tôi không chỉ có những chuyên gia đầu ngành về các lĩnh vực thế mạnh như: PGS.TS Vũ Cao Đàm - chuyên gia về quản lý khoa học và công nghệ; PGS.TS Trần Văn Hải - chuyên gia về sở hữu trí tuệ... mà còn có các chuyên gia có bề dày kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chính sách công, điển hình là TS. Trịnh Ngọc Thạch - nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội khóa 13 (2011-2016).



- Với chương trình đào tạo gắn với thực tiễn cao như trên, sinh viên tốt nghiệp ngành KHQL có thể làm những công việc nào thưa PGS?

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội việc làm đa dạng, có thể đảm nhiệm tốt các vị trí như: quản lý/tư vấn quản lý các cấp, đặc biệt là quản lý/tư vấn quản lý cấp cao trong doanh nghiệp, các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước ở cấp trung ương hoặc địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ.

Bên cạnh đó, họ cũng có thể làm chuyên viên, tư vấn viên về quản trị nhân lực, tư vấn và hoạch định chính sách, quản trị tài sản trí tuệ, quản lý khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp, các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức khác; nghiên cứu viên về lãnh đạo và quản lý tại các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu.

- Một trong những băn khoăn của người học, đó là tìm việc làm sau tốt nghiệp. Vấn đề này có được Khoa chú trọng hay không, thưa PGS?

Trong quá trình gần 20 năm hình thành và phát triển, Khoa đã hợp tác với nhiều đối tác trong nước và quốc tế có uy tín cao trong đào tạo và nghiên cứu về Khoa học Quản lý. Ở trong nước, có thể kể tới một số đối tác như Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ, Hội Quản trị các nhà doanh nghiệp... Ở nước ngoài, có các đơn vị như: Đại học Toulouse (Cộng hòa Pháp), Đại học Victoria (Cộng hòa Newzealand), Đại học Napolie (Cộng hòa Italy); Đại học Lund (Vương quốc Thụy Điển), Đại học Inha (Hàn Quốc), Quý Rosa Luxemburg (Cộng hòa Liên bang Đức)... Nhờ đó, Khoa luôn sẵn có mạng lưới các địa chỉ doanh



nh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức phi chính phủ để sinh viên đi thực tế, thực tập và tìm kiếm việc làm ngay từ khi còn là sinh viên.

Bên cạnh đó, Khoa luôn giữ mối quan hệ mật thiết với sinh viên sau tốt nghiệp thông qua mạng lưới Cựu sinh viên và fanpage của Khoa để hỗ trợ sinh viên trong tìm kiếm việc làm. Chính vì vậy, trên 90% sinh viên tốt nghiệp của Khoa ra trường có việc làm trong một năm sau tốt nghiệp với mức lương khá cao so với mặt bằng chung, tùy thuộc vị trí việc làm, loại hình tổ chức tuyển dụng. Nhiều cựu sinh viên của Khoa đang nắm giữ các vị trí quan trọng trong tổ chức như: lãnh đạo tỉnh/thành phố, lãnh đạo doanh nghiệp, Trưởng/ Phó phòng tại các cơ quan Nhà nước, đại biểu Quốc hội...

- Vậy các cơ hội học bổng của các tổ chức phi chính phủ, chính phủ nước ngoài dành cho sinh viên ngành Khoa học Quản lý như thế nào thưa PGS?

Sinh viên có cơ hội nhận học bổng từ nguồn ngân sách Nhà nước, học bổng ngoài ngân sách nhà nước của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước như: học bổng YAMADA, POSCO, CHUNG-SOO; MITSUBISHI, PONYCHUNG, THAKRAL-IN SEWA, học bổng giao lưu văn hóa tại Nhật Bản, Hàn Quốc, học bổng trao đổi giữa các quốc gia ASEAN... Thống kê những năm vừa qua cho thấy, số sinh viên nhận học bổng của Khoa luôn nằm trong top cao của Nhà trường vì thành tích học tập và nghiên cứu xuất sắc, đặc biệt là những sinh viên lớp chất lượng cao.

- Trân trọng cảm ơn PGS!

KHÁNH VÂN



PGS.TS Vũ Văn Quân
Trưởng khoa Lịch sử

- TÊN NGÀNH: LỊCH SỬ
- MÃ NGÀNH: QHX08
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA LỊCH SỬ
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH LỊCH SỬ

SỬ HỌC MỘT CẦU NỐI CỦA QUÁ KHỨ, HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

Trong xu hướng tìm kiếm việc làm đề cao tính thực dụng của xã hội và thị trường lao động, các ngành khoa học cơ bản nói chung, ngành Lịch sử nói riêng không phải là lựa chọn hàng đầu của nhiều bạn trẻ. Nhưng loại bỏ các yếu tố trên, khoa học Lịch sử luôn có một vị trí đặc biệt quan trọng bởi những gì mà ngành khoa học này mang lại cho mỗi con người, quốc gia, dân tộc hay cả nhân loại. Nhiệm vụ hàng đầu của những người học Sử và làm Sử là chất lọc kinh nghiệm, bài học từ quá khứ nhằm phục vụ cho sự phát triển của đất nước, xã hội, cộng đồng và cá nhân. Đó là chia sẻ của PGS.TS Vũ Văn Quân - Trưởng khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

HỌC CÁCH TƯ DUY TỪ GÓC NHÌN LỊCH SỬ

Về Lịch sử, các sử gia Hy Lạp cổ đại tin rằng: "Lịch sử là cô giáo của cuộc sống" hay "Lịch sử là bó đuốc soi đường đi tới tương lai". Thi hào Victor Hugo lại tự nhủ: "Lịch sử là gì? Đó là tiếng vọng của quá khứ trong tương lai và là ánh phản chiếu của tương lai trên quá khứ". Những cách diễn đạt trên đã phần nào phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa lịch sử và cuộc sống, giữa quá khứ với hiện tại và tương lai.

"Khoa học Lịch sử là một ngành có vị trí quan trọng đặc biệt trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Lịch sử được nhận thức qua các nguồn sử liệu, được phục dựng lại một cách khách quan, trung thực sẽ làm rõ được các giai đoạn phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc cũng như của toàn nhân loại trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, từ đó rút ra những kinh nghiệm, những bài học cho hôm nay và mai sau" - PGS.TS Vũ Văn Quân nói về vai trò của ngành Sử học.

Một dân tộc, một quốc gia mà không hiểu được



những điều đã xảy ra với Việt Nam cũng như thế giới. Mà khoa học Lịch sử còn giúp chúng ta tư duy từ góc nhìn lịch sử - đó là nhìn vấn đề, hiện tượng trong quá trình vận động và phát triển của nó, đặt trong mối liên hệ biện chứng, cả đồng đại và lịch đại. Đó là lối tư duy biện chứng, toàn diện và hệ thống. Nó giúp cho các nhà sử học có cái nhìn thấu đáo, đi sâu vào bản chất căn nguyên của vấn đề.

ĐỊNH VỊ TRƯỜNG PHÁI SỬ HỌC TỔNG HỢP

sâu sắc quá khứ của mình hay coi nhẹ lịch sử của mình, sẽ phát triển ra sao? Càng hiểu sâu sắc quá khứ của ông cha trên một nền tảng lý thuyết khoa học, hệ thống và hiện đại, dân tộc ấy càng có cơ hội phát huy những giá trị nội lực của mình để đi xa hơn trên chặng đường tìm kiếm và xây dựng hạnh phúc. Khoa học Lịch sử nghiên cứu về lịch sử Việt Nam càng đặc biệt quan trọng khi đã phát hiện, phản ánh và khôi phục một truyền thống giàu bản sắc văn hoá và tinh thần yêu nước, đấu tranh quật cường chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Đó là một trường ca đầy cam go và khắc nghiệt với những sự kiện rục rờ mà bi tráng, những bước ngoặt chấn động mà hiếm một dân tộc nào trên thế giới từng trải qua. Nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam đã và đang làm rõ những nội lực ấy, góp phần khơi gợi sức mạnh truyền thống từ hàng ngàn năm của ông cha cho sự phát triển của đất nước thời hội nhập hôm nay.

Chia sẻ thêm về dấu ấn của khoa học Lịch sử, PGS.TS Vũ Văn Quân cho rằng không nên nhìn việc học Sử, dạy Sử một cách đơn giản chỉ để biết về

Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN thành lập năm 1956, là một trong những khoa cơ bản đầu tiên của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Khoa là đơn vị duy nhất trong Trường ĐHKHXH&NV vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu *Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới* (năm 2000) với những đóng góp đặc biệt xuất sắc suốt hơn nửa thế kỷ phát triển. Ngành Lịch sử hiện nay được đào tạo như một trong những ngành khoa học cơ bản và chủ chốt tại nhiều trường đại học trên khắp cả nước, song Khoa Lịch sử tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN vẫn luôn được đánh giá là cái nôi nghiên cứu và đào tạo giàu truyền thống hàng đầu tại Việt Nam. Mỗi năm Khoa chỉ tuyển sinh trên dưới 80 sinh viên theo các hướng chuyên ngành: *Lịch sử Việt Nam, Lịch sử toàn cầu, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn hóa học và Lịch sử Văn hóa Việt Nam, Khảo cổ học, Lịch sử Đô thị*. Không đào tạo nhiều nhưng quan điểm của Khoa là chú trọng dẫn dắt, khơi dậy niềm đam mê của người học với Sử, trao truyền đến sinh viên những gì là tinh túy, đặc sắc và căn bản nhất của trường phái



Sử học Tổng hợp vốn đã được định vị thương hiệu và nổi danh cả trong nước và quốc tế.

Sinh viên Khoa Lịch sử tự hào vì nơi đây đã sản sinh ra nhiều thế hệ sử gia, nhà văn hoá và chính khách nổi danh cả nước, từ thế hệ danh nhân như Đào Duy Anh, Trần Văn Giàu, Trần Đức Thảo... đến thế hệ tiếp nối cực kỳ xuất sắc như Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn...; rồi những nhà chính trị như Lê Xuân Tùng, Phạm Quang Nghị, Phùng Hữu Phú...; những chiến sĩ cách mạng như Lê Anh Xuân... Truyền thống ấy luôn được trao truyền tới những thế hệ nhà giáo, nhà khoa học trẻ hiện nay với năng lực khoa học xuất sắc và khả năng hội nhập quốc tế sâu rộng. Một đội ngũ cán bộ chất lượng và uy tín hàng đầu là lợi thế cạnh tranh quan trọng để Khoa Lịch sử luôn là điểm đến mơ ước của những bạn trẻ yêu Sử.

Nhân tố nào là căn cốt định hình học hiệu Sử học Tổng hợp? Trả lời câu hỏi này, PGS.TS Vũ Văn Quân khẳng định: học Lịch sử ở đây trước hết là học kiến thức nền tảng về sử học. Đó là các khối kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới; kiến thức về các chuyên ngành của khoa học lịch sử; phương pháp nghiên cứu lịch sử; kiến thức cơ bản về lí luận sử học; kiến thức về khoa học khảo cổ; tri thức về một số vấn đề của lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới như: làng xã Việt Nam, đô thị Việt Nam, kinh tế - xã hội các nước Đông Bắc Á, lịch sử Đông Nam Á;



kiến thức cơ bản về quá trình hình thành chữ Hán, chữ Nôm...

Nhưng hơn thế nữa, các thầy cô còn dạy sinh viên phương pháp tư duy, cách tiếp cận và giải quyết vấn đề, cách nhìn vấn đề trong cái nhìn toàn diện, hệ thống... Tri thức lịch sử không chỉ giúp giải quyết các vấn đề của khoa học Lịch sử mà còn cả những vấn đề của khoa học xã hội, con người và phát triển nói chung.

HÃY HỌC SỬ BẰNG TÌNH YÊU

“Để theo học ngành Lịch sử thì tố chất quan trọng trước tiên là phải yêu thích lịch sử, văn hoá” - PGS.TS Vũ Văn Quân chia sẻ - “Đây không phải là ngành học ngay lập tức có được thu nhập cao. Tuy nhiên, những ai đã đam mê, kiên trì, vượt qua gian truân và gắn bó với nó

văn, cộng với tư duy sử học chắc chắn và sự năng động - không khó khăn khi gia nhập thị trường lao động ở nhiều vị trí công việc khác nhau. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao, trong đó nhiều người thành công trong công tác quản lý, làm khoa học, giảng dạy... Sinh viên Lịch sử với nền tảng tri thức văn hóa Việt Nam truyền thống cùng tri thức văn hóa khu vực và thế giới còn thành công cả trong lĩnh vực báo chí truyền thông, du lịch, văn hoá, kinh doanh, tài chính, quản trị doanh nghiệp...

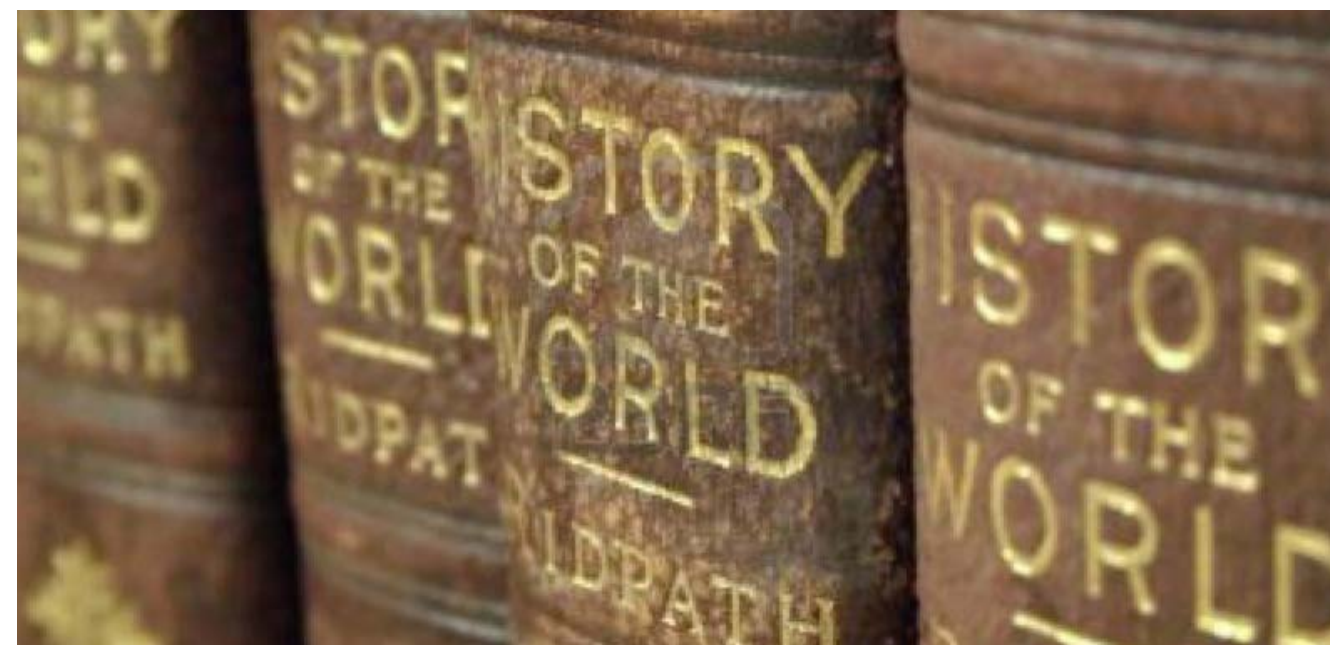
Là thành viên của cộng đồng sinh viên ngành Sử, các em còn được truyền thêm cảm hứng và tình yêu với nghề qua những suất học bổng dành riêng cho ngành Lịch sử mang tên những nhà sử học hàng đầu của Việt Nam như học bổng Lê Văn Hưu, học bổng Đinh Xuân Lâm ...

THANH HÀ



thì tuy nhanh chậm có khác nhau nhưng chắc chắn sẽ thành công, sẽ được bù đắp xứng đáng. Và lại, những ai ngay cả khi học xong bậc đại học mà không tiếp tục theo ngành này nữa thì nền tảng kiến thức, phương pháp tư duy, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong khoa học và cuộc sống của sinh viên tốt nghiệp ngành Sử vẫn là một lợi thế mà không phải ngành học nào cũng có được”.

Sinh viên ngành Lịch sử - được học kiến thức nền rộng về lịch sử - văn hoá và khoa học xã hội và nhân





PGS.TS Đào Đức Thuận
Trưởng khoa Lưu trữ học
và Quản trị văn phòng

- TÊN NGÀNH: LƯU TRỮ HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX09
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA LƯU TRỮ HỌC VÀ QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH LƯU TRỮ HỌC

GÌN GIỮ KHO TÀNG

tri thức nhân loại

Cùng với dòng chảy của thời gian, tài liệu lưu trữ đã trở thành một loại cổ vật đặc biệt, cần được nâng niu, gìn giữ, bởi nó hàm chứa trong mình những thông điệp từ quá khứ. Để nối dài sức sống cho tài liệu lưu trữ, xã hội cần phải có một nghề, đó là nghề lưu trữ. Nghề này giúp Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp lựa chọn và lưu giữ những văn bản và giấy tờ, hình ảnh, bộ phim, bản vẽ, hồ sơ... một cách khoa học và trật tự nhằm phục vụ kịp thời các nhu cầu khác nhau của đời sống xã hội. Nghề lưu trữ cùng góp phần giữ gìn kho tàng tri thức của nhân loại qua các thời kỳ.



LƯU TRỮ - LĨNH VỰC QUAN TRỌNG CỦA NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

Tài liệu lưu trữ có vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội. Không một quốc gia, dân tộc, cơ quan hay tổ chức, cá nhân nào lại không có nhu cầu và ý thức lưu giữ lại những dấu tích về nguồn gốc, về lịch sử, về những gì đã qua, bởi một lẽ đơn giản: quá khứ chính là hiện tại vừa qua đi, hiện tại và tương lai đều được xây dựng nên từ quá khứ.



"Những dấu tích về nguồn gốc, về lịch sử của các quốc gia, dân tộc, cơ quan, tổ chức thường được lưu lại qua các hiện vật (đối tượng của ngành Bảo tàng) hoặc được ghi chép trong các cuốn sách (đối tượng của ngành Thư viện), nhưng lưu lại nhiều nhất là qua các văn bản, giấy tờ, tài liệu (đối tượng của ngành Lưu trữ). Điều đặc biệt là, trong ba đối tượng trên, các văn bản, giấy tờ luôn được coi là "dấu tích", minh chứng có độ tin cậy cao nhất, bởi chúng được hình thành từ hoạt động của các cơ quan, tổ chức; được kiểm duyệt qua các quy trình, thủ tục chặt chẽ và được đảm bảo bằng những yếu tố pháp lý, khó giả mạo (như thể thức, con dấu, chữ ký...) và có giá trị bởi tính duy nhất (độc bản, bản gốc...)", PGS.TS Đào Đức Thuận - Trưởng khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN chia sẻ.

Trên thực tế, tài liệu lưu trữ vô cùng hữu ích với mỗi quốc gia, dân tộc, cơ quan, tổ chức. Đối với quốc gia, tài liệu lưu trữ giúp chứng minh chủ quyền, xác định mốc biên giới trên đất liền, hải đảo; xây dựng đường lối, định hướng phát triển đất nước; duy trì và mở rộng quan hệ ngoại giao; hoạch định chính sách phát triển kinh tế vùng miền; cung cấp thông tin về truyền thống văn hóa của quốc gia, dân tộc. Với mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, tài liệu lưu trữ giúp cho hoạt động

của các tổ chức này được thông suốt.

Lưu trữ học với tư cách là ngành khoa học giúp lưu giữ những tài liệu về quá khứ nhằm phát huy giá trị của chúng trong cuộc sống hiện tại và tương lai nên vừa mang tính cơ bản vừa mang tính ứng dụng cao. Cử nhân Lưu trữ học có năng lực tổ chức hoạt động lưu trữ của một cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp; thực hiện các nghiệp vụ về văn thư như: quản lý văn bản, quản lý và sử dụng con dấu, soạn thảo văn bản, lập hồ sơ; thành thạo các nghiệp vụ lưu trữ như: thu thập, tổ chức khoa học tài liệu, bảo quản, tổ chức sử dụng tài liệu. Mặt khác, đây cũng là ngành khoa học hiện đại bởi lẽ tài liệu lưu trữ rất đa dạng: tài liệu giấy, tài liệu ảnh, tài liệu phim, tài liệu ghi âm và tài liệu ở dạng điện tử... Để lưu trữ những tài liệu đó, cần áp dụng các phương pháp hiện đại. Chính vì vậy, ngành Lưu trữ học phải liên tục cập nhật những phương pháp và giảng dạy những môn học mới như: *Lưu trữ số, Lưu trữ cơ sở dữ liệu, Công nghệ lưu trữ...*

CƠ SỞ ĐÀO TẠO TIÊN PHONG VÀ TRUYỀN THỐNG HÀNG ĐẦU CẢ NƯỚC VỀ LƯU TRỮ HỌC

Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là cơ sở đào tạo Lưu trữ học bậc đại học đầu tiên ở Việt Nam, đã có lịch sử phát triển hơn 50 năm (từ 1967). Khoa cũng là nơi tiên phong, đi đầu và đứng đầu trong cả nước về nghiên cứu và đào tạo Lưu trữ học. Khoa là cơ sở duy nhất trong cả nước đào tạo ngành Lưu trữ ở cả 3 bậc học: Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ và là nơi cung cấp giảng viên về Lưu trữ học cho các cơ sở đào tạo Lưu trữ học trong cả nước. Khoa hiện có đội ngũ giảng viên có trình độ cao gồm 12 giảng viên cơ hữu và hàng chục giảng viên kiêm nhiệm, 100% có trình độ sau đại học, trong đó 80% có



học vị Tiến sĩ và chức danh GS, PGS trở lên, nhiều giảng viên tốt nghiệp ở nước ngoài như Nga, Đức, Pháp...

Hiện tại, chương trình đào tạo Lưu trữ học của Khoa được tổ chức theo học chế tín chỉ, bao gồm nhiều khối kiến thức. Khối kiến thức chung với các môn như: *Triết học Mác-Lênin, Tin học, Ngoại ngữ...* Khối kiến thức của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn như: *Cơ sở văn hóa Việt Nam, Xã hội học, Tâm lý học...* Khối kiến thức của khối ngành gồm: *Lưu trữ học đại cương, Thông tin học đại cương* và nhóm ngành Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng như: *Quản lý văn bản, Quản trị thông tin, Luật hành chính Việt Nam...* Và quan trọng nhất là khối kiến thức của ngành Lưu trữ học với nhiều học phần như: *Tổ chức khoa học tài liệu, Tổ chức bảo quản tài liệu, Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư, lưu trữ...* Ngoài các khối kiến thức trên, sinh viên cũng được trang bị các kỹ năng bổ trợ khác gồm: kỹ năng làm việc



nhóm, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình...

Khoa Lưu trữ và Quản trị văn phòng có quan hệ truyền thống và sâu rộng với các Trung tâm Lưu trữ lịch sử quốc gia và địa phương của Việt Nam, nhiều bộ, ngành ở Trung ương và địa phương, nhiều tổ chức và doanh nghiệp lớn, các cơ sở đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực lưu trữ như các Trung tâm lưu trữ quốc gia I, III, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội...; các đối tác nước ngoài như: Nga, Đức, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc. Nhờ mối quan hệ trên nên sinh viên của Khoa dễ dàng được nhận vào tham quan, kiến tập, thực tập trong suốt quá trình học tập, thậm chí tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Một điều đáng mừng nữa là sinh viên của Khoa, nếu có điểm học tập và rèn luyện tốt, hoặc có hoàn cảnh khó khăn nhưng có ý chí vươn lên, thì sẽ có rất nhiều

cơ hội nhận được học bổng cả ở trong và ngoài nước theo quy chế chung của ĐHQG Hà Nội; học bổng từ các quan hệ đối tác của Trường, của Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng. Thực tế cho thấy, chỉ tính riêng học bổng nước ngoài, hàng năm số lượng sinh viên nhận học bổng từ nguồn này lên đến hàng chục suất với trị giá lên đến 500 USD/suất.

TRÊN 90% SINH VIÊN CÓ VIỆC LÀM SAU 1 NĂM TỐT NGHIỆP

Theo PGS.TS Đào Đức Thuận, do lưu trữ là một lĩnh vực quan trọng của Nhà nước và xã hội nên nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Lưu trữ học rất lớn. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các Trung tâm lưu trữ quốc gia (I, II, III, IV) - nơi lưu trữ những tài liệu quan trọng nhất của đất nước; các cơ quan Lưu trữ của Đảng, Đoàn, Công đoàn (từ Trung ương đến địa phương); 63 Trung tâm Lưu trữ lịch sử tại các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Đặc biệt, họ có thể làm ở bộ phận hành chính, văn thư, lưu trữ ở hàng ngàn cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và hàng trăm ngàn doanh nghiệp đang hoạt động ở nước ta hiện nay. "Các doanh nghiệp, cả Nhà nước lẫn tư nhân hay có vốn đầu tư nước ngoài, đều rất cần nhân lực trong lĩnh vực lưu trữ, song tất nhiên khối các cơ quan doanh nghiệp này có sự đòi hỏi thêm một số yêu cầu, chẳng hạn như các kỹ năng mềm và ngoại ngữ", PGS.TS Đào Đức Thuận cho biết.

Cho đến nay, cả nước chỉ có 3 cơ sở đào tạo trình độ Cử nhân Lưu trữ học là hai Trường Đại học KHXH&NV (thuộc ĐHQG Hà Nội và ĐHQG TP Hồ Chí Minh), và Trường Đại học Nội vụ Hà Nội với số lượng sinh viên



hạn chế, chỉ khoảng 300 sinh viên/năm. Chính vì vậy mà nguồn nhân lực về lưu trữ luôn thiếu. Theo số liệu thống kê của Phòng Chính trị và Công tác sinh viên của Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQG Hà Nội), tỷ lệ sinh viên của Khoa có việc làm trong vòng 1 năm sau tốt nghiệp khoảng trên 90%.

Những năm gần đây, ngành Lưu trữ được Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Năm 2011, Quốc hội đã ban hành Luật Lưu trữ - văn bản quy phạm pháp luật cao nhất điều chỉnh lĩnh vực lưu trữ ở nước ta và nhiều văn bản quản lý khác trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cho xây dựng hệ thống cơ quan quản lý ngành từ Trung ương đến địa phương; đầu tư xây dựng nhiều kho tàng hiện đại, nâng cấp các thiết bị lưu trữ ở mức tối đa có thể, số hóa các tài liệu quý hiếm và quan trọng nhằm lưu giữ, bảo quản và phát huy tối đa nhất giá trị của tài liệu. Ngoài ra, công nghệ thông tin đã và đang được ứng dụng mạnh mẽ trong lĩnh vực lưu trữ, chính vì vậy ngành này sẽ ngày càng được đánh giá cao và trở nên hấp dẫn hơn đối với xã hội.

MINH ĐỨC

BÀ NGUYỄN THU HOÀI, PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA I:

Tài liệu lưu trữ là một kho tàng tri thức và người làm nghề lưu trữ là người mở cánh cửa tri thức đó cho nhân loại. Nghề lưu trữ không đơn thuần là sắp xếp những văn bản, giấy tờ, bồi dán chúng nếu bị rách nát, hư hỏng mà còn cần phải hiểu được những thông tin quý giá được chứa đựng trong đó để có phương pháp tổ chức, bảo quản và phát huy giá trị của những văn bản đó. Vì vậy, ngoài nghiệp vụ lưu trữ, người làm nghề còn cần có kiến thức tốt về ngôn ngữ, hành chính học, văn bản học, lịch sử, văn hóa...

Trung tâm Lưu trữ quốc gia I hiện bảo quản rất nhiều tài liệu lưu trữ quý giá giai đoạn trước năm 1945 thuộc thời kỳ phong kiến Việt Nam và thời kỳ thuộc địa Pháp. Đặc

biệt, tại đây có khối tài liệu Châu bản triều Nguyễn là các tài liệu hành chính hình thành trong hoạt động của chính quyền nhà Nguyễn được các Hoàng đế ngự phê trực tiếp bằng mực son lên văn bản. Châu bản phản ánh toàn bộ hoạt động nội trị và ngoại giao của triều Nguyễn trong giai đoạn cầm quyền, bao gồm cả hoạt động xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với các vùng biển đảo, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa. Các tài liệu lưu trữ có giá trị vô cùng quan trọng trong xã hội hiện nay với cá nhân, dòng họ, địa phương, quốc gia... Ví dụ, Châu bản triều Nguyễn là một trong những bằng chứng rõ ràng nhất để chứng minh cho quốc tế thấy chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa.





PGS.TS Trịnh Cẩm Lan
Trưởng khoa Ngôn ngữ học

- TÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX10
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA NGÔN NGỮ HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

Hướng tới ứng dụng và liên ngành

Ngôn ngữ học là một trong những khoa lâu đời nhất của Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN đồng thời là đơn vị uy tín hàng đầu cả nước về nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Ngôn ngữ học. Những năm gần đây, chương trình đào tạo của Khoa được điều chỉnh, cập nhật theo hướng ứng dụng và liên ngành nên đã đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Nhờ đó, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ học có việc làm phù hợp với chuyên môn đào tạo luôn đạt trên 80%. Chúng tôi có cuộc trò chuyện với PGS.TS Trịnh Cẩm Lan - Trưởng khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN về chương trình đào tạo cũng như hướng đi của Khoa trong hiện tại và tương lai.

TRUYỀN THỐNG TẠO NÊN SỨC MẠNH

- Khoa Ngôn ngữ học có thể mạnh rất lớn từ bề dày truyền thống nghiên cứu và đào tạo, xin PGS chia sẻ thêm các thông tin này?

Thế mạnh lớn nhất của Khoa là bề dày truyền thống, chúng tôi thật sự rất tự hào về điều đó. Các nhà ngôn ngữ học danh tiếng ở Việt Nam đều đã từng học tập, giảng dạy, trưởng thành từ đây. Những tên tuổi như GS.TS.NGND Nguyễn Tài Cẩn, GS.TS.NGND Đoàn Thiện Thuật, GS.TS.NGND Hoàng Trọng Phiến, GS.TS. NGND

Hoàng Thị Châu, GS.TS.NGND Nguyễn Lai, GS.TS.NGƯT Nguyễn Hàm Dương, GS.TS.NGƯT Nguyễn Cao Đàm, NGƯT. Nguyễn Xuân Lương, GS.TS.NGƯT Nguyễn Đức Dân, GS.TS. NGND Lê Quang Thiêm, GS.TS.NGND Đinh Văn Đức, GS.TS. NGND Nguyễn Thiện Giáp... và gần đây như GS.TS Trần Trí Dõi, GS.TS Vũ Đức Nghiệu... đều đã thành danh từ cái nôi này. Các thầy cô cũng là những người đã để lại những công trình nghiên cứu có giá trị, đặt nền móng cho ngành Ngôn ngữ học Việt Nam. Có thể kể đến những giáo trình, công trình nghiên cứu của các thầy như *Giáo trình Lịch sử ngữ âm tiếng Việt*,

Ngữ pháp tiếng Việt của thầy Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ âm tiếng Việt* của thầy Đoàn Thiện Thuật, giáo trình *Ngữ pháp tiếng Việt* của thầy Hoàng Trọng Phiến, giáo trình *Phương ngữ học tiếng Việt* của cô Hoàng Thị Châu, *Ngôn ngữ học đối chiếu* của thầy Lê Quang Thiêm, *Ngữ pháp tiếng Việt (Từ loại)* của thầy Đinh Văn Đức, *Từ vựng học tiếng Việt* của thầy Nguyễn Thiện Giáp... Đây là những công trình đã làm nên kho sách kinh điển của Ngôn ngữ học Việt Nam mà không một thế hệ nào học ngôn ngữ học ở Việt Nam không ít nhất một lần phải học, phải đọc và nghiên cứu. Những công trình kinh điển ấy đã giúp định ra hướng đi, góp phần tạo nên sự nghiệp cho nhiều thế hệ tiếp nối. Cho đến nay, các cuốn sách ấy vẫn là những giáo trình bắt buộc, những tài liệu tham khảo không thể thiếu trong chương trình đào tạo của Khoa bên cạnh những giáo trình, tài liệu mới, được cập nhật hàng năm.

Trong 5 năm tuyển sinh gần đây, số lượng sinh viên đăng ký vào ngành Ngôn ngữ học luôn có xu hướng tăng lên. Sở dĩ có điều này là nhờ Khoa có một bề dày truyền thống, và hiện tại, Khoa có một đội ngũ giảng viên là các GS, PGS, TS giàu kinh nghiệm, năng động và chuyên nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Có thể nói, không một cơ sở đào tạo và nghiên cứu ngôn ngữ học nào ở Việt Nam có một đội ngũ mạnh và giàu tiềm năng như ở Khoa Ngôn ngữ học.

- Sinh viên được thụ hưởng những lợi ích gì từ chính hoạt động nghiên cứu của các thầy cô thưa PGS?

Bên cạnh truyền thống đào tạo thì nghiên cứu cũng làm nên truyền thống đẹp của Khoa bởi các thầy cô

trong Khoa đều thấm nhuần tư tưởng rằng, là giảng viên ở bậc đại học, nghiên cứu tốt thì sẽ dạy tốt. Ngoài hàng chục bài báo và báo cáo khoa học, hàng năm, các thầy cô thực hiện nhiều đề tài khoa học các cấp. Ví dụ, gần đây các giảng viên của Khoa đã hoàn thành một số đề tài gắn liền với những phạm vi chuyên môn trong đào tạo như *Một số vấn đề loại hình và phổ niệm ngôn ngữ*, *Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt của học viên quốc tế*, *Tiến trình phát triển và đổi mới ngôn ngữ thơ Việt Nam từ sau 1986 đến nay*, *Đông phương học và Việt ngữ học từ điểm nhìn từ pháp học tiếng Việt...* Trong quá trình nghiên cứu, các thầy cô cũng huy động thêm lực lượng sinh viên tham gia để tạo cơ hội tốt cho các em thực hành các kỹ năng nghiên cứu hoặc ứng dụng những kiến thức đã học vào những phạm vi nghiên cứu cụ thể. Ví dụ, các em có thể tham gia với các thầy cô trong quá trình làm tư liệu, học các thầy cô cách phân tích dữ liệu, đưa ra các đề xuất, giải pháp cho các vấn đề của đề tài. Các em cũng có thể tham gia tập sự nghiên cứu trong các kỳ nghiên cứu khoa học sinh viên hàng năm, qua các niên luận,





khóa luận tốt nghiệp. Những đề tài nghiên cứu của các em hầu hết nằm trong các hướng nghiên cứu của các thầy cô và được các thầy cô hướng dẫn. Chủ trương phát triển Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN thành đại học nghiên cứu cũng tạo những cơ chế thuận lợi để đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Các sinh viên cũng được hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động nghiên cứu này do các kết quả nghiên cứu thường được sử dụng để làm giáo trình hoặc tài liệu tham khảo cho chính các em.

ĐẨY MẠNH NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

- Có một thực tế là, thời gian qua, ngay cả những ngành được coi là khoa học cơ bản đều có xu hướng phát triển theo hướng ứng dụng. Khoa có nằm ngoài xu hướng này, thưa PGS?

Theo quy chế đào tạo, hàng năm, ở ĐHQGHN, các chương trình đào tạo đều được phép thay đổi,

điều chỉnh từ 10-15%. Cũng như các khoa khác trong trường nói chung, các khoa khoa học cơ bản nói riêng, Khoa Ngôn ngữ học cũng dựa vào quy chế đó để cập nhật chương trình đào tạo. Nhiều năm qua, Khoa đã đưa vào chương trình những môn học mới theo hướng ứng dụng như: *Việt ngữ học và việc biên soạn từ điển để trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng làm từ điển; Việt ngữ học với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường, Phương pháp dạy tiếng Việt cho người nước ngoài để trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng giảng dạy tiếng Việt trong nhà trường và cho người nước ngoài; Việt ngữ học với công tác biên tập xuất bản để cung cấp thêm kỹ năng làm biên tập, xuất bản.* Đặc biệt, Khoa phát triển theo hướng ngôn ngữ báo chí với các môn như: *Ngôn ngữ học và truyền thông, Ngôn ngữ truyền thông và tiếp thị xã hội, Ngôn ngữ báo chí.* Khoa đang suy nghĩ phát triển thêm hướng này bằng cách liên kết để đào tạo bằng kép Cử nhân Ngôn ngữ - Báo chí. Đây là những hướng ứng dụng nhằm vào các lĩnh vực hiện nay xã hội đang cần.

- Ứng dụng của Ngôn ngữ học khá rộng, xin PGS chia sẻ thêm về những hướng phát triển cụ thể để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội hiện nay?

Khoa Ngôn ngữ học có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về ngôn ngữ học và Việt ngữ học. Các phạm vi ứng dụng hiện nay của ngôn ngữ học và Việt ngữ học ngày càng được mở rộng, bên cạnh



những phạm vi đã phát triển mạnh như đối chiếu các ngôn ngữ, dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ thì những phạm vi mới cũng liên tục được mở ra trong những năm gần đây như ngôn ngữ học máy tính, ngôn ngữ học khối liệu, ngôn ngữ học tâm lý... Sắp tới, Khoa dự tính tìm chuyên gia để phát triển thêm ra phạm vi ngôn ngữ học trị liệu. Đây là hướng phát triển mà chúng tôi hy vọng là có thể đáp ứng phần nào những yêu cầu của thực tiễn hiện nay.

Xin nói sâu hơn về một hướng ứng dụng mà hiện nay đang được coi là một mũi nhọn của Khoa. Đó là ứng dụng ngôn ngữ học và Việt ngữ học vào việc dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Thời gian gần đây, do hội nhập quốc tế nên số lượng người nước ngoài đến Việt Nam học tập và làm việc tăng mạnh. Riêng ở tại Khoa luôn có khoảng trên dưới 300 sinh viên quốc tế đến từ các nước để học tiếng Việt. Chính vì vậy, Khoa đã phát triển các chương trình đào tạo như 2+2 (2 năm đào tạo ở nước bạn và 2 năm đào tạo ở Việt Nam), 3+1, 3,5+0,5, các chương trình ngắn hạn, 3 tháng, 6 tháng hoặc chương trình trải nghiệm hè. Số lượng sinh viên quốc tế đông đảo như vậy đã tạo cơ hội tốt để thúc đẩy hợp tác và giao lưu quốc tế của Khoa, tạo những cơ hội hợp tác về giảng dạy và nghiên cứu giữa Khoa, Trường và các trường đại học trên thế giới có nghiên cứu và đào tạo tiếng Việt và Việt ngữ học, giúp quảng bá hình ảnh của Khoa, của Trường và của Việt Nam nói chung đến với bạn bè quốc tế.

- Tuy chưa có thống kê chính xác, nhưng những năm gần đây, tỷ lệ trẻ bị khuyết tật ngôn ngữ tăng lên đáng kể. Vậy Khoa có quan tâm đến việc đào tạo sinh viên nhằm đáp ứng nhu cầu này của xã hội?

Từ năm 2014 đến nay, nhiều trung tâm, bệnh viện mở các dịch vụ trị liệu ngôn ngữ do nhu cầu của xã hội tăng mạnh... Rối loạn ngôn ngữ bao gồm chậm nói, nói không đúng từ hoặc nói ê a mãi không thành câu. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới rối loạn hoặc thiếu năng ngôn ngữ, phổ biến là: chậm phát triển trí tuệ, khiếm thính, sinh non, nhiễm trùng khi sinh, bại não, Down, tự kỷ, tổn thương não bộ, sử dụng quá nhiều smartphone, iPad... Thực tế cho thấy, trị liệu ngôn ngữ là nhu cầu của xã hội hiện nay. Vì vậy, đây cũng là hướng ứng dụng mà Khoa chúng tôi đang ấp ủ. Bên cạnh đó, việc đưa học phần *Ngôn ngữ học tâm lý* vào giảng dạy cũng góp phần ứng dụng trong trị liệu những rối loạn về ngôn ngữ do xuất phát từ tâm lý cho những người bị trầm cảm, stress... Bạn biết đấy, công việc trị liệu ngôn ngữ cho trẻ khuyết tật là một công việc khó khăn nhưng có ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc. Người làm việc này có kiến thức chuyên môn về cả về Y học (về giải phẫu sinh lý bộ máy cấu âm, về vùng bán cầu ưu thế chỉ huy hoạt động ngôn ngữ trên não...) là chưa đủ mà còn cần cả kiến thức về Ngôn ngữ học (về ngữ âm, về tri nhận...) nữa. Vì vậy, dự định mở hướng ứng dụng này, nếu thành công, cũng là một đóng góp nhỏ của Khoa chúng tôi cho xã hội hiện nay.



PGS.TS Nguyễn Văn Sửu
Trưởng khoa Nhân học

- TÊN NGÀNH: NHÂN HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX11
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA NHÂN HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH NHÂN HỌC

Nghiên cứu toàn diện VỀ CON NGƯỜI

Nhân học là ngành khoa học cơ bản, nghiên cứu toàn diện về con người, có tính ứng dụng và quốc tế cao. Khoa Nhân học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là một trung tâm nghiên cứu và đào tạo Nhân học uy tín hàng đầu ở Việt Nam, kiên định với tầm nhìn trở thành một trung tâm Nhân học được định danh trên bản đồ Nhân học khu vực và quốc tế. Khoa chú trọng trang bị cho sinh viên những tri thức và kỹ năng chuyên nghiệp, hiện đại, để trở thành các nhà Nhân học có đóng góp tích cực, hiệu quả và có trách nhiệm cho cộng đồng, xã hội và đất nước.

TỪ DÂN TỘC HỌC TỚI NHÂN HỌC

Ngành Nhân học tại Việt Nam có nền tảng từ ngành Dân tộc học ra đời từ những năm 1930 với những ảnh hưởng học thuật của nước Pháp. Trong những năm 1960-1980, nhiều trí thức trẻ người Việt Nam đã tốt nghiệp Tiến sĩ Dân tộc học ở Liên bang Xô-viết, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và ở trong nước, tạo nên một thế hệ các chuyên gia Dân tộc học nghiên cứu sâu rộng về các vấn đề văn hóa, xã hội, kinh tế và quan hệ tộc người ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu này đóng góp tích cực vào việc xác định thành phần 54



dân tộc ở Việt Nam, giúp Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn thiện chủ trương, chính sách về dân tộc, văn hóa và con người Việt Nam.

Trong bối cảnh Đổi Mới từ năm 1986, nhiều tri thức trẻ người Việt Nam được đào tạo Nhân học tại các trường đại học tiên tiến ở châu Âu, châu Mỹ, châu Úc. Từ đầu những năm 2000, Dân tộc học ở Việt Nam được chuyển đổi và phát triển thành ngành Nhân học theo mô hình ở các quốc gia Bắc Mỹ, Úc... Nhân học ở Việt Nam không chỉ có khả năng hội nhập quốc tế mà còn tiếp tục đào tạo các nhà Nhân học có tri thức và kỹ năng chuyên nghiệp, am hiểu thực tiễn đất nước, xã hội, văn hóa và con người Việt Nam, đóng góp thiết thực cho công tác hoạch định, triển khai và đánh giá chính sách của Nhà nước và các tổ chức ở trong nước và nước ngoài.

Giải thích về bản chất của ngành Nhân học, PGS.TS Nguyễn Văn Sửu - Trưởng khoa Nhân học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN nhấn mạnh rằng, đây là một ngành khoa học nghiên cứu toàn diện về con người. Tiếp cận toàn diện của Nhân học trong nghiên

cứu về con người thể hiện rõ nhất ở chỗ các nhà Nhân học nhìn nhận con người trong mối quan hệ giữa chiều cạnh sinh học với các chiều cạnh sinh thái, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, pháp luật, sức khỏe, ở các không gian địa lý khác nhau và trong một khung thời gian từ tổ tiên con người hàng triệu năm về trước cho tới hôm nay.

Nhân học hiện nay chia thành 5 phân ngành gồm: *Nhân chủng học, Nhân học văn hóa, Nhân học ngôn ngữ, Nhân học khảo cổ, Nhân học ứng dụng*. Trong đó, Nhân chủng học lý giải nguồn gốc sinh học của con người, sự phát triển mang tính tiến hóa và sự đa dạng gen của loài người. *Nhân học văn hóa* tìm hiểu về các xã hội con người thông qua mô tả dân tộc học. *Nhân học ngôn ngữ* quan tâm đến bản chất của ngôn ngữ và việc sử dụng ngôn ngữ của con người. *Nhân học khảo cổ* hay khảo cổ học giải mã các xã hội trong quá khứ. Nhân học ứng dụng hàm ý việc các nhà nhân học ứng dụng các tiếp cận, phương pháp luận và tri thức Nhân học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn xã hội.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO NHÂN HỌC HÀNG ĐẦU ĐẤT NƯỚC

Khoa Nhân học, Trường ĐHKHXH&NV có đội ngũ giảng viên có trình độ cao, được đào tạo bài bản ở các trường đại học danh tiếng ở Việt Nam và một số nước Âu - Mỹ như Đại học Quốc gia Australia (Úc), Đại học Amsterdam (Hà Lan), Đại học Cambridge (Vương quốc Anh), Đại học Colorado, Đại học Harvard (Mỹ), Trường Cao học Khoa học Xã hội (Pháp)... Với một đội ngũ cán bộ có chuyên môn đa dạng, có khả năng ngoại ngữ tốt, dày dặn kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam, các giảng viên của Khoa Nhân học luôn đi tiên phong và dẫn thân nghiên cứu nhiều vấn đề có tính khoa học, liên ngành và thực tiễn cao của xã hội và đất nước, như các vấn đề đất đai, sinh kế, tộc người, văn hóa tộc người, quan hệ tộc người, chính sách dân tộc, các quan hệ xuyên biên giới, gia đình, dòng họ, giới và văn hóa, lao động, di dân, đô thị hóa, di sản văn hóa, biến đổi khí hậu, chữ viết, tôn giáo, tín ngưỡng...

Trong mười năm qua, đội ngũ giảng viên của Khoa đảm nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học lớn, triển khai nhiều dự án nghiên cứu do các tổ chức quốc tế tài trợ, thường xuyên có các hoạt động trao đổi, hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các nhà khoa học quốc tế.

Khoa Nhân học luôn dẫn đầu về công bố các công trình khoa học có chất lượng cao bằng tiếng Anh, Pháp ở các tạp chí và các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới. Thống kê của Nhà trường cho thấy đội ngũ giảng viên của Khoa có tỷ lệ công bố quốc tế cao nhất toàn trường. Thành tích này thể hiện rõ năng lực nghiên cứu khoa học ở tầm khu vực và quốc tế của đội ngũ giảng viên Khoa Nhân học, được Nhà trường và xã hội ghi nhận.

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Khoa Nhân học còn có sự tham gia giảng dạy đầy trách nhiệm và tâm huyết của các nhà Nhân học có trình độ chuyên môn tốt đang công tác ở Viện Dân tộc học, Bảo tàng Dân tộc học, Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu khoa học được đội ngũ giảng viên của Khoa áp dụng vào các bài giảng, seminar khoa học để đào tạo, hướng dẫn các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Khoa; đồng thời sử dụng tri thức Nhân học để tư vấn cho các cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế giải quyết các vấn đề của thực tiễn xã hội ở nhiều địa bàn trên cả nước, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng cao.



HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Khoa Nhân học cũng là trung tâm đào tạo Nhân học duy nhất ở Việt Nam có hệ thống chương trình đào tạo liên thông từ bậc Cử nhân đến Thạc sĩ và Tiến sĩ. Cả ba chương trình đào tạo Nhân học (Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ) đều có tính quốc tế cao nhờ tham khảo mô hình đào tạo Nhân học của các trường đại học tiên tiến ở Mỹ, Canada, Úc. Nhờ đó, sinh viên ngành Nhân học được học nhiều môn học tương thích với chương trình đào tạo ở các đại học của các nước phát triển. Đội ngũ giảng viên của Khoa áp dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại như giảng dạy theo hình thức seminar, giảng dạy theo dự án (project based learning), học nhóm, thảo luận nhóm... Nhiều môn học trong chương trình Cử nhân của Khoa đã tham khảo những tri thức hiện đại nhất trong các cuốn sách giáo trình của các trường đại học tiến tiến trên thế giới.

Với phương châm giảng dạy đặt sinh viên ở vị trí trung tâm, Khoa luôn hỗ trợ sinh viên phát triển tư duy, thực hành theo năng lực và đam mê. Trong một môi trường học thuật năng động, cởi mở, sáng tạo, sinh viên của Khoa Nhân học được học tập một cách toàn diện: từ kiến thức cơ bản trên giảng đường đến những trải nghiệm, thực hành nghiên cứu trên thực địa, tham gia các hoạt động ngoại khóa ở bảo tàng, các tổ chức NGO, giao lưu với sinh viên và các nhà khoa học quốc tế.

CƠ HỘI HỌC TẬP VÀ LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ

Sinh viên Nhân học có nhiều cơ hội giao lưu và học hỏi các nhà khoa học và tham gia các dự án nghiên cứu quốc tế. Trong năm học 2018-2019, sinh viên Phạm Thị Kim Tâm (năm thứ 4) của Khoa đã tham gia nghiên cứu cho dự án các giống lúa bản địa ở tỉnh Lào Cai do các nhà khoa học Pháp triển khai. Sinh viên Phùng Mạnh Cường tham gia dự án nghiên cứu về việc sử dụng thuốc kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng. Cả hai sinh viên đều được thụ hưởng kinh phí tài trợ của các dự án và đã hoàn thành công trình nghiên cứu khoá luận tốt nghiệp với chất lượng tốt.

Bên cạnh đó, mạng lưới hợp tác quốc tế của Khoa Nhân học mang lại cho sinh viên những cơ hội học bổng du học ở nước ngoài. "Khoa Nhân học đã và đang



triển khai các chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên với Khoa Nhân học của Đại học Toronto (Canada), Viện Nhân học của Đại học Göttingen (Đức), Khoa Nhân học của Đại học Uppsala (Thụy Điển)... Thông qua các chương trình trao đổi này, những sinh viên ưu tú của Khoa có cơ hội được đi du học và từ đó tìm kiếm các cơ hội học bổng và nghề nghiệp trong môi trường quốc tế. Ví dụ, năm 2017 và năm 2018, Khoa Nhân học có 03 sinh viên và 01 giảng viên sang Đại học Göttingen (Đức). Năm 2019, có 02 sinh viên và 01 giảng viên sang Đại học Uppsala (Thụy Điển)" - PGS.TS Nguyễn Văn Sửu thông tin.

Đào tạo tại Khoa mang lại cho các nhà Nhân học tương lai những tri thức sâu rộng, kỹ năng nghề nghiệp có tính hệ thống giúp cho người học tiếp cận được những cơ hội nghề nghiệp rộng mở và đa dạng. Nhiều sinh viên tốt nghiệp ngành Nhân học đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức liên quan đến con người, văn hóa và phát triển ở trong nước và nước ngoài. Một minh chứng rõ ràng là ngay tại Hà Nội, hàng tuần đều có thông báo tuyển dụng của các tổ chức quốc tế cho nhiều vị trí công tác phù hợp với chuyên môn và kỹ năng của cử nhân ngành Nhân học. Theo PGS.TS Nguyễn Văn Sửu, thực tế này xuất phát từ chỗ "Các chương trình, dự án phát triển và các dự án về di sản văn hóa ở Việt Nam, đặc biệt là ở các vùng dân tộc thiểu số, đều có sự đóng góp của các nhà Nhân học theo cách sử dụng tri thức, phương pháp và cách tiếp cận của Nhân học để tư vấn cho việc xây dựng và thực thi các chương trình, dự án sao cho phù hợp với văn hóa, lối sống của người địa phương. Đây là cơ hội tốt cho sinh viên tốt nghiệp ngành Nhân học".

PHƯƠNG CHI



PGS.TS Phan Hải Linh
Nguyên Chủ nhiệm Bộ môn Nhật Bản học
Khoa Đông phương học

- TÊN NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX12
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA ĐÔNG PHƯƠNG HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, D01, D06, D78

NGÀNH NHẬT BẢN HỌC

Định hướng liên ngành khu vực học

Nhật Bản học - một trong những chuyên ngành hấp dẫn người học bậc nhất tại Trường ĐHKHXH&NV - đã chính thức trở thành ngành học độc lập trong mùa tuyển sinh 2019. Không còn là một chuyên ngành thuộc Đông phương học, sinh viên tốt nghiệp ngành này sẽ nhận bằng cử nhân Nhật Bản học. Điều này không chỉ giúp sinh viên tốt nghiệp dễ dàng tiếp cận các công việc phù hợp với chuyên ngành đào tạo mà còn là cơ hội để ngành Nhật Bản học của Nhà trường phát triển mạnh mẽ, hội nhập sâu rộng hơn với Nhật Bản học của khu vực và thế giới

MỘT NHẬT BẢN HỌC MANG BẢN SẮC RIÊNG

Đào tạo Nhật Bản học tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN bắt đầu từ năm 1993. Đến năm 1995, khi Khoa Đông phương học chính thức được thành lập tại Trường, Nhật Bản học trở thành một trong 03 chuyên ngành đầu tiên của Khoa. Từ khi thành lập đến nay, Bộ môn Nhật Bản học, Khoa Đông phương học, Trường ĐHKHXH&NV là đơn vị đào tạo trọng điểm, tiên phong và uy tín hàng đầu Việt Nam về Nhật Bản học. Đó là

nhờ định hướng đào tạo Nhật Bản học đi vào chiều sâu và mang bản sắc riêng.

Nhật Bản học tại Việt Nam đã trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau kể từ năm 1973, khi hai nước chính thức đặt quan hệ ngoại giao. Từ năm 1993, khi phong trào học tiếng Nhật phát triển mạnh mẽ, những người sáng lập ra Bộ môn Nhật Bản học đã sớm nhận ra việc cần đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao với hiểu biết toàn diện, sâu sắc về đất nước, văn hóa và con người Nhật Bản. Nguồn nhân lực này có thể đáp

ứng nhu cầu của các cơ quan chính phủ cần đội ngũ chuyên gia, tư vấn trong quan hệ với Nhật Bản; nhu cầu của doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam và các tổ chức quốc tế có quan hệ với Nhật Bản cần đội ngũ nhân viên có khả năng làm việc lâu dài với người Nhật, am hiểu văn hóa, tính cách, lối sống Nhật. Bên cạnh đó, giới trẻ Việt Nam say mê văn hóa đại chúng Nhật Bản (Pop Culture, truyện tranh, hoạt hình anime, thời trang Harajuku...) muốn trau dồi năng lực chuyên môn, kỹ năng, tác phong làm việc theo chuẩn Nhật Bản cũng có nhu cầu được học tập một cách bài bản về Nhật Bản học.

PGS.TS Phan Hải Linh - nguyên Chủ nhiệm Bộ môn Nhật Bản học cho biết: Nghiên cứu và đào tạo Nhật Bản học của Bộ môn tiếp cận theo hướng khoa học liên ngành và thuộc khu vực học. Mục tiêu của CTĐT Nhật Bản học là không chỉ đào tạo các chuyên gia biết sử dụng thành thạo tiếng Nhật, nắm vững kiến thức tổng hợp về đất nước Nhật Bản, các kỹ năng nghiên cứu Nhật Bản mà còn có khả năng cập nhật những biến đổi của nước Nhật hiện đại, nắm bắt các trường phái Nhật Bản học tiên tiến, tiếp cận các thành tựu nghiên cứu và đào tạo về Nhật Bản học trong khu vực và trên thế giới.

Điều này khác biệt với phần lớn cơ sở đào tạo khác chỉ tập trung vào ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản, hoặc kết hợp đào tạo tiếng Nhật với một hướng nghề nhất định như tiếng Nhật công nghệ thông tin, tiếng Nhật thương mại... Định hướng đào tạo liên ngành và khu vực học của Bộ môn Nhật Bản học được đề ra từ giai đoạn đầu thành lập và được các thế hệ giảng viên Bộ môn kiên định duy trì, phát triển. Bên cạnh đó, nhờ



hình thành và phát triển trong cái nôi đào tạo hàng đầu về khoa học xã hội và nhân văn của Việt Nam, Bộ môn Nhật Bản học còn kế thừa truyền thống nghiên cứu cơ bản và liên ngành của Nhà trường mà tiền thân là Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Dựa trên định hướng về đối tượng đào tạo và chuẩn đầu ra bám sát nhu cầu xã hội, CTĐT Nhật Bản học ngày càng được hoàn thiện với 03 khối kiến thức chính: Kiến thức nền tảng về KHXH&NV; Kiến thức chung của khối ngành liên quan đến Khu vực học, Đông phương học, Đông Bắc Á học; Kiến thức chuyên ngành về Nhật Bản học.

Sinh viên ngành Nhật Bản học được học tập và ứng dụng các kiến thức cơ bản về Nhật Bản trên các lĩnh vực địa lý, lịch sử, văn hóa, xã hội, chính trị, pháp lý, quan hệ quốc tế... Các em có thể sử dụng thành thạo tiếng Nhật ở trình độ trung cấp (tương đương N2), bao gồm kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng phục vụ giao tiếp, dịch thuật, thuyết trình, thảo luận, khai thác tài liệu, soạn thảo văn bản bằng tiếng Nhật... Với kiến thức chuyên ngành vững chắc, các em có thể phân tích, đánh giá, tổng hợp được một số vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn về Nhật Bản học mà mình quan tâm, phục vụ nghiên cứu chuyên sâu. Ưu điểm của CTĐT Nhật Bản học tại Trường ĐHKHXH&NV là kết hợp giữa lý thuyết và kỹ năng, giữa bài giảng và thảo luận, thực tập thực



tế, giúp sinh viên trau dồi kiến thức toàn diện và hệ thống về Nhật Bản học, đáp ứng cả định hướng nghiên cứu lẫn khả năng ứng dụng, thực hành.

NHẬT BẢN HỌC NHÂN VĂN HÀ NỘI - THƯƠNG HIỆU CHƯA BAO GIỜ HẾT... "HOT"

Từ năm 1993 đến nay đã có 23 khóa sinh viên tốt nghiệp ngành Nhật Bản học với hơn 700 sinh viên. Điểm trung bình đầu vào và đầu ra của sinh viên ngành Nhật Bản học thường ở mức cao nhất Khoa Đông phương học nói riêng và Trường ĐHKHXH&NV nói chung. Có nhiều lý do tạo nên tính hấp dẫn của thương hiệu Nhật Bản học Nhân văn Hà Nội. Lý do đầu tiên phải kể đến là cơ hội du học và giao lưu ngay trong thời gian học tập tại Trường. Tỷ lệ sinh viên nhận học bổng du học nước ngoài của Bộ môn (khoảng 10-15 học bổng/năm) được đánh giá là cao nhất trong các cơ sở đào tạo Nhật Bản học và tiếng Nhật ở Việt Nam. Bên cạnh đó, trong thời gian 4 năm học tập tại Nhà trường, sinh viên thường xuyên được tham gia các hoạt động giao lưu với sinh viên Nhật Bản, sinh viên nước ngoài học tập về Nhật Bản, được tham gia các buổi ngoại khóa thực hành nghiên cứu điều tra, diễn dã, trải nghiệm văn hóa Nhật Bản (trà đạo, kiếm đạo, hoa đạo...).



Lý do thứ hai là cơ hội lựa chọn nghề nghiệp thuận lợi dành cho sinh viên tốt nghiệp ngành Nhật Bản học. Sinh viên Nhật Bản học có thể công tác tại Bộ Ngoại giao, đại sứ quán, vụ hợp tác quốc tế của các bộ, ngành, các trường đại học giảng dạy và nghiên cứu về quan hệ quốc tế và Nhật Bản học, các viện nghiên cứu, các cơ quan thông tấn báo chí, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp Nhật Bản ở Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp nước ngoài có quan hệ với Nhật Bản... Khảo sát cựu sinh viên của Bộ môn Nhật Bản học cho thấy hơn 3/4 các em hài lòng với cơ hội việc làm cao và định hướng nghề nghiệp rõ ràng của ngành Nhật Bản học.

Kết quả khảo sát 05 khóa sinh viên tốt nghiệp gần đây cho thấy 86% sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt



ng nghiệp, 11% sinh viên học tiếp sau đại học. Về loại hình tổ chức của đơn vị tuyển dụng, công ty có 100% vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ cao nhất (38,6%), thứ hai là các công ty Việt Nam (18,6%), thứ ba là các cơ quan hành chính trung ương và địa phương (11,6%), thứ tư là các cơ sở đào tạo - nghiên cứu (10,7%). Nếu coi các cơ quan hành chính và các cơ sở đào tạo - nghiên cứu là các đơn vị phục vụ xã hội, có thể thấy sinh viên Nhật Bản học đang tích cực tham gia cống hiến cho xã hội từ các vị trí công việc như giảng dạy, nghiên cứu chuyên môn, đến các hoạt động hành chính công. Việc gần 40% sinh viên đang làm việc cho các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư của Nhật Bản cho thấy các doanh nghiệp Nhật Bản đánh giá cao năng lực chuyên môn và khả năng hòa nhập vào môi trường doanh nghiệp của sinh viên Nhật Bản học.

Năm 2018, Bộ môn Nhật Bản học đã khảo sát về nhu cầu nhân lực chung của xã hội đối với ngành Nhật Bản học và tiềm năng việc làm của sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành Nhật Bản học. 100% các nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia tham gia khảo sát đánh giá rằng vào thời điểm hiện tại, khi hợp tác Việt Nam - Nhật Bản đang ở giai đoạn phát triển tốt đẹp nhất trong lịch sử, việc xây dựng và triển khai đào tạo cử nhân ngành Nhật Bản học độc lập là cấp thiết. Phiếu khảo sát cũng cho thấy không chỉ tại Việt Nam, nhiều cơ sở, đơn vị đặt trụ sở tại Nhật Bản và nước ngoài đang có nhu cầu cao về nhân lực ngành Nhật Bản học. Đó là các cơ quan ngoại giao của chính phủ tại nước ngoài (88,2%), cơ quan đại diện của chính quyền địa phương tại nước ngoài (80,4%), các tổ chức quốc tế (82,4%), các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại nước ngoài (90,2%) và doanh nghiệp nước ngoài (82,4%).

Bên cạnh đó, sự hấp dẫn của ngành Nhật Bản học còn thể hiện ở mức lương của sinh viên tốt nghiệp. Thống kê mức lương khởi điểm của 05 khóa tốt nghiệp gần đây cho thấy 100% sinh viên Nhật Bản học có mức lương trên 8 triệu đồng, trong đó 21% sinh viên có mức lương từ 12-16 triệu đồng, 10,5% sinh viên có mức lương từ 16-20 triệu đồng (4/38) và có đến 25% sinh viên có mức lương trên 20 triệu đồng.

HƯỚNG TỚI MỘT NHẬT BẢN HỌC TRÌNH ĐỘ QUỐC TẾ

Từ năm 2006, Bộ môn Nhật Bản học được Đại sứ quán Nhật Bản và Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (The Japan Foundation) đánh giá là cơ quan trọng điểm về đào tạo và nghiên cứu Nhật Bản tại Việt Nam. Từ đó, đơn vị được Quỹ ưu tiên tài trợ các chương trình phát triển ngành đặc biệt như Chương trình phái cử sinh viên và giảng viên đi thực tập, Chương trình biên soạn sách và mua sách phục vụ giảng dạy, Chương trình Bài giảng chuyên đề Nghiên cứu Nhật Bản, Chương trình xuất bản sách chuyên đề nghiên cứu Nhật Bản...

Trong các năm 2008-2011, Bộ môn thực hiện Chương trình Giảng dạy trực tuyến (E-learning, thuộc khuôn khổ Diễn đàn Bốn đại học Đông Á) với Đại học Tokyo, tạo cơ hội cho sinh viên được trực tiếp tham dự các giờ giảng về Nhật Bản học của các giáo sư Đại học Tokyo. Trên cơ sở thành quả của chương trình này, từ năm 2011, Đại học Tokyo đã chính thức mở Văn phòng Hỗ trợ phát triển Nghiên cứu Nhật Bản tại Việt Nam do Công ty Zensho tài trợ tại Bộ môn Nhật Bản học, nhằm xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, Bộ môn có quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhiều trường đại học hàng đầu của Nhật Bản như Đại học Kyoto, Đại học Osaka, Đại học Ngoại ngữ Tokyo, Đại học Nữ Nara, Đại học Senshu, Đại học Nữ Showa...

Từ năm 2008, Bộ môn bắt đầu xây dựng quan hệ hợp tác với các trường đại học có ngành Nhật Bản học ở Đông Nam Á và Đông Á. Năm 2016, đại diện Bộ môn trở thành thành viên chính thức của Ban điều hành

Hiệp hội Nghiên cứu Nhật Bản toàn Đông Nam Á (JSA). Giảng viên Bộ môn được mời tham gia giảng dạy trong chương trình Summer Institute do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản phối hợp với các trường đại học của Nhật Bản, Mỹ và Đông Nam Á tổ chức.

Năm 2017, với sự tài trợ của Quỹ Quốc tế Toshiba (Toshiba International Foundation), đại diện Bộ môn được mời tham dự Đại hội lần thứ 3 về Nghiên cứu Nhật Bản của châu Âu (EAJS). PGS.TS Phan Hải Linh chia sẻ: Trên cơ sở mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các trường đại học của Nhật Bản và châu Á, Bộ môn Nhật Bản học đang từng bước mở rộng quan hệ hợp tác vượt ra khỏi khu vực châu Á với mong muốn xây dựng một ngành Nhật Bản học tại Việt Nam mang đẳng cấp quốc tế.

Cũng nhờ sự ủng hộ của Quỹ Quốc tế Toshiba, từ năm 2018, Bộ môn bắt đầu thiết lập mạng lưới trao đổi học thuật với các trường đại học hàng đầu về nghiên cứu Nhật Bản của Âu Mỹ như Đại học Aix Marseille (AMU) của Pháp, Đại học Cambridge của Anh, Đại học Heidelberg của Đức, Đại học UCLA, UC Berkeley của Mỹ, UBC của Canada...

Với sự chuẩn bị cẩn thận và chắc chắn theo đúng phong cách Nhật Bản, việc Nhật Bản học của Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN trở thành một ngành học độc lập từ năm 2019 sẽ giúp thúc đẩy việc quốc tế hóa đào tạo và nghiên cứu Nhật Bản học của Bộ môn, đồng thời mở ra những cơ hội thuận lợi mới cho cử nhân ngành Nhật Bản học trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ hiện nay.

THANH HÀ



PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền
Trưởng Bộ môn PR-Quảng cáo
Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông

- TÊN NGÀNH: QUAN HỆ CÔNG CHÚNG
- MÃ NGÀNH: QHX13
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: VIỆN ĐÀO TẠO BÁO CHÍ VÀ TRUYỀN THÔNG
- TỔ HỢP TUYỂN SINH: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

“Không thể chờ đến khi tốt nghiệp mới... đi làm!”

Trong xã hội hiện đại, con người dường như luôn dư thừa thông tin nhưng lại không dễ dàng thấu hiểu nhau. Nghề quan hệ công chúng giúp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không chỉ trở nên nổi bật hơn giữa đám đông để được nhận ra, mà còn thuận lợi hơn trong việc kết nối, duy trì đối thoại với các nhóm công chúng của họ. Là một nghề kết hợp song hành giữa sự sáng tạo không ngừng nghỉ và những nguyên lý khoa học đã được chứng minh, người làm nghề quan hệ công chúng chỉ có thể thành công khi rèn luyện chính mình trong sự kỷ luật chặt chẽ. Trường ĐHKHXH&NV là một trong những cái nôi tuyệt vời để bạn trau dồi, thử thách bản thân để làm chủ kiến thức, kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp của nghề quan hệ công chúng. Đó là chia sẻ của PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trưởng Bộ môn PR-Quảng cáo, Viện Đào tạo báo chí và Truyền thông, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.



KHOA HỌC, SÁNG TẠO VÀ CHÂN THÀNH

Quan hệ công chúng (còn gọi là Public Relation) được hiểu là các hoạt động quản lý nhằm hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... xây dựng các chiến lược truyền thông để tiếp cận và xây dựng mối quan hệ với công chúng, khách hàng của mình. Nghề PR chuyên nghiệp trên thế giới đã xuất hiện từ đầu thế kỷ XX cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường nhưng ở Việt Nam, đây vẫn là một ngành nghề mới mẻ.



Những nhân viên làm PR luôn được ngưỡng mộ bởi họ năng động, linh hoạt; khả năng giao tiếp xã hội tốt; vừa thấu hiểu tổ chức, vừa nắm rõ những đặc điểm của đối tượng công chúng/khách hàng mà đơn vị của mình hướng tới. Với khách hàng, họ là gương mặt đại diện, là cầu nối, đem đến những thông điệp chân thực, hấp dẫn nhất từ tổ chức. Với nội bộ đơn vị, họ tạo sự gắn kết giữa các thành viên, thúc đẩy sự trao đổi thông tin, truyền đi cảm hứng và năng lượng tích cực trong công việc, xây đắp tình yêu và sự cống hiến dành cho tổ chức.

“Khi nói về nghề PR, người ta nhắc đến các từ khóa như khoa học và nghệ thuật” - PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền cho biết. Không một chiến dịch truyền thông nào được triển khai hay bất kỳ thông điệp truyền thông nào được xây dựng lại không dựa trên sự nghiên cứu kỹ lưỡng nhu cầu, mong muốn, cảm xúc, xu hướng của công chúng/khách hàng chủ chốt của doanh nghiệp. Tất cả các khâu của hoạt động truyền thông luôn cần chặt chẽ, chính xác và logic, nhất quán trong một mục tiêu chung là truyền tải được đúng tinh thần thông điệp của tổ chức. Tính khoa học còn thể hiện ở chỗ, từ các giá trị cốt lõi của tổ chức xuống đến định hình giá trị của từng sản phẩm, dịch vụ phải có sự gắn kết logic với nhau. Những thông điệp được xác định ở từng sản phẩm, từng khâu dịch vụ cụ thể phải trong một hướng tư duy thống nhất phản ánh chiến lược phát triển và định vị thương hiệu công ty ở tầm vĩ mô.

“Những nhà PR là những bậc thầy về sáng tạo” - PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền nhấn mạnh. Làm nghề PR không có chỗ cho sự cũ kỹ, sự lặp lại chính



minh. Những câu chuyện truyền thông phải luôn mới mẻ, sáng tạo, bắt kịp các vấn đề thời sự hay đón đầu được những xu thế xã hội, đồng thời phải mang giá trị nhân văn. Tính nghệ thuật của nghề PR là ở chỗ để chuyển tải một thông điệp đến công chúng, chuyên viên PR phải tìm kiếm rất nhiều cách thể hiện độc đáo nhằm thu hút sự quan tâm, theo dõi và ủng hộ của họ.

Điều gì là cốt lõi làm nên sự thành công của một nhà PR chuyên nghiệp? Đó là giá trị mà nghề PR mang lại sau những ngày đêm vắt hết tâm sức cho một ý tưởng sáng tạo độc đáo, khác biệt hay những vất vả, áp lực khi chạy một chiến dịch quảng bá sản phẩm mới ra gia nhập thị trường? Trả lời các câu hỏi này, PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền cho rằng một người làm PR giỏi luôn cần có một tấm lòng chân thành, mong muốn làm điều tốt nhất cho cả tổ chức và công chúng của mình. Phần thưởng cho họ sẽ luôn xứng đáng khi họ đạt được các mục tiêu đã đề ra, và nhất là cảm giác thỏa mãn khi thấy bản thân luôn được trải nghiệm sự tươi mới, bất phá, khác biệt trong sự nghiệp của mình để không bao giờ thấy công việc là nhàm chán.

“Đây là một nghề vất vả, đòi hỏi tư duy tổng hợp và sự nhạy cảm thuộc về tố chất cùng nỗ lực trau dồi của mỗi cá nhân. Nhưng đây cũng là một nghề mà ai trót yêu thì rất khó dứt bỏ nó. Bởi những gì PR mang lại cho những người dám dấn thân với nghề là vô cùng đáng giá”. Người làm PR luôn có cơ hội được học hỏi, cập nhật những điều mới mẻ trong dòng chảy sôi động của cuộc sống đồng thời có những mối quan hệ xã hội phong phú, một đời sống tinh thần giàu cảm xúc và thăng hoa.

CHÚ TRỌNG TÍNH THỰC HÀNH VÀ ĐỀ CAO KỸ LUẬT

Ngành Quan hệ công chúng được chính thức đào tạo tại Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN từ năm 2013. Dù còn khá mới mẻ song Quan hệ công chúng luôn nằm trong top những ngành học thu hút thí sinh nhất tại Trường do tính hấp dẫn của nghề trên thị trường lao động. Trường ĐHKHXH&NV là cái nôi về đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam nên sinh viên có điều kiện được trang bị hệ thống kiến thức nền tảng, chắc chắn về khoa học xã hội nhân văn. Ngành Quan hệ công chúng lại được xây dựng và tổ chức triển khai tại Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông của Trường, nên được thừa hưởng những kết quả nghiên cứu khoa học và sản xuất truyền thông từ một cơ sở đào tạo báo chí truyền thông hàng đầu cả nước. CTĐT ngành Quan hệ

công chúng và phương pháp giảng dạy được xây dựng dựa trên sự tham khảo những CTĐT hiện đại của các trường ĐH hàng đầu về Quan hệ công chúng của thế giới như ĐH Maryland (Mỹ) cùng những đúc rút từ kết quả nghiên cứu và dấn thân với nghề của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Gần 100% sinh viên ra trường đều có việc làm đúng ngành. Sinh viên từ năm thứ hai, thứ ba đã bắt đầu thực tập dài hạn có lương ở nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên năm thứ tư hầu hết đều vững vàng để tham gia thị trường lao động.

“Quan điểm đào tạo của chúng tôi là sinh viên tốt nghiệp phải bắt kịp ngay được với yêu cầu của nghề nghiệp. Đến học kỳ II năm thứ hai, sau khi được trang bị những kiến thức lý thuyết nền tảng về Quan hệ công chúng, sinh viên được học nhiều môn có tính ứng dụng cao để rèn luyện năng lực tư duy, lãnh đạo qua các kỹ năng phân tích, tổng hợp, làm việc nhóm, thuyết trình... Trong nhiều học phần như: Các chương trình



quan hệ công chúng, Viết cho quan hệ công chúng, Tổ chức sự kiện..., sinh viên được phân nhóm và triển khai các chương trình, hoạt động truyền thông cụ thể cho khách hàng. Các em phải thực sự nắm bắt tất cả những thử thách mà một nhân viên PR phải thực hiện như nhận diện yêu cầu của khách hàng, nghiên cứu phân tích để lên ý tưởng, hạch toán tài chính, phân công lao động, kêu gọi tài trợ, xin phép tổ chức sự kiện, sáng tạo các nội dung khác nhau để quảng bá, kế hoạch phòng ngừa rủi ro... Tính kỷ luật trong học tập và phối hợp việc nhóm là rất quan trọng và được đánh giá thường xuyên, chuyên nghiệp bằng hệ thống điểm thưởng và phân quyền lãnh đạo, giám sát. Kết thúc học phần, các em phải báo cáo trước các thầy cô cùng các nhà tuyển dụng, nhà tài trợ... để lấy điểm cuối kỳ” - PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền chia sẻ về phương thức đào tạo sinh viên ngành Quan hệ công chúng.

Sang năm thứ tư, các sinh viên hoàn toàn làm việc với tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, thành thạo các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp xã hội tốt, được đi thực tập tốt nghiệp dài hạn tại nhiều cơ quan, tổ chức, công ty lớn... để sau đó tự tin đi làm tại các công ty PR chuyên nghiệp hoặc làm PR nội bộ cho các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức. Trong suốt quá trình học tập kể từ khi nhập học, sinh viên ngành Quan hệ công chúng đã được chào đón và đưu dắt bởi mạng lưới sinh viên đồng môn các khóa. Các em đã hỗ trợ lẫn nhau từ việc học tập, nghiên cứu cho đến tìm kiếm cơ hội việc làm. Đoàn kết và gắn bó trong sinh viên đồng môn ngành PR đã trở thành một truyền thống của ngành học này trong Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

SÔI ĐỘNG THỊ TRƯỜNG TUYỂN DỤNG NGÀNH PR

Những vị trí công việc trên thị trường lao động hiện nay cho sinh viên ngành Quan hệ công chúng rất đa dạng và hấp dẫn như: phụ trách quan hệ báo chí, quan hệ cộng đồng; tổ chức sự kiện, truyền thông nội bộ; trợ lý phân tích và lập báo cáo về môi trường truyền thông đối nội, đối ngoại; trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông trong kinh doanh; chuyên viên phát triển thương hiệu; tư vấn quản trị truyền thông doanh nghiệp; nghiên cứu viên về truyền thông, báo chí; giảng dạy báo chí truyền thông...

Trong hiện tại và tương lai, thông tin chính là dòng chảy kết nối các cá nhân, cộng đồng, các lĩnh vực xã



hội. Xu hướng tợp tác và hội nhập trong một thế giới phẳng khiến nhu cầu tương tác, truyền thông để hiểu biết lẫn nhau ngày càng mạnh mẽ. Sự ra đời của Internet, mạng xã hội Facebook, Twitter, Youtube đã nhanh chóng chi phối cuộc sống của con người và khiến hoạt động truyền thông bùng nổ hơn bao giờ hết. Nghề quan hệ công chúng (truyền thông) ở Việt Nam tuy còn non trẻ nhưng có mức tăng trưởng không ít hơn 30%/ năm do nhu cầu của các doanh nghiệp, đơn vị tăng lên không ngừng. Theo một báo cáo của Công ty tư vấn đa quốc gia Pricewaterhouse Cooper, Việt Nam là nơi có thị trường truyền thông phát triển nhanh nhất thế giới trong giai đoạn gần đây. Chỉ riêng từ năm 2004-2009, giá trị của ngành này đã tăng lên gấp 3 lần.

“Sinh viên tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng có kinh nghiệm làm việc hơn 1 năm không khó để đạt mức lương 15-20 triệu đồng/tháng và thậm chí còn cao hơn nếu làm việc ở các doanh nghiệp nước ngoài hay các công ty xuyên quốc gia. Chưa kể các vị trí làm việc trong lĩnh vực truyền thông đang ngày càng chuyên môn hóa cao như đi sâu tư vấn quản lý khủng hoảng, truyền thông chính phủ, truyền thông liên cá nhân, truyền thông thương hiệu, truyền thông marketing, sáng tạo và quản trị nội dung số, tổ chức sự kiện... thì mức thu nhập còn cao hơn nhiều. Hiện nay rất nhiều nhà tuyển dụng liên tục đề nghị giới thiệu sinh viên tốt nghiệp với mức lương hấp dẫn mà chúng tôi không đáp ứng đủ bởi các em từ năm thứ ba hầu hết đã có việc làm ổn định rồi. Khoảng một nửa số sinh viên cố gắng rút ngắn thời gian đào tạo chỉ còn 3,5 năm để nhanh chóng tốt nghiệp đi làm. Thị trường lao động của ngành PR chắc chắn sẽ ngày càng sôi động và đầy cơ hội trong tương lai.” - PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền nhận định.

THANH HÀ



TS. Đỗ Văn Hùng
Trưởng khoa Thông tin - Thư viện

- TÊN NGÀNH: QUẢN LÝ THÔNG TIN
- MÃ NGÀNH: QHX14 (CHUẨN)
QHX42 (CLC)
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA THÔNG TIN - THƯ VIỆN
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN:
 - QHX14: A01, C00, D01, D04, D78, D83
 - QHX42: A01, C00, D01, D78

NGÀNH QUẢN LÝ THÔNG TIN

CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ



Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, thông tin đã trở thành nguồn lực, là lợi thế cạnh tranh của mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân. Cho tới nay, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là đơn vị tiên phong tại Việt Nam đào tạo bài bản và hệ thống nguồn nhân lực quản trị thông tin. Đặc biệt, từ năm học 2019-2020, bên cạnh CTĐT ngành Quản lý thông tin hệ chuẩn, Trường ĐHKHXH&NV sẽ chính thức mở thêm CTĐT Cử nhân chất lượng cao ngành Quản lý thông tin - hệ đào tạo thu phí theo chi phí đào tạo và đảm bảo chất lượng đáp ứng Thông tư 23/2014/TT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chúng tôi có cuộc trò chuyện với TS. Đỗ Văn Hùng - Trưởng khoa Thông tin - Thư viện xoay quanh chủ đề về ngành Quản lý thông tin và CTĐT mới này.

ĐÀO TẠO NHỮNG CHUYÊN GIA THÔNG TIN TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

- Thưa TS, hiểu một cách đơn giản, Quản trị thông tin (QTTT) là gì? Tại sao việc đào tạo đội ngũ nhân lực ngành QTTT lại cần thiết trong bối cảnh hiện nay?

QTTT là một ngành khoa học liên ngành về tổ chức và khai thác thông tin bao gồm: thu thập thông tin, xử lý thông tin, tổ chức thông tin, phân tích đánh giá và phân phối thông tin tới người dùng sao cho đạt hiệu quả cao nhất, nghĩa là cung cấp thông tin đúng nhu cầu, đúng đối tượng, đúng thời điểm và đúng phương tiện.

Theo Ngân hàng thế giới (World Bank), chúng ta đang bước vào nền kinh tế tri thức (KTTT) mà ở đó tri thức và thông tin được sử dụng như một nguồn lực để phát triển kinh tế và xã hội. Tổ chức Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - APEC khẳng định: quá trình sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức và thông tin trở thành động lực chính cho tăng trưởng, cho quá trình tạo ra

của cải và việc làm trong tất cả các ngành kinh tế. Có thể thấy rằng thông tin đóng vai trò quan trọng trong nền KTTT. Có một thực tế là, trong quá trình chuyển đổi số, tại các tổ chức, doanh nghiệp hiện nay, những dữ liệu và thông tin về khách hàng, sản phẩm, đối tác, đối thủ cạnh tranh, tài chính, nhân lực... hiện chưa được tổ chức một cách tốt nhất; việc thu thập dữ liệu thường xuyên chưa được thực hiện. Do đó, việc đào tạo ra một đội ngũ những nhà quản trị thông tin chuyên nghiệp và chất lượng là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

- Mục tiêu đào tạo của ngành Quản lý thông tin của Trường là gì? Năng lực đội ngũ giảng viên tham gia chương trình này như thế nào thưa TS?

Mục tiêu của chúng tôi là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý thông tin nhằm phục vụ phát triển KTTT trong bối cảnh chuyển đổi số. Cụ thể là đào tạo ra những chuyên gia thông tin có tư duy logic và hệ thống, có khả năng hoạch định chiến lược trong việc quản trị thông tin cho các doanh nghiệp và các tổ chức hay các cơ quan chính phủ; qua đó biến thông tin thành một nguồn lực quan trọng cho sự phát triển cũng như tạo ra lợi thế cạnh tranh. Chuyên gia thông tin có năng lực tư vấn xây dựng hệ thống thông tin; biết cách thu thập, đánh giá, phân loại và xử lý, tổng hợp và phân tích, phân phối và quản lý thông tin; đồng thời tư vấn việc khai thác và sử dụng thông tin một cách hiệu quả. Tóm lại, chúng tôi hướng

tới đào tạo những chuyên gia thông tin trong kỷ nguyên số. Có thể hình dung thế này, trong bối cảnh bùng nổ thông tin thì google có thể cung cấp cho bạn 1.000 kết quả, nhưng chuyên gia thông tin chỉ đưa cho bạn duy nhất một câu trả lời đúng.

Đội ngũ giảng viên của Trường có hai nguồn: một là nhóm giảng viên cơ hữu được đào tạo bài bản tại các trường đại học trong nước và quốc tế như: Victoria of Wellington, QUT (Australia), RMIT, New South Wales...; hai là nhóm giảng viên người nước ngoài của chính những trường đại học này.

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC PROJECT-BASED LEARNING

- Lần đầu tiên mở CTĐT ngành Quản lý thông tin chất lượng cao thu phí người học theo chi phí đào tạo, TS có thể giới thiệu đôi nét về những ưu điểm của chương trình?

Đây là chương trình đào tạo chất lượng cao theo hướng xã hội hóa - tức là đào tạo theo nhu cầu của xã hội với chất lượng tiệm cận quốc tế. Chương trình được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo của Trường Đại học Loughborough (Vương quốc Anh). Đặc điểm nổi bật của chương trình là chúng tôi áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến như project-based learning (học theo dự án), blended learning (phương pháp học tập hỗn hợp giữa dạy trên lớp và dạy trực



tuyến); 100% môn học được ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập; tổ chức học kỳ doanh nghiệp từ cuối năm thứ nhất và triển khai trong suốt quá trình học; 30% môn học chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh; cam kết hỗ trợ việc làm cho người học.

Cụ thể, học kỳ doanh nghiệp chiếm một lượng lớn trong chương trình, với 20 tín chỉ. Chúng tôi sẽ cố gắng đưa sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp từ cuối năm thứ nhất để các em có khái niệm về hoạt động thực tế bên ngoài. Như vậy, khi quay trở về trường, do đã hiểu biết ít nhiều về môi trường doanh nghiệp, các em sẽ biết phải học thế nào để đáp ứng được yêu cầu thực tế công việc. Chúng tôi hy vọng, đến năm thứ 3, sau khi hoàn thành học kỳ thực tập lớn thì sinh viên đã đủ trưởng thành. Chúng tôi cũng đang phối hợp với các trường đại học ở Australia và dự kiến cho sinh viên học tập dạng 2+2, nghĩa là 2 năm học trong nước và 2 năm học nước ngoài, hoặc là các em sẽ học một học kỳ doanh nghiệp ở nước ngoài. Về kinh phí, Nhà trường sẽ hỗ trợ một phần, phần còn lại sinh viên tự chi trả.

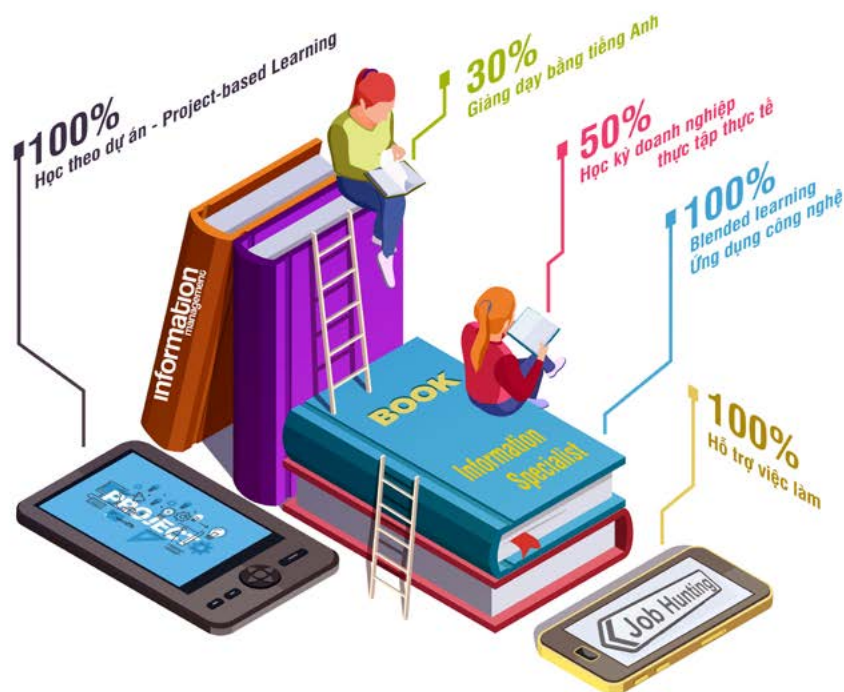
- TS có thể nói rõ hơn về phương pháp học qua dự án và thế mạnh của phương pháp học này?

Triết lý đào tạo của chúng tôi được gói gọn trong chữ COVA: sinh viên là trung tâm của tiến trình học tập. Theo đó, sinh viên được quyền lựa chọn (C - choice), được làm chủ (O - ownership), được nói lên tiếng nói của mình (V - voice) thông qua những cơ hội học tập trải nghiệm thực tế (A - authentic learning opportunities). Hướng tới đào tạo những nhân lực lao động có chính kiến, sáng tạo, trách nhiệm và linh hoạt.

Trong chương trình đào tạo, ở tất cả các môn học chuyên ngành, sinh viên đều học theo phương pháp học qua dự án. Phương pháp này khích lệ, hướng dẫn và tạo ra môi trường để sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo nhóm với một đề tài nghiên cứu cụ thể. Nghĩa là, giảng viên sẽ giới thiệu, hỗ trợ, dẫn dắt và giúp đỡ các em lựa chọn đề tài để triển khai thành một dự án nghiên cứu nhằm thực hiện môn học. Trong suốt quá trình học, giảng viên sẽ hỗ trợ sinh viên và giúp họ phát huy tối đa khả năng của mình, đồng thời chỉ ra những điểm còn thiếu, yếu; từ đó trang bị cho họ những hiểu biết toàn diện từ lý thuyết, phương pháp đến những vấn đề mang tính kỹ năng khác. Như vậy, với những môn học khác nhau, với những lĩnh vực, chủ đề khác nhau và bằng sự hỗ trợ của các giảng viên khác nhau, sinh viên sẽ được thực hiện nhiều dự án nghiên cứu. Cách giảng dạy này thúc đẩy nhiệt huyết của sinh viên đồng thời buộc sinh viên phải tham gia một cách rất tích cực, chủ động vào việc học. Nó cũng giúp sinh viên có thể tiếp thu những kiến thức có tính chất lý luận, lý thuyết và gắn nó vào thực tiễn việc thực hiện, thực hành một dự án nghiên cứu cụ thể. Đây là phương pháp giảng dạy đang được áp dụng phổ biến ở các nước tiên tiến trên thế giới.

- TS vừa nói rằng, 100% các môn học đều được ứng dụng công nghệ thông tin. Vậy cụ thể việc ứng dụng công nghệ thông tin ở đây là gì thưa TS?

Tất cả các môn học đều được quản lý giảng dạy theo phương pháp blended learning, nghĩa là sinh viên sẽ học cả học trực tuyến (online) và học trên lớp (offline). Nhà trường thiết lập một hệ thống quản lý học tập trực tuyến để triển khai các môn học, trong đó có các công



cụ để sinh viên có thể học, trao đổi, tương tác với thầy cô trên nền tảng Internet. Đồng thời, chúng tôi cũng chuẩn bị một nguồn học liệu số chất lượng để sinh viên có thể sử dụng trực tuyến, phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của mình.

Trong phương thức này, giảng viên vẫn sẽ giảng dạy trên lớp. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có các hoạt động online, một số hoạt động sẽ mang tính tự định hướng và tự học, một số hoạt động sẽ khuyến khích sự hợp tác. Blended learning có nghĩa là vào bất cứ thời điểm nào, sinh viên cũng có thể học ít nhất một phần ở địa điểm học tập bên ngoài trường thông qua mạng và được kiểm soát về thời gian, địa điểm, cách tiếp cận và tiến độ học tập. Sự kết hợp của hướng dẫn trên lớp truyền thống và môi trường kỹ thuật số tạo nên một trải nghiệm học tập thích hợp với mỗi cá nhân, hiệu quả hơn, kết quả thu được tốt hơn.

Phương pháp học này mang lại nhiều lợi ích gồm: tiếp cận với các nội dung chất lượng tốt hơn, liên quan nhiều hơn, khớp hơn theo nhiều dạng; các giờ học trên lớp và cấu trúc chương trình linh hoạt hơn; đáp ứng được nhu cầu học của sinh viên; sinh viên có thể tiếp cận với nhiều nguồn hướng dẫn, đánh giá và các công cụ kiểm tra giúp điều chỉnh tốc độ và cách học của họ. Blended learning đang nổi lên như một phương pháp chiếm ưu thế trong tương lai. Học theo blended learning cũng là một hình thức để sinh viên thực hành về quản trị thông tin trong môi trường số.

LỒNG GHÉP TƯ DUY KHỞI NGHIỆP

- Như vậy, sau 4 năm học, sinh viên ngành Quản lý thông tin CLC được trang bị những nhóm kiến thức và kỹ năng gì?

Về cơ bản, sinh viên ngành Quản lý thông tin được học 4 nhóm kiến thức.

Một là khoa học về thông tin, tức là phương thức để thu thập, đánh giá, xử lý, tổ chức, phân phối và sử dụng thông tin.

Thứ hai là khoa học về quản lý. Các môn học như phân tích hệ thống, tư duy hệ thống, quản trị dự án... sẽ giúp người học có một tư duy logic, đa chiều và tổng quát.

Thứ ba là nhóm kiến thức về công nghệ thông tin. Tất nhiên, họ không nhất thiết phải giỏi như những sinh viên trường công nghệ thông tin nhưng họ có một nền tảng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để làm chủ các công cụ trong việc tổ chức, xử lý, phân tích và phân phối thông tin.

Thứ tư là nhóm kiến thức về quản trị kinh doanh.

Trong bối cảnh hiện nay, có đến 90% sinh viên ra trường làm việc ở các doanh nghiệp và tư duy khởi nghiệp đang rất thịnh hành. Do đó, chúng tôi đã lồng ghép tư duy này vào trong chương trình. Thực tế, quản trị thông tin không chỉ là quản trị thông tin doanh nghiệp mà còn là quản trị thông tin trong tổ chức, trong lĩnh vực công. Tuy nhiên, tại thời điểm đầu tiên



triển khai chương trình, chúng tôi hướng tới quản trị thông tin doanh nghiệp nhiều hơn, do đó sinh viên phải có kiến thức, năng lực về quản trị kinh doanh.

- Nhà trường liên kết với những cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước nào để hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên? Điều này tạo điều kiện thuận lợi gì cho sinh viên trong học lý thuyết cũng như thực hành kỹ năng nghề nghiệp?

Đây là chương trình đào tạo do Nhà trường và doanh nghiệp phối hợp thực hiện. Vì vậy doanh nghiệp mà cụ thể là Công ty Đầu tư Bảo Ninh - đối tác chiến lược của chúng tôi - sẽ triển khai việc thực tập, thực tế cho sinh viên tại các doanh nghiệp. Chúng tôi cũng liên kết với các trường đại học quốc tế để cho sinh viên đi thực tập, thực tế tại nước ngoài. Và trong trường hợp sinh viên đủ trình độ ngoại ngữ và có nhu cầu đi du học, Nhà trường sẽ tạo điều kiện cho các em đi du học ở các trường đào tạo ngành tương tự tại các cơ sở đào tạo hàng đầu thế giới.

- TS đánh giá thế nào về nhu cầu tuyển dụng lao động của ngành Quản lý thông tin trong tương lai?

Cử nhân ngành QLTT có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc, trong nhiều khu vực khác nhau. Theo loại hình tổ chức, họ có thể làm việc trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp xã hội, tổ chức phi chính phủ và các hội nhóm cộng đồng. Theo ngành nghề, họ có thể làm việc trong các lĩnh vực như: quản lý thông tin, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, kinh doanh, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, điều tra xã hội, nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu...

Các vị trí công việc có thể chia làm 3 nhóm. *Nhóm 1* là chuyên viên quản lý thông tin và hỗ trợ kinh doanh gồm: chuyên gia phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; chuyên gia tư vấn xây dựng hệ thống thông tin; chuyên gia phân tích quản lý thông tin; chuyên viên phân tích thông tin; chuyên viên phân tích số liệu; chuyên viên phân tích SEO; chuyên viên quản trị nội dung; chuyên viên quản lý thông tin và dữ liệu... *Nhóm 2* là chuyên gia quản trị thông tin, cụ thể là giám đốc thông tin trong các cơ quan, tổ chức hay doanh nghiệp - dĩ nhiên nhóm này cần phải có thời gian tích lũy kinh nghiệm và chuyên môn. *Nhóm 3* là giảng viên, nghiên cứu viên, tư vấn viên về lĩnh vực quản trị dữ liệu, thông tin và tri thức.

Trong bối cảnh xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức thì mỗi tổ chức, doanh nghiệp đều có nhu cầu về QTTT, do đó nhu cầu về nhân lực QTTT sẽ rất lớn.

- TS có thể chia sẻ thông tin về cơ hội học bổng của các tổ chức phi chính phủ, chính phủ nước ngoài dành cho sinh viên ngành Quản lý thông tin CLC?

Chương trình sẽ dành học bổng cho những sinh viên giỏi nhất gồm miễn học phí cho thủ khoa và sinh viên xuất sắc mỗi năm. Ngoài ra, các em có cơ hội nhận hơn 10 loại học bổng từ các tổ chức doanh nghiệp như Học bổng K-T, Nitori, BIDV, Kumho Asiana, Chung-soo, VinGroup, Vừ A Dính, Shinnyo. AEON, Pony Chung, Annex, Yamada, Lawrence S.ting, Giải thưởng KOVA... Ngoài ra chúng tôi sẽ hỗ trợ sinh viên tìm kiếm các nguồn học bổng nước ngoài để sinh viên có cơ hội được học tập và trải nghiệm trong môi trường quốc tế.

- Trân trọng cảm ơn TS!

MINH ĐỨC

Information Professional
Chuyên gia thông tin trong kỷ nguyên số

Sinh viên là trung tâm của tiến trình học tập, trong đó cho sinh viên được quyền lựa chọn (C- choice), được làm chủ (O - ownership), và được nói lên tiếng nói của mình (V- voice) thông qua những cơ hội học tập trải nghiệm thực tế (A- authentic learning opportunities).

COVA



PGS.TS Phạm Hồng Long
Trưởng khoa Du lịch học

- TÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
- MÃ NGÀNH: QHX15
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA DU LỊCH HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, D01, D78



NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Luôn “Khát” nhân lực

Du lịch là một ngành “công nghiệp không khói” có tốc độ phát triển nhanh và đóng góp lớn vào GDP của đất nước những năm gần đây. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), mỗi năm ngành Du lịch Việt Nam cần thêm gần 40.000 lao động, nhưng chỉ có 14.000 sinh viên ra trường, trong đó chỉ có hơn 12% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên. Chính nhu cầu cao về nhân lực trong khi số lượng sinh viên được đào tạo hàng năm thấp đã khiến cho Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trở thành một trong top những nghề hot, lương khủng.



ĐÀO TẠO BÀI BẢN

Là một trong những cơ sở đầu tiên của cả nước đào tạo về Du lịch ở cả ba bậc học: Cử nhân, Thạc sỹ, Tiến sỹ, đồng thời là cái nôi đào tạo giảng viên cho hầu khắp các trường đào tạo du lịch trên cả nước, Khoa Du lịch học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN có chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch

và lữ hành rất bài bản. Chương trình được xây dựng trên nền tảng truyền thống đào tạo lâu đời của Đại học Tổng hợp Hà Nội và tiếp thu những tinh hoa của ngành đào tạo quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành thế giới như: Mỹ, Pháp, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Cụ thể, sinh viên năm thứ nhất sẽ được học những môn cơ bản như: *Triết học, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Tâm lý học...* để có “phông” kiến thức văn hóa, xã hội vững chắc. “Tuy nhiên, ngay từ năm đầu tiên, chúng tôi đã dạy đan xen những môn như: *Nhập môn du lịch học, Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao, Địa lý du lịch...* để sinh viên có tác phong làm việc chuyên nghiệp và hứng thú với chương trình học”, PGS.TS Phạm Hồng Long - Trưởng khoa Du lịch học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN chia sẻ.

Những năm tiếp theo, sinh viên được học về kinh tế du lịch, văn hóa, tâm lý và tập quán của du khách trong và ngoài nước, các kỹ năng nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch, thiết kế tour, quản lý và điều hành tour, thiết kế và quản trị sự kiện du lịch. Bên cạnh đó, với những môn học chuyên ngành, sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về *Du lịch sinh thái, Văn hóa du lịch, Marketing du lịch, Phong tục - tập quán - lễ hội truyền thống, Du lịch tôn giáo - tín ngưỡng, Quản trị kinh doanh lữ hành, Hướng dẫn du lịch, Điểm tuyến du lịch Việt Nam...*

Là nơi đào tạo giảng viên, nghiên cứu viên ngành Du lịch học cho cả nước - Khoa Du lịch học có đội ngũ cán bộ giảng dạy “tinh nhuệ” với 12 PGS và TS.



Khoa có mối quan hệ hợp tác rộng rãi với các doanh nghiệp, đơn vị quản lý trong lĩnh vực du lịch, nhờ đó sinh viên vừa học lý thuyết, vừa được tạo các cơ hội rộng mở để thực hành kỹ năng nghề nghiệp. PGS. TS Phạm Hồng Long cho biết: “Các giảng viên của Khoa không chỉ giảng dạy mà còn trực tiếp tham gia làm tư vấn cho các dự án du lịch, tư vấn việc thành lập và vận hành các doanh nghiệp du lịch và khách sạn, tổ chức các sự kiện du lịch. Chính vì vậy, một mặt dạy lý thuyết, mặt khác, họ có kỹ năng thực hành tốt để truyền đạt cho sinh viên”.

Không những thế, chương trình đào tạo của Khoa luôn được cập nhật, đổi mới. “Trung bình 5 năm, chúng tôi sẽ sửa đổi tổng thể chương trình đào tạo. Mỗi lần như vậy, chúng tôi luôn mời các chuyên gia du lịch, giám đốc nhân sự của các công ty lữ hành lớn trong cả nước để góp ý về chương trình đào tạo sao cho sát với nhu cầu thực tế”, PGS.TS Phạm Hồng Long khẳng định.

Ngoại ngữ cũng là một thế mạnh trong đào tạo của Khoa Du lịch học. Không chỉ tăng thời lượng học ngoại ngữ, Khoa còn cung cấp giáo trình cho sinh viên bằng tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh trong quá trình giảng dạy một số môn. “Khoa thành lập một câu lạc bộ tiếng Anh du lịch, trong đó có khoảng 50 người rất giỏi tiếng Anh với nhiều hoạt động thực tế phong phú, hấp dẫn để trau dồi tiếng Anh cho sinh viên. Ngoài ra, Khoa còn hợp tác chặt chẽ với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới để sinh viên có điều kiện học hỏi, tiếp thu và thực hành những kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường quốc tế. Điển hình, năm nào Khoa cũng có chương trình trao đổi sinh viên với các trường đại học của Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc... Khoa cũng có giáo sư người nước ngoài công tác thường xuyên tại Khoa”, PGS.TS Phạm Hồng Long cho biết.

CƠ HỘI VIỆC LÀM LỚN, LƯƠNG HẤP DẪN

Nằm trong hệ thống Đại học Quốc gia Hà Nội và kế thừa truyền thống của Đại học Tổng hợp Hà Nội cũ, chương trình đào tạo đa dạng nên sinh viên tốt nghiệp Khoa Du lịch học mạnh cả về lý luận lẫn thực tiễn, và đây chính là nền tảng tốt giúp họ có thể đảm

nhệm nhiều vị trí công việc khác nhau. Thực tế cho thấy, sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của Khoa Du lịch học làm tốt các vị trí như: hướng dẫn viên du lịch, chuyên viên phụ trách các bộ phận lưu trú, tiếp thị, chăm sóc khách hàng, tổ chức hội nghị, sự kiện; quản trị, điều hành, thiết kế tour tại các công ty trong và ngoài nước hoặc các tổ chức phi chính phủ. Thêm vào đó, họ có nhiều cơ hội để tự khẳng định bản thân, phát triển khả năng kinh doanh độc lập mà cụ thể là thành lập công ty kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành của riêng mình. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch, chỉ tính riêng



doanh nghiệp lữ hành quốc tế, nếu năm 2005, số lượng doanh nghiệp lữ hành quốc tế là 428, thì đến năm 2018, con số này là 2.022. Trong số 2.022 doanh nghiệp trên, không ít người đứng đầu doanh nghiệp là sinh viên được đào tạo từ Khoa Du lịch học.

Nếu sinh viên tốt nghiệp một số trường đào tạo du lịch thiên về làm việc ở doanh nghiệp vì các trường này chú trọng đào tạo kỹ năng, thì do được đào tạo cả lý luận và thực tiễn nên sinh viên tốt nghiệp Khoa Du lịch còn có thể làm ở các tổ chức phi chính phủ, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo, làm chuyên viên, quản lý tại các cơ quan quản lý Nhà nước, Tổng cục Du lịch...

“Tôi có thể đảm bảo rằng sinh viên tốt nghiệp Khoa Du lịch không bao giờ thất nghiệp. Số liệu điều tra của Phòng Công tác Chính trị sinh viên của Trường cho thấy, sinh viên của Khoa từ năm thứ 3, thứ 4 đã được các doanh nghiệp “nhắm” hết. Có điều các em kén chọn thôi. Tôi còn biết không ít sinh viên đi tour một mùa hè có thể kiếm vài chục triệu đồng. Ngoài ra, nhờ mối quan hệ tốt với các công ty lữ hành lớn như Saigon Tourist, Vietravel, Hanoi Tourist... nên ngay từ năm đầu tiên, sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động du lịch, từ đó có thu nhập, tích lũy vốn kiến thức văn hóa nền tảng cũng như kỹ năng nghề cho mình”, PGS.TS Phạm Hồng Long cho biết.

Năm 2000, Việt Nam mới đón 2,1 triệu lượt khách quốc tế, 11,2 triệu lượt khách nội địa nhưng đến năm 2018, ngành Du lịch Việt Nam đã đón 15,6 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ trên 80 triệu lượt khách nội địa. Những con số này vượt xa mục tiêu của “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” được Chính phủ phê duyệt ngày 30/12/2011 là đón 10-10,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 47-48 triệu lượt khách du lịch nội địa vào năm 2020. Điều này chứng tỏ rằng, khi cuộc sống ngày càng phát triển, con người không chỉ muốn “ăn



ngon, mặc đẹp” mà còn có nhu cầu tìm hiểu, khám phá những vùng đất, những nền văn hóa mới. Nó cũng khẳng định, sự bùng nổ của du lịch đã trở thành xu thế của Việt Nam cũng như thế giới và trong những năm tới, ngành Du lịch Việt Nam sẽ còn những bứt phá mạnh mẽ nữa nên nhu cầu về nhân lực du lịch sẽ còn tăng nhiều. Chính vì vậy, học và chọn nơi đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tốt sẽ là điểm khởi đầu đúng đắn, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp và cuộc sống tốt đẹp trong tương lai của mỗi sinh viên.

TÙNG LÂM





TS. Nguyễn Ngọc Dung
Phó Trưởng khoa Du lịch học

- TÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
- MÃ NGÀNH: QHX16
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA DU LỊCH HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, D01, D78

NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

TOP NHỮNG NGHỀ CÓ THU NHẬP ẤN TƯỢNG

Nếu như năm 2000, Việt Nam mới đón 2,1 triệu lượt khách quốc tế, 11,2 triệu lượt khách nội địa thì đến năm 2018, ngành Du lịch Việt Nam đã đón 15,6 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ trên 80 triệu lượt khách nội địa. Cùng với sự bùng nổ về khách du lịch là sự phát triển nhanh chóng của hệ thống nhà hàng, khách sạn đẳng cấp quốc gia và quốc tế trên phạm vi toàn quốc. Điều này đã dẫn đến tình trạng nhân lực phục vụ trong ngành du lịch khách sạn thiếu trầm trọng và Quản trị khách sạn trở thành một trong những ngành học đầy hứa hẹn tại Việt Nam. Chúng tôi đã có cuộc trò chuyện với TS. Nguyễn Ngọc Dung - Phó Trưởng khoa Du lịch học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN về chương trình đào tạo của Khoa cũng như tương lai nghề nghiệp của sinh viên học ngành này.

ĐÀO TẠO THEO YÊU CẦU THỰC TẾ

- Xin TS cho biết vài nét về chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Khoa Du lịch học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN?

Quản trị khách sạn (Hotel Management) bao gồm hoạt động quản lý trong các lĩnh vực ăn uống, lưu trú, vui chơi giải trí và các lĩnh vực khác liên quan đến du lịch và nghỉ dưỡng nhằm tổ chức, quản lý khách sạn một cách khoa học và hiệu quả.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Khoa Du lịch học được xây dựng trên nền tảng truyền thống đào tạo lâu đời của Đại học Tổng hợp Hà Nội (tiền thân của Trường ĐHKHXH&NV) và tiếp thu tinh hoa của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm trang bị cho sinh viên khối kiến thức, kỹ năng tổng hợp và thái độ hành xử chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực khách sạn tương lai

của xã hội. Để thực hiện điều này, hàng năm, chúng tôi thường mời giám đốc nhân sự của các tập đoàn khách sạn lớn trong và ngoài nước như: Vinpearl, FLC, IHG, Accorhotels... để lắng nghe những trao đổi, yêu cầu đối với lao động ngành du lịch khách sạn và lĩnh hội những chia sẻ của họ về ý tưởng, tầm nhìn... của ngành, từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu của thị trường cũng như xu hướng chung của thế giới.

Theo chương trình, sinh viên sẽ được học các kiến thức nền tảng của ngành du lịch như: Văn hóa du lịch, Kinh tế du lịch, Marketing du lịch, Hành vi tiêu dùng du lịch, Phong tục tập quán lễ hội... và khối kiến thức chuyên sâu về ngành khách sạn như: Quản trị kinh doanh khách sạn, Quản trị lễ tân, Quản trị thực phẩm đồ uống, Quản trị dịch vụ buồng, Kinh doanh dịch vụ bổ sung... Bên cạnh đó, chúng tôi đi sâu đào tạo các kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng bán hàng, kỹ năng thương lượng và thuyết phục, kỹ năng xử lý tình huống... và đặc biệt là đào tạo về thái độ làm việc cho sinh viên. Sở dĩ chúng tôi chú trọng đào tạo thái độ làm việc vì cần phải có một thái độ làm việc tốt như nhiệt tình, tập trung, kiên nhẫn, yêu nghề... thì các em mới có khả năng thích ứng tốt với môi trường làm việc khá vất vả này.

- TS có thể nói rõ hơn về việc đào tạo các kỹ năng mềm cho sinh viên?

Kỹ năng thứ nhất là giao tiếp ứng xử gồm: kỹ năng ứng xử với khách hàng; đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới và với đối tác bên ngoài. Thứ hai là kỹ năng giải quyết vấn đề, tình huống, vì trong khách sạn, các tình huống liên tục diễn ra và đa dạng, không tình huống nào giống tình huống nào. Cụ thể, trong môn *Quản trị lễ tân*, chúng tôi đưa ra các tình huống liên quan đến các mối quan hệ đa chiều, đặc biệt là giữa khách hàng với nhân viên. Sinh viên sẽ tự đóng vai và đưa ra cách thức xử lý tình huống, sau đó giảng viên sẽ giúp các em thảo luận để có cách xử lý đúng đắn và tối ưu nhất.

- Trong ngành Du lịch, tiếng Anh được coi là ngôn ngữ phổ biến toàn cầu. Vậy Khoa chú trọng đào tạo ngoại ngữ này cho sinh viên như thế nào thưa TS?

Tất nhiên đây là một mối quan tâm đặc biệt của Khoa. Trong giờ học, chúng tôi đan xen nhiều nội dung sử dụng ngoại ngữ, các form mẫu, bảng, biểu bằng tiếng Anh để các em sinh viên sớm có điều kiện tiếp cận với môi trường làm việc quốc tế, đồng thời các em học ngoại ngữ khác cũng có thể làm việc và sử dụng được tiếng Anh cơ bản sau khi ra trường. Ngoài





ra, hàng năm sinh viên của Khoa còn có nhiều cơ hội được tham gia các chương trình giao lưu, trao đổi tại các nước như: Malaysia, Singapore, Indonesia, Nhật Bản... với thời gian từ 1 đến 2 tuần để tăng cường khả năng sử dụng tiếng Anh. Nhiều sinh viên năm cuối đã lựa chọn làm và bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

HƯỚNG TỚI NHỮNG VỊ TRÍ CẤP CAO

- Có một thực tế là, trong các khách sạn lớn, đặc biệt là các khách sạn thuộc các tập đoàn quốc tế, các vị trí quản lý cao cấp như: trưởng bộ phận, giám đốc bộ phận, tổng giám đốc thường là người nước ngoài do họ có trình độ và năng lực quản lý vượt trội. Vậy Khoa có hướng tới đào tạo nguồn nhân lực cấp cao này?

Đây đúng là thực tế diễn ra trong một thời gian dài. Tuy nhiên, vài năm gần đây, một số vị trí cấp cao ở các tập đoàn khách sạn lớn đã do người Việt Nam sở hữu như Vinpearl, FLC, Mường Thanh... Ngoài ra, các khách sạn quốc tế đã dần sử dụng các vị trí quản lý cấp cao là người Việt, trong đó có một số cựu sinh viên của chúng tôi.

- Hiện tại, Khoa liên kết với những cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước nào và điều này tạo điều kiện thuận lợi gì cho sinh viên trong học lý thuyết cũng như thực hành kỹ năng nghề nghiệp?

Với phương châm "Học đi đôi với hành", Khoa có mối quan hệ hợp tác với nhiều chuyên gia và nhiều doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn để tạo điều kiện cho sinh viên tham quan,

kiến tập và thực hành, thực tập tại đây ngay từ những kỳ học đầu tiên. Cụ thể, Khoa đã ký thỏa thuận hợp tác với nhiều tập đoàn khách sạn như: Tập đoàn Accorhotels, Marriott Internationals, InterContinental Hotels Group, Melia Hotels International, Vinpearl, FLC...

- Sinh viên học ngành Quản trị khách sạn được thực tập từ năm nào và hình thức cụ thể ra sao, thưa TS?

Theo quy định thì sinh viên ngành Quản trị khách sạn có 3 kỳ thực tập bắt buộc: Thực tập tổng hợp vào năm thứ 3, Thực tập chuyên ngành khách sạn và Thực tập cuối khóa vào năm thứ 4. Tuy nhiên, sinh viên nào có nguyện vọng sẽ được thầy cô giới thiệu đến các khách sạn để làm nhân viên thời vụ, nhân viên bán thời gian hoặc nhân viên toàn thời gian (thường vào mùa nghỉ hè). Nhờ sự tin tưởng và mối quan hệ thân thiết với Khoa nên nhiều tập đoàn khách sạn vẫn sử dụng nhân lực là sinh viên của Khoa, không phân biệt các em đang theo học năm thứ mấy của khóa học.

- Mỗi ngành nghề đều có một đặc thù riêng, ngành Quản trị khách sạn đòi hỏi những tố chất gì ở người học, thưa TS?

Khách sạn là một ngành đầy hấp dẫn, mang hơi hướng hiện đại do gắn liền với yếu tố tiện nghi và công nghệ. Bởi vậy, sinh viên ngành Quản trị khách sạn cần giỏi ngoại ngữ, năng động, cầu tiến và có khả năng thích ứng tốt với cường độ làm việc cao. Ngành này cũng đòi hỏi sự kiên nhẫn và sức chịu đựng dẻo dai, bởi sinh viên hoàn toàn có thể phải làm việc 10-12h mỗi ngày.

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm những công việc gì, tại những cơ quan nào thưa TS?

Thế mạnh của sinh viên Khoa Du lịch học, Trường ĐHKHXH&NV là kiến thức nền tảng về du lịch, khách sạn tốt; thái độ làm việc chuyên nghiệp và khả năng thích ứng cao với môi trường làm việc của ngành kinh doanh dịch vụ. Chính vì vậy, họ có thể đảm nhiệm tốt các công việc như: quản lý hoặc nhân viên tại các bộ phận lễ tân tiền sảnh, bộ phận buồng phòng, ẩm thực, bếp, tiệc, nhân sự, tài chính - kế toán, kinh doanh - tiếp thị, hành chính, nhân lực, marketing... tại các resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch...; cán bộ điều hành, tiếp thị, nhân sự, tài chính tại các cơ quan nghiên cứu, kinh doanh du lịch trong và ngoài nước; giảng dạy nghiên cứu về nhà hàng, khách sạn tại các trường đại học, cao đẳng...; cán bộ tại các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch (Ban quản lý tại các điểm du lịch, các trung tâm du lịch, các sở du lịch, Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch...). Thực tế ở Khoa cho thấy, nhiều em trong quá trình học tập đã được các khách sạn nhận vào làm việc rồi.

NHU CẦU NHÂN LỰC LỚN, THU NHẬP VƯỢT TRỘI

- Một trong những điều sinh viên quan tâm nhất là việc làm sau khi tốt nghiệp. TS có thể đưa ra một vài đánh giá về nhu cầu tuyển dụng lao động của ngành này và xu thế trong tương lai?

Theo thống kê của Tổ chức Du lịch Thế giới Liên Hợp Quốc (UNWTO), Việt Nam đứng thứ 6 trong số 10 điểm đến du lịch phát triển nhanh nhất thế giới. Với những lợi thế về tài nguyên du lịch, tình hình chính trị

ổn định, cơ hội đầu tư rộng mở, người dân hiền hòa, mến khách..., Việt Nam đang trở thành thị trường đầy tiềm năng của nhiều tập đoàn khách sạn quốc tế. Còn theo thống kê của Tổng cục Du lịch, nếu năm 2000, số lượng cơ sở lưu trú trên toàn quốc là 3.267 với 72.200 buồng thì năm 2017, con số này là 25.600 với 508.000 buồng, trong đó số khách sạn 3-5 sao là 882 cơ sở với 104.315 buồng. Dự báo, đến tháng 12/2020, cả nước sẽ có 26.800 với 532.000 phòng, tỷ lệ tăng bình quân là 10% mỗi năm. Sự tăng trưởng này kéo theo nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên ngành quản trị khách sạn.

Thực tế trong những năm gần đây cho thấy, mỗi năm, các tập đoàn khách sạn quốc tế và Việt Nam đều có thêm vài khách sạn. Trung bình, nhân lực trực tiếp cho một khách sạn 5 sao là khoảng 400-600 người. Nhân lực gián tiếp còn cao gấp mấy lần, đặc biệt là vào các mùa vụ nên nhu cầu nhân lực ngành khách sạn sẽ tăng rất cao.

- TS có thể cho biết mức thu nhập bình quân của nhân lực ngành Quản trị khách sạn?

Theo thống kê mới nhất của Tổng cục Du lịch, mức thù lao của ngành nhà hàng, khách sạn vượt trội hơn hẳn so với mặt bằng lao động nói chung. Cụ thể, thu nhập của người quản lý khách sạn từ 10-18 triệu/tháng đối với những khách sạn, nhà hàng phân khúc tầm trung và từ 2.000 USD/tháng trở lên với những khách sạn, nhà hàng 4-5 sao.

- Trân trọng cảm ơn TS!

LÂM VŨ



PGS.TS Vũ Thị Phụng
Trưởng Bộ môn Quản trị Văn phòng,
Khoa Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng

- TÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG
- MÃ NGÀNH: QHX17
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA LƯU TRỮ HỌC VÀ QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83



NGÀNH QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG

NĂNG ĐỘNG, HIỆN ĐẠI, TINH NHUỆ

Nếu như vào những năm 80 của thế kỷ trước, Việt Nam còn chưa biết đến khái niệm “quản trị văn phòng” thì khoảng hơn 20 năm trở lại đây, do kinh tế mở cửa và các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài vào Việt Nam cũng như số lượng lớn các doanh nghiệp được thành lập hàng ngày, hàng giờ ở nước ta mà nhu cầu lao động ngành Quản trị văn phòng (QTVP) ngày càng cao. Chính vì lý do này nên sinh viên tốt nghiệp ngành QTVP ngày càng có nhiều cơ hội việc làm và thăng tiến.

KHOẢNG VĂN PHÒNG - ĐẦU NÃO CỦA CÁC CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

Vốn là một trường đại học nghiên cứu với sứ mệnh “tiên phong, đi đầu trong sáng tạo và truyền bá tri thức”, nên Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là cơ sở đầu tiên ở Việt Nam triển khai đào tạo ngành QTVP ở bậc đại học ngay từ năm 1998.

Theo PGS.TS Vũ Thị Phụng - Trưởng Bộ môn QTVP, Khoa Lưu trữ học và QTVP, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, ở Việt Nam trước đây, cơ quan nào cũng có văn phòng nhưng khái niệm về QTVP thì hoàn toàn mới lạ. Khi kinh tế mở cửa, các doanh nghiệp nước ngoài vào hoạt động ở Việt Nam và sử dụng phổ biến

thuật ngữ “office management” (QTVP), các cán bộ của Khoa nhận thấy đây là một lĩnh vực khoa học, có cơ sở lý luận và phương pháp, quy trình nghiệp vụ chặt chẽ, đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao, có thể phát triển thành một ngành học nên bắt đầu nghiên cứu; đồng thời đề xuất Trường cho phép đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực QTVP để đáp ứng yêu cầu của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

“QTVP là ngành đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực có tư duy, kỹ năng nghiệp vụ và thái độ làm việc phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và doanh nghiệp. Nó là nền tảng, bệ đỡ để các hoạt động chuyên môn sâu của các cơ quan được thực hiện tốt hơn”, PGS.TS Vũ Thị Phụng cho biết.

Trên thực tế, ở bất kỳ cơ quan, tổ chức nào, ngoài bộ máy lãnh đạo, các cán bộ, nhân viên thường được chia thành hai nhóm gồm: một nhóm làm công tác hành chính, văn phòng và một nhóm làm công tác

chuyên môn. Ở nhiều nước, hai đội ngũ này được đánh giá ngang nhau bởi nếu đội ngũ văn phòng yếu kém thì không thể hỗ trợ cho lãnh đạo nhằm đưa ra các quyết định quản lý đúng đắn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đội ngũ chuyên môn làm việc tốt. “Đội ngũ văn phòng chính là đầu não của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Nhiệm vụ chính của đội ngũ này là tham mưu, tư vấn, thu thập và xử lý thông tin giúp lãnh đạo đưa ra những quyết định mang tính chiến lược chứ không phải là làm bàn giấy như nhiều người lầm tưởng. Cũng chính vì lý do trên nên đội ngũ này phải rất tinh nhuệ”, PGS.TS Vũ Thị Phụng chia sẻ.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên của Khoa Lưu trữ học và QTVP gồm gần 20 cán bộ, trong đó, hầu hết đều có học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ và học hàm Phó giáo sư. Giảng viên của Khoa không chỉ có trình độ, vốn hiểu biết rộng mà còn thường xuyên đi thực tế và tham khảo chương trình đào tạo, mô hình giảng dạy; cách điều hành, thiết kế, tổ chức hoạt động văn phòng của nước ngoài như: Đức, Pháp, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... để cập nhật,





giới thiệu cho sinh viên. Ngoài ra, Khoa còn có một đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những người đã được đào tạo hoặc đảm nhận các chức danh như Chánh Văn phòng, Trưởng/Phó phòng Hành chính, Hành chính - Tổ chức của các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp: Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, MB Bank, Techcombank...

“NHÚNG” SINH VIÊN VÀO MÔI TRƯỜNG THỰC TẾ NGAY TỪ ĐẦU

Hiện tại, chương trình đào tạo ngành QTVP của Khoa Lưu trữ học và QTVP tập trung trang bị cho người học 03 nhóm kiến thức và kỹ năng gồm: Thứ nhất là những vấn đề lý luận cơ bản về Văn phòng và QTVP; tổ chức và hoạt động của văn phòng trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và doanh nghiệp; tư duy và phương pháp thực thi các biện pháp để giúp các cơ quan, doanh nghiệp quản trị hệ thống thông tin, nhân sự, cơ sở vật chất và tài chính trong văn phòng; năng lực, phẩm chất của nhà quản trị và QTVP... Thứ hai là những vấn đề về quy trình, nghiệp vụ văn phòng như: nghiệp vụ hành chính văn phòng; nghiệp vụ tổ chức công việc văn phòng; nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp; nghiệp vụ thư ký, lễ tân văn phòng; xây dựng văn hoá công sở, văn hoá doanh nghiệp... Thứ ba là các kỹ năng hành chính và kỹ năng mềm cho người học như: tham mưu; thuyết trình; quản lý, khai thác hồ sơ; giao tiếp; tổ chức hội họp và sự kiện; thu thập và xử lý thông tin; kiểm soát và giải quyết xung đột...

Được trang bị kỹ lưỡng những kiến thức và kỹ năng

trên nên sinh viên tốt nghiệp ngành QTVP có thể đảm nhận các vị trí như: chuyên viên, thư ký văn phòng, Phó/Chánh văn phòng, Phó/Trưởng phòng Hành chính tại văn phòng của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức... Họ cũng có cơ hội học các bậc cao hơn (Thạc sỹ, Tiến sỹ) để trở thành giảng viên, các nhà khoa học và làm việc tại các trung tâm, viện, cơ sở nghiên cứu về hành chính, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học đào tạo ngành QTVP...

Có một điều đặc biệt trong phương pháp giảng dạy của Khoa là sinh viên ngay từ học kỳ 2 của năm thứ nhất đã “buộc phải” đi thực tập bằng cách Khoa cấp giấy giới thiệu và sinh viên phải tự liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp. Nếu sinh viên nào không liên hệ được thì Khoa sẽ hỗ trợ nhưng tỷ lệ hỗ trợ chỉ khoảng 20%. Sinh viên sẽ đi thực tập bán thời gian, tức là ngoài giờ học trên lớp, trong thời gian rảnh, sinh viên đến doanh nghiệp và làm các công việc như đánh máy và chuyển văn bản, trả lời điện thoại... “Chỉ là những việc nhỏ thôi nhưng giúp các em được “nhúng” vào môi trường văn phòng và hình dung một cách rõ ràng cách thức hoạt động cũng như các yêu cầu đối với công việc của văn phòng. Mặt khác, nếu mỗi học kỳ hay mỗi năm, sinh viên thực tập tại một doanh nghiệp thì sau khi ra trường, sinh viên đã có kinh nghiệm làm việc tại 7 hoặc ít nhất 3,4 doanh nghiệp. Sau khi thực tập xong, Khoa yêu cầu sinh viên lấy giấy xác nhận, trong đó có nhận xét của thủ trưởng cơ quan nơi các em thực tập. Như vậy, sau khi tốt nghiệp, nếu các em có được ít nhất 3-4 giấy chứng nhận trong hồ sơ thì sẽ được cơ quan tuyển dụng đánh giá cao hơn, khả năng tìm việc sẽ dễ dàng hơn”, PGS.TS Vũ Thị Phụng cho biết.

Sinh viên ngành QTVP cũng có rất nhiều cơ hội nhận được các loại học bổng, ví dụ học bổng của Hội các nhà quản trị doanh nghiệp Việt Nam dưới hình thức mỗi năm mở một số khóa đào tạo ngắn hạn như: kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng quản trị nhân lực, quản trị thông tin... - miễn phí dành cho sinh viên giỏi. Từ năm 2019, một số doanh nghiệp liên kết với Khoa còn tiến tới trao học bổng trọn khóa dành cho sinh viên xuất sắc được lựa chọn từ năm thứ nhất. Các em sẽ được doanh nghiệp cấp học phí từ đó đến khi ra trường với điều kiện sẽ làm việc cho doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

TƯƠNG LAI RỘNG MỞ

Hiện nay, ngành QTVP đang được đào tạo tại một vài trường đại học công lập ở Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh và một số trường đại học dân lập khác. Cơ sở công lập gồm: Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN (60-80 sinh viên/năm), Đại học Nội vụ (khoảng 150 sinh viên/năm), trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TP Hồ Chí Minh (khoảng 100 sinh viên/năm) và các đại học tư thục như Bình Dương, Thái Nguyên... Ước tính sơ bộ, hàng năm có tổng cộng khoảng 1.000 sinh viên tốt nghiệp. Trong khi đó nhu cầu về nguồn nhân lực rất lớn, do đó, tương lai của sinh viên ngành QTVP rất rộng mở. “Chúng ta có hàng nghìn cơ quan Nhà nước luôn có nhu cầu về nhân lực ngành này bởi lẽ hàng năm, số lượng người về hưu, chuyển đi không ít. Bên cạnh đó là hàng nghìn tổ chức xã hội và đặc biệt là hiện có tới hơn 500 ngàn doanh nghiệp đang hoạt động. Các doanh nghiệp này dù to, dù nhỏ đều cần ít nhất một nhân viên văn phòng

nhên rất thiếu nhân lực”, PGS.TS Vũ Thị Phụng phân tích.

Theo thống kê của Trường ĐHKHXH&NV, những năm gần đây, 95% sinh viên tốt nghiệp ngành QTVP có việc làm đúng ngành nghề ngay sau 3 tháng ra trường. Trong bộ phận hành chính, văn phòng ở hầu hết các cơ quan Đảng và Nhà nước, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp từ Trung ương đến địa phương đều có các cựu sinh viên của Khoa đang làm việc. Rất nhiều cựu sinh viên của Khoa đã và đang đảm nhận những vị trí quản lý, phụ trách bộ phận hành chính, văn phòng tại các cơ quan như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng các Bộ và UBND cấp tỉnh, huyện; hoặc giữ vai trò phụ trách các khoa, ngành đào tạo về QTVP trong một số trường đại học...

Có một sự chuyển biến rõ nét về nơi làm việc của sinh viên ngành QTVP những năm qua. Cụ thể, nếu như trước những năm 2000, 70% sinh viên ra trường của Khoa làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và tổ chức xã hội; 30% làm việc tại các doanh nghiệp thì từ năm 2000 đến nay, tỷ lệ này là 80% làm việc tại các doanh nghiệp, và 20% làm việc tại các cơ quan Nhà nước. “Sự chuyển biến này là do các cơ quan Nhà nước ngày càng tinh giản biên chế và nhu cầu nhân lực văn phòng của các doanh nghiệp ngày càng tăng mạnh. Đây sẽ trở thành xu thế tất yếu trong những năm tới. Đặc biệt, trong bối cảnh của cuộc Cách mạng 4.0, công việc và hoạt động văn phòng sẽ ngày càng phát triển theo hướng hiện đại hóa, do đó, tương lai của người học và tốt nghiệp ngành QTVP sẽ còn “sáng” hơn nữa”, PGS.TS Vũ Thị Phụng khẳng định.

TÙNG LÂM





GS.TS Hoàng Khắc Nam
Trưởng khoa Quốc tế học

- TÊN NGÀNH: QUỐC TẾ HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX18 (CHUẨN)
QHX43 (CLC)
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA QUỐC TẾ HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN:
 - QHX18: A01,C00,D01,D04,D78,D83
 - QHX43: A01,C00,D01,D78

NGÀNH QUỐC TẾ HỌC

Để sống và làm việc trong môi trường hội nhập

Quốc tế học là một xu hướng đào tạo mới trên thế giới, xuất hiện chủ yếu từ sau Chiến tranh Lạnh. Xu hướng này ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển tư duy và kỹ năng nghề nghiệp theo hướng đa ngành, rộng mở và sáng tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng phát triển, các quốc gia ngày càng quốc tế hóa sâu sắc trên mọi lĩnh vực.



QUỐC TẾ HỌC – SỰ PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG TRÊN NỀN QUAN HỆ QUỐC TẾ

Ngày nay, ngành Quốc tế học đã được đào tạo nhiều nơi trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển. Ngành khoa học này có vị trí quan trọng trong bối cảnh ngày càng có sự đan xen giữa đời sống trong nước và quốc tế, giữa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường... Do thực tế đan xen như vậy, không ai có thể giải thích các hiện tượng và vấn đề nào mà lại chỉ có kiến thức một ngành học. Từ đó, yêu cầu đào tạo đa ngành, liên ngành đã trở nên bức thiết. Quốc tế học ra đời chính là nhằm đáp ứng nhận thức hiện đại và yêu cầu đào tạo đó.



Ở Việt Nam, Khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là đơn vị tiên phong xây dựng ngành Quốc tế học từ năm 1995. Ngành Quốc tế học của Trường là sự mở rộng so với ngành Quan hệ quốc tế và Ngoại giao trước kia. Sự mở rộng này diễn ra theo bốn hướng: *Thứ nhất*, đó là sự mở rộng nghiên cứu từ chủ yếu về an ninh - chính trị trước đây sang nhiều lĩnh vực quan hệ như kinh tế, văn hóa, xã hội, luật pháp... *Thứ hai*, đó là sự mở rộng từ các vấn đề an ninh - chính trị sang các vấn đề phát triển và các vấn đề xuyên quốc gia. *Thứ ba*, đó là sự mở rộng từ nghiên cứu quốc tế thuần túy sang kết hợp áp dụng vào các vấn đề của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. *Thứ tư*, đó là sự mở rộng đối tượng đào tạo chủ yếu cho các cơ quan đối ngoại của Nhà nước sang nguồn nhân lực thích ứng cho nhiều loại hình cơ quan, tổ chức khác nhau, trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Để thực hiện sự mở rộng nói trên, chương trình đào tạo của Khoa Quốc tế học được xây dựng trên bốn khối kiến thức nền tảng là chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và luật pháp. Từ bốn khối kiến thức này, đến năm cuối, sinh viên sẽ được đào tạo chuyên sâu theo các hướng chuyên ban là: *Quan hệ quốc tế, Châu Âu học, Châu Mỹ học, Nghiên cứu phát triển quốc tế.*

“Quốc tế học là ngành khoa học hiện đại trên thế giới và cả ở Việt Nam. Đây là ngành học năng động, đòi hỏi tư duy cởi mở và giàu sức sáng tạo - rất cần thiết cho con người khi sống và làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế như hiện nay” - GS.TS Hoàng Khắc Nam, Trưởng khoa Quốc tế học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN chia sẻ.





TƯ DUY TOÀN CẦU, HÀNH ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG

Đào tạo Quốc tế học tại Trường ĐHKHXH&NV nhất quán theo các định hướng cơ bản sau:

Thứ nhất là đào tạo tư duy đa ngành và liên ngành. Các vấn đề quốc tế và đối ngoại của Việt Nam hiện nay là sự tổng hợp, đan xen của rất nhiều lĩnh vực. Do đó, phải có tư duy đa ngành và liên ngành thì mới nhìn nhận đầy đủ và giải quyết được các vấn đề trên. Điều này cũng giúp người học có được tinh thần năng động và linh hoạt, có cách nhìn rộng mở về các vấn đề quốc tế mà không phiến diện. Điều này cũng giúp sinh viên có khả năng làm việc ở các vị trí công

tác, các cơ quan và lĩnh vực hoạt động khác nhau. Bởi kiến thức có thể quên đi hay bị lạc hậu nhưng cách suy nghĩ và luận giải, cách phát hiện và xử lý vấn đề mới là hành trang quan trọng để sinh viên bước vào đời và phát triển.

Thứ hai là đào tạo tư duy toàn cầu nhưng hành động địa phương. Nghiên cứu quốc tế không chỉ để hiểu biết về thế giới mà còn nhằm tìm hiểu tác động của những xu hướng thế giới đến Việt Nam, để ứng dụng vào giải quyết các vấn đề hội nhập và phát triển của Việt Nam. Tư duy “biết người, biết ta” này cũng giúp người học có tinh thần sáng tạo và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có khả năng làm việc cho các cơ quan tổ chức của Việt Nam cũng như nước ngoài.

Thứ ba là đào tạo tri thức hiện đại và gắn liền với thực tiễn. Các chương trình đào tạo và các môn học của Khoa đều được xây dựng với sự trợ giúp của các chuyên gia nước ngoài. Các kiến thức và phương pháp trang bị thường xuyên được cập nhật để đảm bảo theo kịp thế giới. Hàng năm, có hàng chục lượt sinh viên được đi giao lưu, học tập hay tham dự hội thảo ở nước ngoài. Điều này giúp người học thích ứng nhanh với công việc và có thể học tiếp bậc học cao hơn ở nước ngoài một cách thuận lợi sau khi tốt nghiệp.



Thứ tư là chú trọng đào tạo tiếng Anh và kỹ năng nghề nghiệp. Chương trình đào tạo của Khoa Quốc tế học dành một thời lượng đáng kể cho việc dạy tiếng Anh - ngôn ngữ giúp người học có thể đi khắp thế giới. Một số môn học ở năm cuối dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh như: *Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương, Hệ thống chính trị và pháp luật châu Âu, Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, Nhập môn Nghiên cứu Phát triển Quốc tế*... Chương trình của Khoa cũng có nhiều môn đào tạo kỹ năng nghề nghiệp như *Nghiệp vụ công tác đối ngoại, Đàm phán quốc tế, Quan hệ công chúng quốc tế, Quản lý dự án phát triển*... Đào tạo kỹ năng

còn được lồng ghép trong nhiều môn học cũng như trong hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP NĂNG ĐỘNG VÀ HỘI NHẬP

Sinh viên ngành Quốc tế học có môi trường học tập, nghiên cứu và hoạt động ngoại khóa năng động và có tính hội nhập quốc tế cao. Nhờ quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, sinh viên được tham gia chuỗi hội thảo quốc tế trong nhiều năm về các chủ đề thời sự của thế giới và quá trình hội nhập của Việt Nam. Đại sứ các nước và chuyên gia nước ngoài là khách mời thường xuyên của Khoa để giảng dạy và thuyết trình về các vấn đề quan hệ quốc tế.

Đến năm thứ ba, tất cả sinh viên có cơ hội đi thực tế ở nước ngoài. Ngoài ra, sinh viên Khoa Quốc tế học còn được nhận học bổng của các quỹ quốc tế hoặc đại diện cho sinh viên Việt Nam tham gia nhiều sự kiện của sinh viên quốc tế như: *Dự án Sáng tạo Thanh niên về phát triển bền vững sông Mê Kông; Giao lưu thanh niên và sinh viên ASEAN, Phiên tòa giả định về luật nhân đạo quốc tế do Mạng lưới hành động nhân đạo quốc tế tài trợ; Hội nghị mô phỏng Liên hợp quốc*...

Nhiều sự kiện văn hóa được tổ chức với sự tham gia đóng góp của sinh viên Quốc tế học như lễ tưởng niệm các nạn nhân Holocaust, trao tặng sách của các nhà khoa học thế giới... FEC - Câu lạc bộ tiếng Anh của Khoa là nơi quy tụ những sinh viên yêu tiếng Anh và thực hành tiếng Anh ở nhiều hoạt động ý nghĩa như: cuộc thi hát tiếng Anh *Melody of Life*, tổ chức làm phim phụ đề tiếng Anh, dịch sách tiếng Anh cho thiếu nhi ở Thư viện Quốc gia...

Thực tế nhiều năm cho thấy, sinh viên ngành Quốc tế học có khả năng xin việc tương đối nhanh với công việc khá đa dạng. Các công việc mà sinh viên thường làm nhiều nhất khi mới ra trường là về hợp tác quốc tế, nhân sự, PR... trong các công ty nước ngoài và Việt Nam; cán bộ dự án hoặc văn phòng trong các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức nước ngoài; phóng viên hay biên tập viên tin tức đối ngoại trong lĩnh vực báo chí-truyền thông; công tác ở các cơ quan hợp tác quốc tế ở Trung ương và địa phương, ở các bộ phận đối ngoại của các bộ, ngành; nghiên cứu và giảng dạy về quốc tế học ở các viện nghiên cứu, các trường đại học.

ĐỨC THẮNG



PGS.TS Trịnh Thị Linh
Phó Trưởng khoa Tâm lý học

- TÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX19
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA TÂM LÝ HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH TÂM LÝ HỌC

Vì một cộng đồng

KHỎE MẠNH VỀ TINH THẦN, CAO ĐẸP VỀ NHÂN CÁCH

Tâm lý học là ngành học cung cấp những tri thức tổng quát về cách con người suy nghĩ, cảm nhận và hành động trong bối cảnh cá nhân hay xã hội. Toàn bộ thế giới tinh thần phức tạp của con người, từ những rối nhiễu tâm lý đến những hành vi cao đẹp hay ý chí phi thường đều là đối tượng nghiên cứu của ngành Tâm lý học.

NGÀNH HỌC CỦA XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

Trên thế giới, Tâm lý học chính thức trở thành một ngành khoa học độc lập từ năm 1879. Từ rất sớm, ngành khoa học có sự giao thoa giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội này đã xuất hiện do nhu cầu cần nghiên cứu, tìm hiểu về sự vận động của tư duy, cảm xúc, tâm lý con người dưới tác động của các yếu tố tự nhiên và xã hội. Các trung tâm đại học hàng đầu thế giới của Mỹ, Pháp, Anh, Úc... cho đến các nước châu Á phát triển đều không thể thiếu ngành Tâm lý học trong hệ thống các ngành khoa học về xã hội và nhân văn.

PGS.TS Trịnh Thị Linh - Phó Trưởng khoa Tâm lý học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN giải thích: "Tâm lý là



tất cả các hiện tượng của đời sống tinh thần, thế giới nội tâm của con người; gắn liền và điều hành mọi hoạt động của con người. Tâm lý học là ngành khoa học chuyên nghiên cứu về các hiện tượng tinh thần của cá nhân và nhóm xã hội, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của con người. Đây là một khoa học liên ngành và là ngành khoa học của xã hội hiện đại".

Trên thực tế, xã hội càng phát triển, áp lực cuộc sống ngày càng cao dẫn đến các rối nhiễu cũng như bệnh lý về tinh thần có xu hướng phổ biến ở các nước phát triển như trầm cảm, tự kỷ, hoang tưởng, lo âu, cô đơn... Thực trạng này xảy ra không phân biệt độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp hay trình độ học vấn của mỗi người. Số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) dự báo, đến năm 2020, trầm cảm là căn bệnh thứ hai tấn công sức khỏe con người chỉ sau tim mạch. Hiện nay, có 3%-5% dân số thế giới mắc bệnh này. Một nửa các bệnh lý về tâm thần khởi phát ở độ tuổi 14 nhưng phần lớn đều không được phát hiện hay điều trị. Cũng theo nghiên cứu của Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), khoảng 8%-29% trẻ em vị thành niên Việt Nam mắc các bệnh về sức khỏe tâm thần. Theo nhiều nghiên cứu trong nước, 87% số trẻ em trong mẫu nghiên cứu có vấn đề về tâm lý. Ước tính tại Việt Nam có ít nhất ba triệu thanh, thiếu niên có các vấn đề về sức khỏe tâm lý, tâm thần nhưng chỉ có khoảng 20% trong số đó nhận được

hỗ trợ y tế và điều trị cần thiết. "Xã hội hiện đại ngày càng phát triển, nghề Tâm lý càng được coi trọng bởi tính cần thiết cũng như giá trị nhân văn mà nghề này mang lại trong việc mưu cầu đời sống hạnh phúc cho con người" - PGS.TS Trịnh Thị Linh khẳng định.

Trong thực tế, Tâm lý học không chỉ giúp chữa trị các bệnh lý về tâm thần hay các rối nhiễu tâm lý mà tri thức Tâm lý học còn có ứng dụng hết sức rộng rãi trong nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau. *Tâm lý học học đường* cung cấp kiến thức về ứng dụng của Tâm lý học vào quá trình giáo dục và dạy học ở trường phổ thông. *Tâm lý học du lịch* nghiên cứu các hiện tượng và cơ chế vận hành các quy luật tâm lý của con người và nhóm người trong hoạt động du lịch; nghiên cứu sự phát triển các loại hình du lịch và đặc điểm tâm lý của các nhóm du khách; nghiên cứu giao tiếp của con người trong hoạt động du lịch. *Tâm lý học xã hội* cung cấp cái nhìn toàn cảnh về sự hình thành và phát triển tâm lý của cá nhân trong quá trình gia nhập vào các nhóm xã hội khác nhau. *Tâm lý học tuyên truyền quảng cáo* nghiên cứu các hình thức, nguyên tắc hoạt động tuyên truyền quảng cáo, tâm thế, ý thức và các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả và chất lượng của hoạt động tuyên truyền quảng cáo, cách thức tổ chức và qui trình tiến hành một chương trình quảng cáo cụ thể. *Tâm lý học pháp lý* đánh giá về các hiện tượng tâm lý con người trong lĩnh vực luật pháp. *Tâm lý học tôn giáo* quan tâm đến

góc độ tâm lý trong tín ngưỡng, tôn giáo. *Tâm lý học gia đình* giải thích cơ sở kết nối, thiết lập mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. *Kỹ năng tham vấn qua điện thoại và internet* cung cấp quy trình tham vấn qua điện thoại và internet, cách phân tích tình huống của thân chủ thông qua nghe và nhìn gián tiếp vấn đề của thân chủ...

GẮN LÝ THUYẾT VỚI THỰC HÀNH

Tại Việt Nam, Khoa Tâm lý học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN được hình thành từ Bộ môn Tâm lý Xã hội của Khoa Triết học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và chính thức trở thành Khoa Tâm lý học từ năm 1997. Cho đến nay, Khoa được công nhận là cơ sở nghiên cứu và đào tạo uy tín hàng đầu đất nước trong lĩnh vực Tâm lý học. Khoa có đội ngũ giáo viên đạt chuẩn học vị cao (55% GS/PGS và 85% TS) với nhiều thầy, cô là chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học tham vấn, Tâm lý học quản lý và kinh doanh, Tâm lý học xã hội... Các đề tài nghiên cứu khoa học của mỗi giảng viên đều gắn liền với các học phần được giảng dạy, đảm bảo sự gắn bó chặt chẽ giữa hoạt động nghiên cứu và giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Hiện nay, Khoa Tâm lý học có 02 chương trình đào tạo cử nhân hệ chuẩn và hệ chất lượng cao. Đặc trưng đào tạo của Khoa là đào tạo kiến thức nền tảng rộng về Tâm lý học, trên cơ sở đó đi sâu vào các định hướng chuyên ngành. Kiến thức chuyên sâu trong CTĐT ngành Tâm lý học gồm 03 khối kiến thức chính. Một là khối kiến thức nền tảng về sự hình thành và phát triển tâm lý con người với các môn học như *Tâm lý học phát triển, Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao, Giải phẫu sinh lý, Tâm lý học nhân cách, Tâm lý học thần kinh*... Hai là khối kiến thức trang bị những hiểu biết chung nhất về các hiện tượng tâm lý của cá nhân và nhóm xã hội với các môn học như *Tâm lý học xã hội, Tâm lý học quản lý kinh doanh, Tâm lý học học đường, Tâm lý học giao tiếp, Tâm lý học gia đình, Tâm lý học dân tộc, Tâm lý học tổ chức, Tâm lý học du lịch*... Ba là khối kiến thức chuyên sâu, nền tảng về nhận diện, đánh giá và can thiệp, trị liệu các vấn đề tâm lý với các môn học về *Tâm lý học lâm sàng đại cương, Đánh giá tâm lý, Tâm lý học trị liệu, Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên, Tham vấn nhóm, Tham vấn trẻ em và thanh thiếu niên*...

Sau 3 năm đào tạo, sinh viên sẽ theo đuổi một trong



các hướng chuyên ngành: *Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học tham vấn, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học quản lý kinh doanh*. Trong đó, *Tâm lý học lâm sàng* định hướng đào tạo bài bản, chuyên sâu về việc nhận diện các vấn đề tâm lý, cách can thiệp và trị liệu... *Tâm lý học tham vấn* định hướng trợ giúp cho các cá nhân có các khó khăn, rối nhiễu tâm lý. *Tâm lý học quản lý kinh doanh* hỗ trợ các hoạt động về nhân sự, kết nối, tuyển dụng, tổ chức trong môi trường doanh nghiệp... *Tâm lý học xã hội* định hướng các hoạt động nghề nghiệp trong các dự án cộng đồng, trong lĩnh vực gia đình, tôn giáo, giới hay luật pháp...

CTĐT còn có sự phối kết hợp nhuần nhuyễn giữa nền tảng sâu về lý thuyết và thời gian thực hành nghề. Sinh viên được đi thực tập ngay từ năm thứ hai và đến năm thứ tư, thời lượng thực tập kéo dài trong suốt một học

kỳ. Các cơ sở thực tập là các đơn vị chăm sóc sức khỏe tinh thần chuyên biệt như bệnh viện, trung tâm tư vấn tâm lý, trung tâm trợ giúp xã hội... cho đến các trường học, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, các đơn vị tổ chức sự kiện... Các đối tác của Khoa là những đơn vị hàng đầu như Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1, Viện Tâm lý học, Tổng cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình... Khi thực tập, sinh viên được giám sát bởi 01 thầy cô trong khoa và 01 người giám sát chuyên môn tại cơ sở. Thông qua đó, người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Năm 2017, CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học được kiểm định đạt kết quả tốt theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2018, chương trình tiếp tục được kiểm định và đạt tiêu chuẩn của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á (AUN) như một minh chứng cho tính cập nhật, hiện đại và hội nhập của ngành Tâm lý học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.

NỖ RỘ DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TÂM THẦN

PGS.TS Trịnh Thị Linh cho biết trong nhiều năm trở lại đây, Tâm lý học là ngành học khá "hot" của xã hội. Ngày nay cùng với sự nâng cao nhận thức của con người về vai trò quan trọng của sức khỏe tinh thần, tỷ lệ sinh viên Tâm lý học ra trường có việc làm khá cao. Các bệnh viện lớn như Bệnh viện Nhi Trung ương, Viện Sức khỏe Tâm thần Trung ương, Bệnh viện Bạch

Mai... đều đã có biên chế chính thức dành cho người tốt nghiệp ngành Tâm lý học. Các trường học tư thục và quốc tế đều có phòng tâm lý học đường để chăm sóc sức khỏe tâm thần cho các em học sinh. Xu hướng này đang ngày càng lan rộng đến hệ thống các trường công lập.

Sinh viên Tâm lý học còn có thể trở thành chuyên viên trị liệu tâm lý tại các trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý, các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tinh thần, trại cai nghiện, cơ sở giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật. Theo các nhà khoa học, một xu hướng phát triển của nghề tâm lý trong tương lai là các dịch vụ chăm sóc, can thiệp, điều trị sức khỏe tâm thần, tâm lý cho các cá nhân tại nhà.

Bên cạnh đó, với kiến thức về Tâm lý học, người học còn có thể hoạt động hiệu quả ở nhiều vị trí công việc thuộc nhiều lĩnh vực như: chuyên viên phụ trách nhân sự, quảng cáo, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện,... trong các tổ chức, doanh nghiệp hoặc làm việc tại các cơ quan hành pháp, các dự án trong lĩnh vực tâm lý - xã hội. Các cơ quan nghiên cứu và giáo dục, các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ cũng là những đơn vị tuyển dụng đầy tiềm năng đối với cử nhân ngành Tâm lý học. Một bộ phận người học sau tốt nghiệp cũng đã rất thành công trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy về Tâm lý học tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu. Trên thực tế, nhiều cựu sinh viên của Khoa đang nắm giữ những trọng trách chuyên môn và quản lý quan trọng tại nhiều bệnh viện, trường đại học, tổ chức, doanh nghiệp...

SONG NGƯ

Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Giảng viên, nghiên cứu viên, nhà tham vấn tâm lý, đánh giá sức khỏe tâm thần, nhà tâm lý học đường, tư vấn, tuyển dụng nhân sự, tổ chức sự kiện...

Tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn cao nhất Trường

Khoa Tâm lý học

Đào tạo cả 3 bậc: cử nhân, thạc sỹ và tiến sỹ

Nơi làm việc sau khi ra trường: Các trường đại học và viện nghiên cứu, bệnh viện, trường học, các trung tâm chăm sóc, can thiệp tâm lý, các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, các dự án cộng đồng.

Bậc cử nhân: Chương trình đào tạo hệ chuẩn và hệ chất lượng cao

Bậc sau đại học:

- Thạc sĩ tâm lý học
- Thạc sĩ tâm lý học lâm sàng định hướng ứng dụng
- Thạc sĩ Tâm lý học phát triển trẻ em và thanh thiếu niên (liên kết với Đại học Toulouse Jean Jaurès, Pháp)
- Tiến sĩ Tâm lý học định hướng các chuyên ngành

Thông tin liên hệ: Tầng 1, nhà D, Trường ĐHKHXH&NV, Điện thoại: (024) 3558003, psy.ussh.vnu.edu.vn Website Trường: http://www.ussh.vnu.edu.vn

Tài trợ: BIDV



ThS. Đồng Đức Hùng
Phó Trưởng khoa Thông tin - Thư viện

- TÊN NGÀNH: THÔNG TIN - THƯ VIỆN
- MÃ NGÀNH: QHX20
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA THÔNG TIN - THƯ VIỆN
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH THÔNG TIN - THƯ VIỆN

NĂNG LỰC THÔNG TIN là phẩm chất cốt lõi

Thư viện là nơi cung cấp cho người dùng kho tàng tri thức khổng lồ, những dịch vụ liên quan đến thông tin và dữ liệu phục vụ việc học tập, nghiên cứu, giải trí... Nhưng cùng với sự xâm nhập mạnh mẽ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo AI..., thư viện hiện đại đã có những thay đổi mang tính bước ngoặt. Nhiều hoạt động truyền thống của thư viện đã biến mất. Thông tin được số hoá, nhận diện, lưu trữ, bảo mật... qua mã vạch, chỉ từ, công nghệ điện toán đám mây, nhân trắc sinh học... Người làm công tác thông tin, thư viện không chỉ tổ chức, quản lý tài nguyên thông tin mà còn phải biết đón bắt nhu cầu khách hàng, tư vấn xử lý thông tin, biết khơi gợi, tạo lập và định hình những nhu cầu thông tin mới cho người dùng.

KIẾN TẠO NĂNG LỰC THÔNG TIN CHO NGƯỜI HỌC

"Data tells the trust" - ThS. Đồng Đức Hùng - Phó Trưởng khoa Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN bắt đầu câu chuyện về ngành Thông tin - Thư viện bằng câu nói về tầm quan trọng của thông tin/dữ liệu trong kỷ nguyên số - "Ngày nay, ai nắm giữ được thông tin/dữ liệu chính xác, nhanh chóng trước, người đó có quyền lực".

Bản chất của ngành Thông tin - Thư viện là tập trung vào hoạt động quản lý thông tin và các dịch



vụ trong thư viện. Từ góc độ chuyên môn, một dây chuyền thông tin được chia làm 4 khâu: Bổ sung, thu thập thông tin, dữ liệu - Xử lý, phân tích, tổng hợp dữ liệu - Lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin - Sử dụng, cung cấp thông tin. Việc tổ chức và quản lý thông tin cần được chuẩn hoá và theo phương pháp khoa học để tránh các hiện tượng: đánh mất thông tin, phân tán thông tin, nhiễu tin, thông tin không chuẩn xác, thông tin vi phạm bản quyền, vi phạm đạo đức... Do đó, Thông tin - Thư viện là một ngành khoa học - lĩnh vực nghề nghiệp lâu đời và liên thông với thế giới.

"Với một nghề nghiệp đòi hỏi sự chuyên nghiệp cao như nghề Thông tin - Thư viện, kiến thức cốt lõi hay chuẩn đầu ra của sinh viên ngành Thông tin - Thư viện, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN chính là "Năng lực thông tin - Information Literacy".

Theo ThS. Đồng Đức Hùng, năng lực thông tin của cử nhân Thông tin - Thư viện được thể hiện ở 4 khía cạnh quan trọng gồm: Kỹ năng nhận dạng nhu cầu tin; Kỹ năng tìm kiếm thông tin; Kỹ năng đánh giá, thẩm định thông tin; Kỹ năng sử dụng thông tin.

Kỹ năng nhận dạng nhu cầu tin là khả năng nắm bắt được người dùng cần thông tin gì để hỗ trợ. Đòi hỏi chính người dùng tin tỏ ra mập mờ, bối rối, không diễn đạt được chính xác thông tin mình muốn tìm. Đó là lúc người làm công tác thư viện, với kiến thức tổng quan về các loại hình thông tin sẽ đưa ra các từ khoá, các gợi ý chi tiết về nguồn tin, cơ sở dữ liệu tin, ngôn ngữ thể hiện, định dạng thông tin... cho người dùng chọn lựa.



Tim kiếm thông tin là một kỹ năng phổ biến đối với người dùng tin phổ thông. Song sinh viên Thông tin - Thư viện được đào tạo để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực này, có khả năng tìm kiếm nâng cao (advanced search) với sự thành thạo các thuật toán, cách sử dụng thuật ngữ, từ khoá phối kết hợp để cho ra thông tin chính xác nhất. Bên cạnh đó, để có thể tìm kiếm thông tin hiệu quả thì sự hiểu biết đa dạng về các nguồn cung cấp thông tin (các cơ sở dữ liệu, các bộ sưu tập số, các nguồn tin khoa học trực tuyến...) được coi là yêu cầu bắt buộc với một chuyên gia tìm tin.

Thẩm định, đánh giá nguồn tin là kỹ năng vô cùng quan trọng trong xã hội hiện nay khi mà thông tin được trao đổi, tương tác với mật độ dày đặc, đa chiều, trên nhiều nền tảng xã hội và ngày càng phá vỡ tính riêng tư. Đây cũng là kỹ năng yếu của những người dùng tin không chuyên nghiệp. Thẩm định tin là xem xét tính hợp pháp, tin cậy của thông tin. Đây là cách để mỗi cá





nhân tự tạo bộ lọc để bảo vệ mình trước những ảnh hưởng tiêu cực của những thông tin độc hại như tin giả (fake news), phát ngôn gây thù hận (hate speech)...

Liên quan tới kỹ năng *sử dụng thông tin*, một trong những vấn đề lớn hiện nay là tình trạng sử dụng thông tin vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và vi phạm những nguyên tắc, giá trị đạo đức xã hội. Chúng ta vẫn nghe trên báo chí truyền thông các hiện tượng: người xem phim livestream trực tiếp bộ phim đang chiếu trong rạp trên mạng xã hội, vi phạm tác quyền và gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà sản xuất; tung thông tin và hình ảnh riêng tư lên mạng với mục đích xấu, gây phung phí đến danh dự của cá nhân... Tình trạng này sẽ được khắc phục một phần nhờ công tác đào tạo nên những người có kỹ năng sử dụng thông tin một cách chuyên nghiệp, am hiểu các giới hạn của việc dùng tin cùng sự nhạy cảm về ảnh hưởng của việc dùng tin trong từng lĩnh vực hoạt động xã hội.

THƯ VIỆN HIỆN ĐẠI DỰA TRÊN NỀN TẢNG CNTT

"Một số người vẫn cho rằng Thông tin - Thư viện là một ngành nghề giản đơn, phù hợp với những ai ưa thích sự nhàn nhã, không vất vả, không cần suy nghĩ hay sáng tạo nhiều. Đó thực sự là một quan niệm sai lầm, chỉ phù hợp với thực tế của hoạt động thư viện những năm 70-80 của thế kỷ trước. Thư viện vẫn là "trái tim" của các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm thông tin... nhưng nó đã trải qua một cuộc cách mạng với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ

thông tin. Rất nhiều hoạt động truyền thống của thư viện đã biến mất hoặc được thay thế bởi những tiến bộ của công nghệ. Gần đây, Thư viện Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM đã đưa vào sử dụng 02 robot để phục vụ việc mượn và trả sách của người đọc. Điều đó cho thấy robot đã bước đầu thay thế nhân viên thư viện trong việc thực hiện một số công việc giản đơn và có tính chất lặp đi lặp lại. Thực tế đó đặt ra yêu cầu: nhân viên thư viện cần được đào tạo và trang bị những kiến thức/kỹ năng chuyên sâu, đặc biệt là kiến thức về công nghệ thông tin và truyền thông để có thể vận hành một mô hình thư viện hiện đại thay vì chỉ thực hiện những công việc đơn giản thông thường" - ThS. Đồng Đức Hùng chia sẻ về thực tế phát triển của ngành Thông tin - Thư viện hiện nay.

Cũng theo ông, xu hướng trên thế giới là thư viện dần trở thành một nhánh nhỏ của Công nghệ thông tin. Các cơ sở đào tạo ngành Thông tin - Thư viện ngày nay thường được đặt ở các trường/khoa về công nghệ thông tin - truyền thông, tiêu biểu như ở ĐH Queensland, ĐH Monash (Úc), ĐH Victoria (New Zealand)... Đối với cán bộ ngành Thông tin - Thư viện hiện nay thì kỹ năng về công nghệ thông tin chắc chắn phải là một trong những kỹ năng cơ bản nhất. Không có kỹ năng này, người làm việc gần như không thể đáp ứng được công việc ở các thư viện hiện đại với các trang thiết bị của thời đại 4.0 như: phần mềm quản trị thư viện, website, hệ thống mạng, camera, cổng từ, các thiết bị mã vạch, chỉ từ, máy quét tài liệu phục vụ số hoá...

Người cán bộ thư viện ngày nay không thể chỉ kiên nhẫn đáp ứng những nhu cầu của người dùng mà còn

phải biết khám phá, giúp người đọc xác định được nhu cầu của họ, biết khơi gợi, tạo lập và định hình những nhu cầu thông tin mới. Thực tế trên đã tác động đến định hướng đào tạo ngành Thông tin - Thư viện của Khoa theo hướng phát triển mạnh các kỹ năng về dịch vụ thông tin và công nghệ thông tin. Một dự án xây dựng Phòng thực hành thư viện số của Khoa với kinh phí đầu tư hơn 7 tỉ đồng đã được đưa vào hoạt động cuối năm 2019 nhằm giúp sinh viên tăng cường thực hành trên các trang thiết bị tiên tiến nhất của ngành. Đây là một trong những phòng Thư viện thực hành hiện đại nhất trong các cơ sở đào tạo ngành Thông tin - Thư viện tại Việt Nam.

Nhiều môn học được đưa vào giảng dạy từ các xu thế phát triển mới, cập nhật và hiện đại của nghề Thông tin - Thư viện như *Thiết kế và quản trị nội dung website, Phần mềm xử lý dữ liệu, Bảo mật và an toàn thông tin, Số hóa tài liệu và xây dựng bộ sưu tập số, Quản trị thức, Bản quyền và sở hữu trí tuệ, Nhập môn quản lý dự án...*

NHỮNG DỰ ÁN CỘNG ĐỒNG Ý NGHĨA

Những năm qua, với CTĐT đề cao tính thực hành và trải nghiệm, sinh viên ngành Thông tin - Thư viện có cơ hội áp dụng chuyên môn đã học vào những dự án cộng đồng có ý nghĩa. Tiêu biểu là "LÊN" - dự án thư viện tình nguyện trao tặng sách cho các trường học vùng cao miền núi phía Bắc. Trong suốt quãng thời gian 5 năm (từ 2013-2018), thầy và trò Khoa Thông tin - Thư viện đã vận động quyên góp và xin tài trợ sách vở, tài liệu, quần áo ấm từ các nhà hảo tâm và thực hiện các chuyến đi tình nguyện lên các trường học vùng cao để trao tặng sách, hỗ trợ hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ thư viện và tổ chức giao lưu với giáo viên, học sinh các trường. Hoạt động tình nguyện theo hướng chuyên môn này giúp sinh viên gắn bó và thấy được ý nghĩa xã hội của ngành học, đồng thời giúp lan tỏa tình yêu với sách đến các em học sinh, góp phần phát triển văn hóa đọc trong cộng

đồng. Từ năm 2018, sinh viên ngành Thông tin - Thư viện lại tiếp tục tìm về Thiền viện Sùng Phúc (Gia Lâm, Hà Nội) để tham gia xây dựng thư viện nhà chùa. Hình ảnh các bạn trẻ ngồi chăm chú dán gáy, đóng bìa sách, đánh số mã hoá tài liệu trong khuôn viên tĩnh lặng của tâm linh rờn rã nhiều tháng trời đã in sâu trong ký ức của không ít người dân nơi đây.

Năm 2017, Khoa Thông tin - Thư viện được nhận giải thưởng Vừ A Dính của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhờ những hoạt động tình nguyện hiệu quả, vừa mang đậm dấu ấn chuyên môn, vừa mang ý nghĩa nhân văn và xã hội sâu sắc. Thầy cô và sinh viên của Khoa đã đến những vùng cao như Lai Châu, Điện Biên, tìm vào tận thư viện của các trường phổ thông dân tộc để tặng sách, hướng dẫn cách tổ chức, xây dựng thư viện trường.

Tự hào về các thế hệ học trò - những sinh viên ngành Thông tin - Thư viện, ThS. Đồng Đức Hùng cho biết: các em đã và đang trở thành những nhà quản lý thông tin, những cán bộ thông tin thư viện trên khắp hệ thống thư viện tại Việt Nam, từ các thư viện quốc gia cho đến các thư viện địa phương, thư viện trường học các cấp, các phòng văn hoá, các trung tâm thông tin các bộ/ngành...

Một số em có năng lực chuyên môn tốt, cộng với khả năng ngoại ngữ đã được mời về làm việc tại thư viện, phòng đọc của các cơ quan ngoại giao nước ngoài như Đại sứ quán Mỹ, Hội đồng Anh, Ngân hàng thế giới, UNDP, Trung tâm ngôn ngữ văn hoá Pháp, Viện Goethe, Trung tâm văn hoá Hàn Quốc...; hệ thống các trường quốc tế, tư thực nổi tiếng tại Hà Nội...

Không chỉ vậy, sinh viên ngành Thông tin - Thư viện còn thể hiện sự năng động, nhạy bén, thích nghi tốt với một hướng nghề nghiệp rất mới trên thị trường lao động hiện nay - đó là trở thành những người tổ chức, thu thập, xử lý thông tin, phân tích dữ liệu... về nhu cầu xã hội theo yêu cầu chuyên biệt của các doanh nghiệp, tổ chức.

SONG NGƯ





PGS.TS Trần Thị Kim Oanh
Trưởng Bộ môn Tôn giáo học

- TÊN NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX21
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: BỘ MÔN TÔN GIÁO HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH TÔN GIÁO HỌC

KHOA HỌC TRUNG TÂM CỦA đời sống tinh thần nhân loại

Tại Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, CTĐT cử nhân ngành Tôn giáo học tuy chỉ mới được triển khai từ năm 2016 nhưng nghiên cứu và đào tạo về Tôn giáo học đã có truyền thống lâu đời từ năm 1976 tại Khoa Triết học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. PGS.TS Trần Thị Kim Oanh - Trưởng Bộ môn Tôn giáo học của Nhà trường chia sẻ: Tri thức về tôn giáo, tín ngưỡng cực kỳ phong phú, sống động và gắn bó mật thiết với đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của chúng ta. Đó là một mạch nguồn nuôi dưỡng nên ý thức hệ và thế giới tinh thần của con người, giúp chúng ta hiểu về cội nguồn, bản sắc của cộng đồng, dân tộc mình. Bên cạnh đó, đời sống xã hội hiện đại đang xuất hiện thêm những hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng mới đòi hỏi sự giải thích, đánh giá từ góc độ của khoa học Tôn giáo. Do đó, đây là ngành học quan trọng ở Việt Nam cũng như trên thế giới và xã hội rất cần đội ngũ nhân đại học có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về Tôn giáo học.

LĨNH VỰC TRUNG TÂM CỦA ĐỜI SỐNG TINH THẦN

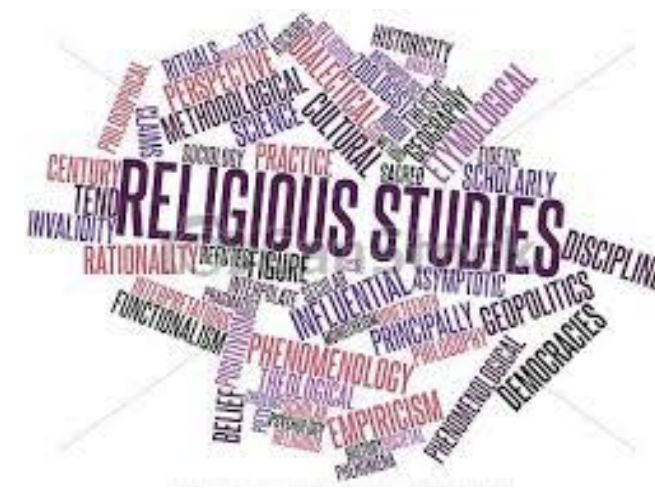
Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, là thực thể xã hội, là nhu cầu của một bộ phận loài người. Tôn giáo cũng vừa là một bộ phận của ý thức xã hội đồng thời vừa mang tính văn hoá, lại có tính bảo thủ nên sự tiến triển của tôn giáo rất phức tạp.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. Hầu hết các hình thức tôn giáo từ cổ đại đến hiện đại, từ Đông sang Tây đều có mặt ở Việt Nam. Sự tồn tại và phát triển của tôn giáo tác động, chi phối đến các mặt của đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Theo ước tính hiện nay, 95% dân số nước ta có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Cả nước hiện có gần 8.000 lễ hội, trong đó có hơn 7.000 lễ hội dân gian, 332 lễ hội lịch sử cách mạng, 544 lễ hội tôn giáo, 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài và hơn 40 lễ hội khác. Riêng tôn giáo, hiện có 14 tôn giáo và 42 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận và cấp đăng ký hoạt động. Theo thống kê chưa đầy đủ thì 14 tôn giáo có khoảng 24 triệu tín đồ, hơn 83.000 chức sắc, hơn 250.000 chức việc, 46 cơ sở



đào tạo chức sắc tôn giáo, hơn 25.000 cơ sở thờ tự.

Ở nước ta, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền con người, quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định và được Đảng, Nhà nước quan tâm, ban hành nhiều chính sách để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và đảm bảo thực hiện. Đảng và Nhà nước cũng xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong quá trình thực hiện dân chủ, đảm bảo quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Năm 2016, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ra đời giúp thể chế hoá các quan điểm của Đảng và Hiến pháp nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi công dân.



PGS.TS Trần Thị Kim Oanh chia sẻ: Tôn giáo học là lĩnh vực khoa học liên ngành và lĩnh vực hạt nhân trong đời sống văn hoá tinh thần của xã hội. Các luồng văn hóa, các tôn giáo trên thế giới dễ dàng thâm nhập vào Việt Nam do những điều kiện thuận lợi về địa lý, lịch sử, góp phần tạo nên sự đa dạng của các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo. Các tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam có đặc trưng là dung hợp, đan xen và hòa đồng với nhau. Trong đó, các tín ngưỡng truyền thống phản ánh đời sống tâm linh phong phú, đa dạng, sự khoan dung, độ lượng, nhân ái của người Việt Nam và tinh thần đoàn kết toàn dân tộc. Đây là những yếu tố để người Việt Nam dễ hòa đồng với nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Bên cạnh đó, mỗi tín ngưỡng, tôn giáo tuy mang những nét văn hóa riêng biệt nhưng đều chịu ảnh hưởng của truyền thống dân tộc, góp phần tạo nên những nét đẹp trong nền văn hóa đa dạng, phong phú về bản sắc của dân tộc. Niềm tin về tín ngưỡng, tôn giáo ẩn trong thế giới quan, ý thức hệ, tác động đến cách nhìn nhận xã hội, thế giới, đến các quyết định mà con người đưa ra hàng ngày. Người dân Việt Nam đã tạo những dấu ấn đậm nét trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội từ chính những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của mình.

Theo PGS.TS Trần Thị Kim Oanh, một lĩnh vực quan trọng, rộng lớn với sức ảnh hưởng như thế rất cần đội ngũ những người được đào tạo cơ bản, chuyên môn

sâu về tín ngưỡng, tôn giáo để tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo sao cho phù hợp với Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước Việt Nam và tôn trọng các điều ước quốc tế. Tri thức về Tôn giáo học cũng có những ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực xã hội như văn hoá, tâm linh, nghệ thuật, văn học, âm nhạc, kinh doanh...

ĐƠN VỊ DUY NHẤT TRONG CẢ NƯỚC ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TÔN GIÁO HỌC

Tôn giáo học hiện được đào tạo tại các cơ sở như: Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGTPHCM, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Đại học An ninh Nhân dân, Trường Công tác Nghiệp vụ của Ban Tôn giáo Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam... Nhưng Bộ môn Tôn giáo học trực thuộc Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN hiện là đơn vị duy nhất trong cả nước đào tạo Tôn giáo học ở bậc cử nhân.

Ngay từ năm 1976, đào tạo đại học ngành Triết học định hướng chuyên ngành Khoa học về Tôn giáo được bắt đầu tại Khoa Triết học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1980, Khoa Triết học đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử nhưng đã có rất nhiều luận án làm về Tôn giáo và những người theo học thường làm công tác quản lý ở lĩnh vực Tôn giáo, luật học, nhân quyền, an ninh... Năm 1999, Bộ môn Khoa học về Tôn giáo thuộc Khoa Triết học chính thức triển khai đào tạo cử nhân Triết học chuyên ngành Tôn giáo học. Năm 2004, CTĐT Thạc sĩ Triết học chuyên ngành Tôn giáo học được xây dựng.

PGS.TS Trần Thị Kim Oanh thông tin: CTĐT cử nhân Tôn giáo học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về tôn giáo, tín ngưỡng và những kiến thức cơ bản của các khoa học liên ngành gắn với Tôn giáo học; bảo đảm tính khoa học, hiện đại, tính tư tưởng giúp người học đạt trình độ hiểu biết căn bản về các hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng trong lịch sử và hiện tại.

Bộ môn nghiên cứu và đào tạo Tôn giáo học dưới góc độ là khoa học liên ngành và định hướng theo 03 hướng chuyên ngành: *Lý luận và lịch sử nghiên cứu tôn giáo; Tín ngưỡng, tôn giáo thế giới và Việt Nam; Tôn giáo với đời sống xã hội.*

Hướng chuyên ngành thứ nhất tập trung nghiên cứu lý luận Tôn giáo học để soi chiếu vào thực tiễn tôn



giáo. Các môn học chính gồm: *Lý luận chung về tôn giáo, tín ngưỡng, Triết học tôn giáo, Tôn giáo tín ngưỡng và lễ hội, Quan điểm của Đảng, Nhà nước về vấn đề tôn giáo, Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Quan niệm ngoài Mác xít về tôn giáo, Tôn giáo trong quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam, Tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa và những vấn đề xã hội hiện nay...*

Hướng chuyên ngành thứ hai hướng đến việc nhận diện các đặc trưng của những tín ngưỡng, tôn giáo lớn ở Việt Nam và trên thế giới, dưới các góc độ về ý thức tôn giáo, sự thờ cúng, kết cấu tổ chức... Là quốc gia đa tôn giáo, Việt Nam có những tôn giáo du nhập từ phương Tây và cả những tôn giáo nội sinh. Các tôn giáo lớn của thế giới như Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái giáo và quá trình hình thành phát triển tại Việt Nam là những nội dung trọng tâm của CTĐT. Tín ngưỡng của các nhóm cộng đồng dân tộc cũng khá phong phú. Sinh viên sẽ được học để hiểu sâu về các tín ngưỡng bản địa ở Việt Nam như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ mẫu, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng và tín ngưỡng của 54 dân tộc. Các môn học tiêu biểu là: *Lịch sử các tổ chức tôn giáo, Tôn giáo học so sánh, Tín ngưỡng Việt Nam, Tôn giáo dân tộc, Đạo giáo ở Việt Nam, Phật giáo Nam tông Khmer - lịch sử và hiện tại, Văn hóa tín ngưỡng vùng Tây Nam Bộ, Đạo giáo ở Việt Nam, Công giáo ở Việt Nam, Đạo Tin lành ở Việt Nam - lịch sử và hiện tại, Hồi giáo ở Việt Nam, Phật giáo và Nho giáo ở Việt Nam...*

Hướng chuyên ngành về vai trò và mối quan hệ của tôn giáo đối với đời sống xã hội là một mảng kiến thức được đánh giá là rất hấp dẫn, sinh động. Tôn giáo được nhìn ở nhiều chiều cạnh tranh mối quan hệ với văn hóa (nghệ thuật, âm nhạc, kiến trúc...), chính trị, kinh

tế và đời sống thực tại... Các môn học cụ thể như: *Văn học nghệ thuật và văn hóa du lịch tâm linh tôn giáo, Biểu tượng tôn giáo - cơ sở của văn hóa, Nghệ thuật âm nhạc tôn giáo, Quan niệm về Thiên - Mỹ qua biểu tượng của Mỹ thuật và văn chương Phật giáo dân tộc, Đạo đức tôn giáo với đạo đức xã hội Việt Nam hiện nay, Phê bình học tôn giáo, Hán Nôm và thư pháp trong tôn giáo, Báo chí và truyền thông của tôn giáo, Công tác từ thiện xã hội và giáo dục đào tạo trong tôn giáo...*

CỬ NHÂN TÔN GIÁO HỌC LUÔN ĐƯỢC XÃ HỘI ĐÓN NHẬN

PGS.TS Trần Thị Kim Oanh cho biết, hiện nay những người làm việc trong lĩnh vực quản lý tôn giáo tại các bộ, ban, ngành và địa phương phần lớn chưa được đào tạo, chuẩn hoá qua trường lớp bài bản mà chủ yếu tự trang bị kiến thức từ thực tiễn. Do đó, nhu cầu xã hội về cử nhân Tôn giáo học khá cấp thiết.

Cử nhân ngành Tôn giáo học có thể đảm nhiệm các vị trí công việc đa dạng. Họ có thể công tác tại các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội. Hiện nay, cơ quan quản lý cấp Trung ương và địa phương của Nhà nước về hoạt động tôn giáo là Ban Tôn giáo Chính phủ và Ban Tôn giáo Sở Nội vụ các địa phương. Đây là những đơn vị tuyển dụng tiềm năng và rất phù hợp với năng lực chuyên môn của cử nhân Tôn giáo học.

Ngoài ra, sinh viên Tôn giáo học sau khi ra trường có thể làm việc tại Mặt trận Tổ quốc, Ban Dân tộc, dân vận các cấp; làm quản lý, bảo tồn di sản, văn hóa, tín ngưỡng tại các địa phương; làm các công việc liên

quan đến nghệ thuật, kiến trúc tôn giáo...; làm chuyên viên điều phối, quản lý tại các dự án chính phủ và phi chính phủ về phát triển văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng.

Các lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm liên quan đến tôn giáo cũng là một thị trường lao động tiềm năng cho cử nhân ngành học này. Hoạt động báo chí, truyền thông... trong lĩnh vực tôn giáo cũng là địa hạt phù hợp với cử nhân Tôn giáo học. Bên cạnh đó, người học Tôn giáo học có thể tham gia hoạt động nghiên cứu và giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực Tôn giáo, Tín ngưỡng, Văn hoá tại các trường đại học, viện nghiên cứu. CTĐT ngành Tôn giáo học còn đáp ứng nhu cầu hiểu biết chuyên sâu của một bộ phận những người là chức sắc trong các tôn giáo khác nhau.

“Những kiến thức về tôn giáo, tín ngưỡng, về đời sống tâm linh của cộng đồng nhìn từ góc độ kinh điển, lý luận giúp chúng ta hiểu sâu xa nguồn gốc và triết lý của nó, để thấy những giá trị tích cực của tín ngưỡng, tôn giáo và vận dụng vào đời sống. Đồng thời, những hiện tượng vận dụng tôn giáo một cách không lành mạnh, không tích cực cũng được nhận diện để đấu tranh xoá bỏ. Am hiểu về tôn giáo còn giúp mỗi cá nhân nâng tầm hiểu biết và cách cư xử với văn hóa tâm linh, văn hóa tôn giáo trong đời sống. Tôn giáo là hiện tượng xã hội không bao giờ mất đi, do đó khoa học về Tôn giáo luôn có vị trí quan trọng song hành cùng đời sống văn hoá tinh thần của cá nhân, của dân tộc. Tôn giáo học luôn có những ứng dụng giá trị vào đời sống xã hội và cử nhân Tôn giáo học sẽ luôn được xã hội đón nhận” - PGS.TS Trần Thị Kim Oanh khẳng định.

MINH MINH



PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn
Trưởng khoa Triết học

- TÊN NGÀNH: TRIẾT HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX22
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA TRIẾT HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH TRIẾT HỌC

Hiện thân của sự thông thái

Triết học là ngành học nghiên cứu về những vấn đề chung và cơ bản của con người, về thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới đó. Với truyền thống lịch sử lâu đời vào bậc nhất ở Việt Nam, Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN là cái nôi đào tạo hầu hết giảng viên ngành này của các trường đại học ở miền Bắc. Học Triết học, sinh viên sẽ được lĩnh hội những kiến thức và kỹ năng để thích ứng tốt với sự biến đổi của xã hội cũng như có cơ hội trở thành những nhà lãnh đạo trong tương lai.

NGÀNH KHOA HỌC ĐÀO TẠO KỸ NĂNG TƯ DUY

PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn - Trưởng khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN cho biết, Triết học (Philosophy) có nghĩa là “yêu thích sự thông thái”. Triết học ra đời ở cả phương Đông và phương Tây gần như cùng một thời gian (khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ VI trước CN) tại các trung tâm văn minh lớn của nhân loại thời cổ đại như Ấn Độ, Hy Lạp, Trung Quốc... Vào thời cổ đại, khi các loại hình tri thức còn ở trong tình trạng tản mạn, dung hợp và sơ khai, các khoa học độc lập chưa hình thành thì Triết học đóng vai trò là dạng nhận thức lý luận tổng hợp, giải quyết tất cả các vấn đề lý luận



biệt, được thể hiện thành hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất về thế giới, về con người và về tư duy của con người trong thế giới ấy. Với tính chất đó, Triết học giữ vai trò là hạt nhân lý luận của thế giới quan đồng thời thực hiện chức năng phương pháp luận chung nhất cho nhận thức và thực tiễn.

“Triết học không phải là một bộ môn nghề, nghĩa là nó không dạy người học kiến thức của một nghề nghiệp cụ thể, nhưng nó lại dạy sinh viên một kỹ năng mà bất kỳ ngành nghề nào cũng cần, đó là kỹ năng tư duy. Học triết học, người học sẽ học được cách phân tích thông tin, đưa ra các lập luận thuyết phục một cách rõ ràng và logic” - PGS. Nguyễn Anh Tuấn chia sẻ.

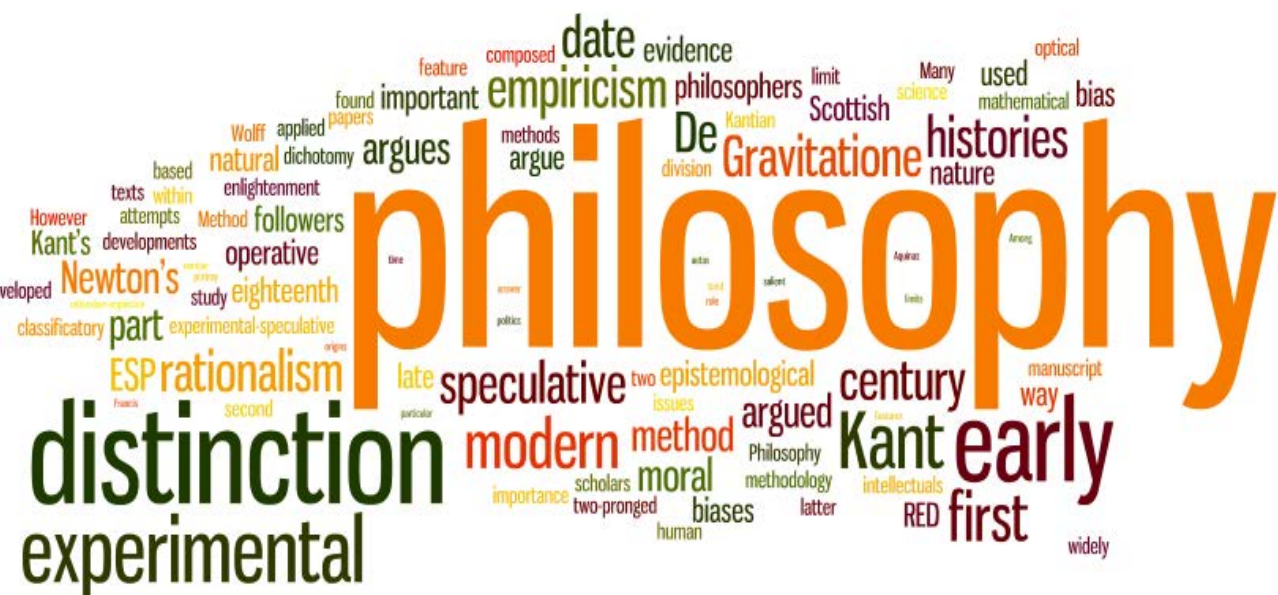
ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC GIẢNG DẠY

Chương trình đào tạo của Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN thường xuyên được cập nhật, đổi mới với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên sâu của ngành Triết học; nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp tư duy khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có thể vận dụng vào việc nhận thức và giải quyết những vấn đề thực tiễn phù hợp với quá trình hội nhập của đất nước. Đơn cử, những môn học như Toán học, Vật lý học, Sinh học... được tiết giảm đi nhiều so với trước kia và thay vào đó là những vấn đề liên quan tới con người như chỉ số phát triển con người, chỉ số hạnh phúc... Trong lĩnh vực Đạo đức học cũng có những điều chỉnh để phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại. “Nếu như trước kia, Khoa chỉ trang bị cho các em kiến thức căn bản về lịch sử của các học thuyết đạo đức, những khái niệm, phạm trù cơ bản trong đạo đức học như thiện/ác, hạnh phúc, lương tâm, nghĩa vụ... thì hiện nay do đời sống xã hội ở Việt Nam có nhiều thay đổi nên chúng tôi cập nhật thêm nhiều lĩnh vực đạo đức mới như đạo đức nghề nghiệp, đạo đức sinh thái...” - PGS. Nguyễn Anh Tuấn cho biết.

Một vấn đề mà Khoa đặc biệt quan tâm là cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và những vấn đề mà cuộc cách mạng này đặt ra đối với sự phát triển của khoa học, xã hội, con người và bản thân các sinh viên. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là một xu hướng toàn cầu, khởi đầu từ nước Đức vào năm 2011. Bên cạnh những lợi ích đã được khẳng định, nó cũng tạo ra muôn vàn khó khăn, thách thức. Cách mạng 4.0 dựa trên các trụ

chung về tự nhiên, xã hội và tư duy. Cho tới tận thời kỳ cận đại, Triết học vẫn là tri thức bao trùm, là khoa học của mọi khoa học và mang trong mình mọi trí tuệ của nhân loại. Các nhà triết học thời kỳ này thường là những cuốn từ điển bách khoa toàn thư sống. Trên thực tế, hầu hết các nhà khoa học lừng lẫy phát minh, sáng chế ra những máy móc, công cụ, phương tiện... giúp mang lại kỷ nguyên mới cho xã hội loài người như Galileo Galilei, Isaac Newton, Albert Einstein... đều là những nhà triết học.

Ngày nay, Triết học không còn là khoa học của mọi khoa học nữa nhưng vẫn là hình thái ý thức xã hội đặc



cột về vật lý, sinh học, số hóa nên sẽ tiết giảm lượng lao động trong hầu hết các ngành nghề truyền thống bởi tất cả đều được tự động hóa, robot hóa. Chính vì vậy giải quyết việc làm cho xã hội trở thành vấn đề mang tính thời sự. "Tình trạng không có việc làm bây giờ đã là kinh khủng rồi nhưng khi Cách mạng Công nghiệp 4.0 tới, nó còn kinh khủng hơn nữa nếu chúng ta không có cách ứng phó, giải quyết kịp thời với lượng lao động mà chắc chắn sẽ dôi dư ra rất nhiều. Liên quan đến cuộc cách mạng này, chúng tôi trang bị cho sinh viên các phương thức, kỹ năng tư duy mềm dẻo, linh động để ứng phó với các biến đổi của thời cuộc. Thứ nhất về chương trình đào tạo, chúng tôi cập nhật những kiến thức, những vấn đề mà cuộc cách mạng này đặt ra. Thứ hai, chúng tôi chuẩn bị cho các em tâm thế để có thể ứng phó với những tác động tiêu cực, thách thức của nó đối với chính các em và cộng đồng" - PGS. Nguyễn Anh Tuấn khẳng định.



LINH HOẠT VỚI SỰ THAY ĐỔI CỦA THỜI CUỘC

Được trang bị những kiến thức cập nhật và kỹ năng tư duy mềm dẻo, linh hoạt trên nên sinh viên học ngành Triết học có thể trở thành giảng viên các môn lý luận - chính trị trong các trường đại học, cao đẳng trên cả nước; đảm nhiệm công việc nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu ở nhiều lĩnh vực khác nhau: Triết học phương Đông, Triết học phương Tây, Logic học, Tôn giáo học, Đạo đức, Mỹ học, Triết học xã hội, Triết học văn hoá, Triết học giáo dục, Triết học chính trị... tại Viện Triết học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Thông tin Khoa học xã hội, các Viện đào tạo trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh... Họ cũng có thể làm biên tập, tham gia phụ trách các vấn đề lý luận cho các tạp chí tuyên truyền, phổ biến lý luận, chủ trương,

Trong những năm gần đây, Khoa Triết học cũng có nhiều đổi mới về cách thức và phương pháp giảng dạy, trong đó nhấn mạnh đến tương tác giữa thầy và trò. Cụ thể, với các môn học chung như *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (phần I và II)*, *Logic học*, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*..., Khoa tổ chức website môn học hoặc hỗ trợ trực tuyến cho sinh viên thông qua các video clip để các em có thể xem lại bài giảng của các thầy cô. Với những môn học tương đối riêng biệt như *Phương thức sản xuất châu Á và vấn đề làng xã ở Việt Nam*, *Triết học Trung Hoa thế kỷ 20*..., mỗi thầy cô đều tổ chức một website môn học để sinh viên vào đó tương tác, nêu câu hỏi, bàn luận và giảng viên giải đáp.



đường lối của Đảng và Nhà nước tại các cơ quan như Ban Tuyên giáo Trung ương và các địa phương, Tạp chí Triết học, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Tạp chí Giáo dục lý luận, NXB Chính trị Quốc gia, NXB Lý luận chính trị, NXB Giáo dục...

Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học hoàn toàn có thể tham gia công tác lãnh đạo quản lý như quản lý hành chính, quản lý công, hoạch định chính sách... tại các tổ chức trong hệ thống chính trị như các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp (Mặt trận Tổ quốc, Văn phòng chính phủ...), các cơ quan hành chính Nhà nước; Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... Thực tế trong thế giới hiện đại ngày nay cho thấy, rất nhiều người học Triết học trở thành những nhà quản lý giỏi. Nhà đồng sáng lập Wikipedia Larry Sanger hay tổng thống Pháp Immanuel Macron... là những ví dụ điển hình.

Có một thực tế trong xã hội hiện đại là, mỗi người có thể thay đổi công việc trung bình từ 5-7 lần trong cuộc đời mình. Không giống như các nghề khiến người học bị giới hạn việc làm trong lĩnh vực đó, Triết học trang bị cho người học kỹ năng tư duy sắc bén nên giúp họ dễ dàng bổ sung thêm các kiến thức để di chuyển qua các nghề nghiệp, lĩnh vực khác. Thực tế, sinh viên tốt nghiệp ngành Triết học đều tìm được việc làm và thành công trong nhiều lĩnh vực khác nhau từ luật pháp, tôn giáo đến ngoại giao, công tác xã hội, quản lý y tế... Và đây là lý do tại sao chúng ta nên học Triết học!

PHƯƠNG CHI



- TÊN NGÀNH: VĂN HÓA HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX27
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA LỊCH SỬ
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH VĂN HÓA HỌC

TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT

Văn hóa là toàn bộ những sáng tạo và phát minh của con người, vì lẽ sinh tồn, mục đích của cuộc sống. Văn hóa là kiến trúc thượng tầng nên giữ vị trí rất đặc biệt. Vì thế, khi nói đến văn hóa là phải nói đến các giá trị cốt lõi, tinh hoa. Văn hóa thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển, văn hóa vừa là động lực, vừa là mục tiêu phát triển của mỗi cộng đồng, của cả đất nước. Trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc (1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của Văn hóa: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”.

Văn hóa là toàn bộ những sáng tạo và phát minh của con người, vì lẽ sinh tồn, mục đích của cuộc sống. Văn hóa là kiến trúc thượng tầng nên giữ vị trí rất đặc biệt. Vì thế, khi nói đến văn hóa là phải nói đến các giá trị cốt lõi, tinh hoa. Văn hóa thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển, văn hóa vừa là động lực, vừa là mục tiêu phát triển của mỗi cộng đồng, của cả đất nước. Trong Hội nghị Văn hóa toàn quốc



(1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của Văn hóa: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”.

Năm 1956, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội được thành lập, chuyên ngành Văn hóa học đã từng bước định hình trong cơ cấu nghiên cứu và đào tạo Sử học Liên ngành của Khoa Lịch sử. Nhiều các nhà văn hóa lớn như GS Trần Đức Thảo, GS Trần Văn Giàu, GS Đào Duy Anh, GS Cao Xuân Huy, GS Phạm Huy Thông, GS Đinh Xuân Lâm, GS Phan Huy Lê, GS Trần Quốc Vượng, GS Hà Văn Tấn... đều là những người thầy trực tiếp giảng dạy những bài học khai mở về Văn hóa học và Lịch sử Văn hóa Việt Nam cho những thế hệ sinh viên đầu tiên của Khoa Lịch sử.

Năm 1998, sau hơn 40 năm dày công chuẩn bị, Bộ môn Lịch sử văn hóa Việt Nam (sau đổi tên là Văn hóa học và Lịch sử văn hóa Việt Nam) được thành lập, có sứ mệnh nghiên cứu và đào tạo chuyên sâu về Văn hóa học và Lịch sử Văn hóa Việt Nam. Trải qua hơn 2 thập kỷ xây dựng và trưởng thành, thông qua các chương trình nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng trong nước và hợp tác quốc tế, Bộ môn đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ có uy tín chuyên môn cao, gồm các Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Giảng viên cao cấp, Giảng viên chính, Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ có thể đảm đương được hầu hết các nội dung đào tạo ở tất cả các bậc học về Văn hóa học.

Văn hóa học là khoa học liên ngành, nên nhiều vấn

đề của lịch sử văn hóa Việt Nam như làng xã, ẩm thực, giáo dục, đô thị, giới và gia đình, dòng họ... đã được Bộ môn chủ động triển khai và đẩy mạnh nghiên cứu và giảng dạy tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Hàng loạt công trình xuất bản của cán bộ cơ hữu hay chuyên gia kiêm nhiệm của Bộ môn có chất lượng chuyên môn cao và có tầm ảnh hưởng rộng lớn như: *Theo dấu các văn hóa cổ* (Giải thưởng Hồ Chí Minh); *Lịch sử và văn hóa Việt Nam: Tiếp cận bộ phận* (Giải thưởng Hồ Chí Minh); *Trên mảnh đất ngàn năm văn vật; Việt Nam cái nhìn địa văn hóa; Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm* (Giải thưởng Hồ Chí Minh); *Tìm về cội nguồn* (Giải thưởng Nhà nước); *Làng xã Việt Nam: Một số vấn đề kinh tế-văn hóa-xã hội* (Giải thưởng Nhà nước); *Cơ sở văn hóa Việt Nam; Lịch sử và văn hóa Việt Nam từ góc nhìn đổi mới; Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam; Nông thôn và đô thị Việt Nam: Lịch sử thực trạng và khuynh hướng biến đổi; Một số vấn đề làng xã Việt Nam; Làng Việt Nam đa nguyên và chặt; Một làng Việt cổ truyền ở Đồng bằng Bắc Bộ; Không gian khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long: Tư liệu và nhận thức; Vùng đất Nam Bộ; Địa chí Nam Định; Địa chí Đông Anh; Địa chí Cổ Loa; Sa Huỳnh, Lâm Ấp, Chăm pa thế kỷ 5TCN đến thế kỷ 5SCN; Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội; Giáo dục Thăng Long - Hà Nội: Quá trình, kinh nghiệm lịch sử và định hướng phát triển; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản lịch sử văn hóa phục vụ phát triển du lịch...* Ngoài ra, Bộ môn Văn hóa học cũng tận dụng thế mạnh của một trường đại học lớn,

với nhiều giáo sư của các ngành có bề dày khác như Triết học, Văn học, Ngôn ngữ... cũng như mời nhiều chuyên gia hàng đầu về Văn hóa học tại các đơn vị nghiên cứu như Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa... tham gia vào chương trình đào tạo. Trong những năm gần đây, số lượng sinh viên lựa chọn chuyên ngành Văn hóa học và Lịch sử văn hóa Việt Nam ngày càng tăng cao do sự hấp dẫn của nội dung chương trình đào tạo cũng như tính ứng dụng thực tiễn, cơ hội tìm kiếm việc làm.

Trên cơ sở những thành tựu và kinh nghiệm đã tích lũy được, Bộ môn Văn hóa học và Lịch sử văn hóa Việt Nam xây dựng chương trình đào tạo, thiết lập mạng lưới hợp tác với những viện nghiên cứu, tổ chức cùng ngành, đồng thời trao đổi nhiều giảng viên, các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế hướng đến tiệm cận với chuẩn mực quốc tế và phù hợp với nhu cầu của các cơ quan tuyển dụng ở Việt Nam. Chương trình đào tạo ngành Văn hóa học tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn xác định hướng đào tạo văn hóa dựa trên thế mạnh của khoa học cơ bản nhưng mang tính ứng dụng cao, phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế-văn hóa-xã hội trong nước và quốc tế. Đây là cơ sở đào tạo Văn hóa học thứ 7 trong cả nước chính thức cấp bằng Cử nhân Văn hóa học.

So với nhiều đơn vị khác cùng đào tạo ngành Văn hóa học, chương trình đào tạo Cử nhân Văn hóa học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn có nhiều

lợi thế hơn để phát huy giá trị của khoa học cơ bản, kết hợp hài hòa và hiệu quả với các khoa học ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của cuộc sống thực tiễn. Sinh viên sẽ được tìm hiểu các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn hóa, áp dụng trong nghiên cứu, phân tích, luận giải các thành tố của văn hóa (âm thực, trang phục, nhà ở, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, lễ tết, lễ hội...) cho đến các vấn đề của văn hóa trong xã hội hiện nay (tiếp xúc và hội nhập văn hóa, di sản và quản lý di sản, công nghiệp văn hóa, vấn đề về giới và tính dục...). Theo đó, người học sẽ được tìm hiểu về cội nguồn, bản chất của các giá trị văn hóa; nhìn nhận, đánh giá sự biến đổi của các giá trị văn hóa trong diễn trình lịch sử, từ đó gợi ra thông điệp: *Văn hóa không phân biệt cao thấp, chỉ là khác biệt và tôn trọng sự khác biệt.*

Nhờ có mối quan hệ hợp tác rộng rãi của Trường, Khoa và Bộ môn, việc học tập của sinh viên ngành Văn hóa học sẽ không bị "bó cứng" trên giảng đường mà được học tập "mở", liên kết với nhiều đơn vị, thực hành ở những di tích lịch sử văn hóa, hệ thống các bảo tàng từ trung ương đến địa phương hoặc công ty văn hóa, du lịch, các tổ chức quốc tế làm về văn hóa, những cơ sở văn hóa và những không gian văn hóa tiêu biểu.

Sinh viên sẽ được học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, nhằm tạo cơ hội cho sinh viên có khả năng trao đổi, tìm hiểu về ngành học này ở

nước ngoài trong tương lai. 90% đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học trong Khoa được đào tạo ở nhiều quốc gia, đã có mối hợp tác với nhiều trường đại học danh tiếng, thường xuyên mời được những nhà nghiên cứu hàng đầu về thỉnh giảng hoặc hợp tác nghiên cứu. Các mối quan hệ quốc tế này sẽ giúp sinh viên có được cơ hội làm quen với môi trường học thuật theo chuẩn quốc tế. Những sinh viên yêu thích các giá trị văn hóa truyền thống có thể lựa chọn các môn chuyên ngành theo Hán Nôm, theo đó sinh viên sẽ được học các loại hình văn bản, tại các di tích để có thể tiếp cận và xử lý được với các tài liệu chữ Hán như văn bia, thần tích, thần sắc, hương ước... do các chuyên gia hàng đầu về Hán Nôm tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trực tiếp giảng dạy. Đây là hướng đào tạo chuyên sâu khác biệt mà ngành Văn hóa học theo đuổi trong nỗ lực lưu giữ, phổ biến, duy trì những giá trị của văn hóa truyền thống.

Nhà trường và khoa Lịch sử cũng liên tục cập nhật hệ thống giáo trình và các tạp chí chuyên ngành để phục vụ công tác đào tạo được sát thực và thuận lợi nhất. Bên cạnh các nội dung "cứng" về lý thuyết, các giảng viên sẽ liên tục cập nhật, đưa những thảo luận về các vấn đề của văn hóa trên thế giới và Việt Nam vào nội dung chương trình đào tạo như toàn cầu hóa văn hóa, công nghiệp văn hóa, bản sắc văn hóa...

Bản thân Văn hóa học là một khoa học có tính tổng hợp - liên ngành rất cao, nên sinh viên ngành Văn hóa học có thể đồng thời học thêm bằng kép các ngành trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn như Báo chí, Du lịch, Quốc tế học, Quản trị văn phòng, Tâm lý học... hoặc với các ngành ngoài trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội như Luật, Ngoại ngữ... Trong lộ trình xây dựng ngành Văn hóa học, năm



2014, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn bắt đầu mở chương trình đào tạo Thạc sĩ Lịch sử Văn hóa Việt Nam; năm 2018 mở thêm chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý văn hóa. Chương trình Cử nhân Văn hóa học được đưa vào đào tạo từ năm học 2020-2021, không chỉ đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của ngành, mà nó là cơ sở hướng tới hoàn thiện tất cả các bậc đào tạo liên tục từ Cử nhân đến Thạc sĩ và Tiến sĩ Văn hóa học ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

HOÀI PHƯƠNG



CƠ HỘI VIỆC LÀM TRONG NHIỀU LĨNH VỰC

Trong một khảo sát gần đây về nhu cầu nhân lực cử nhân ngành Văn hóa học do USSH thực hiện trên 150 nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên, phần lớn cho rằng các kiến thức, kỹ năng của Văn hóa học phù hợp với một loạt ngành nghề quan trọng mà Việt Nam đang cần. Trong đó, 93% người được hỏi cho rằng sinh viên theo học hoàn toàn có cơ hội việc làm ở các lĩnh vực gần gũi như quản lý văn hóa, bảo tàng, bảo tồn di sản, phát triển không gian di sản, nghệ thuật... Trên 92% cho rằng báo chí, truyền thông có thể tuyển dụng nhân lực ngành này. Hơn 85% cho rằng các ngành du lịch, khách sạn, giáo dục có nhu cầu cao với những người hiểu biết sâu sắc về văn hóa và khoảng 65-70% cho biết nguồn nhân lực chất lượng cao liên quan đến nghiên cứu văn hóa phù hợp với nhiều vị trí quản lý nhà nước, đối ngoại và lãnh đạo.



PGS.TS Phạm Xuân Thạch
Trưởng khoa Văn học

- TÊN NGÀNH: VĂN HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX23
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA VĂN HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH VĂN HỌC

Từ chiều sâu nhân văn đến tính năng động của sự thích ứng

Trong truyền thống, ngành Văn học là ngành học cung cấp nhân lực cho bốn lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội: nghiên cứu văn học và văn hoá; giảng dạy văn học; báo chí và xuất bản; quản lý văn hoá và sáng tác văn học nghệ thuật. Tuy nhiên, nhờ tính liên ngành được chú trọng trong CTĐT nên sinh viên ngành Văn học giờ đây có năng lực mở rộng phạm vi hoạt động sang những lĩnh vực có liên quan như làm biên kịch, đạo diễn điện ảnh và truyền hình, sản xuất nội dung đa phương tiện và sản xuất nội dung trong lĩnh vực truyền thông...



Khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN có tiền thân là Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Đây là một trong những đơn vị có bề dày truyền thống và có danh tiếng trong hệ thống các cơ sở đào tạo ngành Văn học trên cả nước. Khoa đặt mục tiêu đào tạo một đội ngũ nhân lực chất lượng cao bậc đại học có nền tảng tri thức sâu rộng về khoa học xã hội và nhân văn, có năng lực thẩm bình, đánh giá, phân tích văn học nghệ thuật và tư duy sáng tạo để kiến tạo những sản phẩm tinh thần đáp ứng được những nhu cầu đa dạng của xã hội.



Thích ứng với sự thay đổi và tính chất linh hoạt của các nghề nghiệp liên quan tới ngành học, Khoa Văn học thường xuyên có những đổi mới trong chương trình đào tạo: bổ sung các hướng chuyên ngành về nghệ thuật, điện ảnh, văn hóa đại chúng; tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động ngoại khoá, thực tập tại cơ sở tuyển dụng cho sinh viên; đổi mới giảng dạy theo định hướng khởi nghiệp... Nhờ đó, sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học có thể làm việc ở nhiều lĩnh vực. Khoa cũng thuộc top đầu cả Trường về tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi ra trường.

DANH TIẾNG VĂN TỔNG HỢP

Là một trong những đơn vị đào tạo ngành Văn học lâu đời nhất trong cả nước, truyền thống 64 năm hình thành và phát triển đã mang lại cho Khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN những tài sản quý giá, trước hết là danh tiếng Khoa Văn Tổng hợp lưu dấu ấn sâu đậm trong lòng xã hội.

PGS.TS Phạm Xuân Thạch - Trưởng khoa Văn học cho biết: Một trong những tài sản lớn của Khoa là hệ thống tri thức tổng hợp, phong phú, bài bản trong lĩnh vực Văn học được chắt lọc qua các giáo trình, chuyên luận, chuyên khảo có tính đặc thù, điển hình như các bộ giáo trình về *Lý luận văn học*, *Văn học Việt Nam*, *Văn học dân gian*, *Văn học phương Tây*, *Văn học Pháp*, *Hán*

Nôm và Hán văn Việt Nam... được các thế hệ thầy giáo của Khoa dày công xây dựng. Nhiều bộ giáo trình đã được thử thách qua nhiều năm, cho đến nay vẫn được công nhận là tốt nhất và được sử dụng phổ biến trong phạm vi cả nước.

Bên cạnh đó, Khoa có một đội ngũ cựu sinh viên hùng hậu đang công tác trên nhiều lĩnh vực, từ quản lý văn học nghệ thuật đến xuất bản, báo chí, truyền thông, sáng tác và trong đó, nhiều người đang giữ những trọng trách quan trọng như: Cục trưởng Cục Báo chí Lưu Đình Phúc, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam Nguyễn Thế Kỷ, Giám đốc Nhà xuất bản Văn học Nguyễn Anh Vũ, Giám đốc Nhà xuất bản Phụ nữ Khúc Thị Hoa Phượng, Giám đốc Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam Nguyễn Nhật Anh... Đội ngũ này chính là nguồn lực xã hội quan trọng giúp Khoa gắn kết việc đào tạo của mình với đời sống nghề nghiệp. Hằng năm, Khoa luôn tổ chức các tọa đàm, hội thảo để thế hệ cựu sinh viên đi trước trao đổi kinh nghiệm học tập cũng như những yêu cầu về nghề nghiệp hiện nay với sinh viên. Các cựu sinh viên cũng chính là lực lượng hình thành và duy trì quỹ Học bổng Văn khoa dành cho sinh viên xuất sắc.

"Học bổng là sự khuyến khích, động viên các em sinh viên trong quá trình học tập, đồng thời thể hiện sự gắn kết, trao đổi, hỗ trợ thường xuyên giữa các thế



hệ cựu sinh viên đi trước với lứa sinh viên hiện tại. Bên cạnh nguồn học bổng đó, những sinh viên xuất sắc sẽ được tạo điều kiện thực tập, thực tế, làm việc part time được trả lương tại nhiều cơ quan. Ví dụ, 20 sinh viên xuất sắc của Khoa đang chờ phỏng vấn cộng tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam. Kịch bản chương trình của các em nếu đạt chất lượng tốt sẽ được duyệt, đưa vào sản xuất và tác giả sẽ được trả thù lao. Ở đây, vấn đề quan trọng không phải là kinh tế mà là cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho sinh viên" - PGS.TS Phạm Xuân Thạch trao đổi.

Khoa cũng có quan hệ hợp tác chặt chẽ và lâu đời với các cơ quan quản lý của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực văn học nghệ thuật như Hội đồng Lý luận Văn học Nghệ thuật Trung ương; Tổng cục Chính trị, Quân đội Nhân dân Việt Nam; các cơ quan xuất bản như: NXB Văn học, NXB Phụ nữ, Công ty Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Công ty cổ phần sách Tao Đàn, NXB Kim đồng...; các báo Nhân dân, Lao động, Thanh niên, Công an Nhân dân, Kinh tế và đô thị...; các cơ quan văn hoá nước ngoài như: Quỹ Nhật Bản, Viện Pháp...; các trường đại học nước ngoài: ĐH Inalco, ĐH Aix Marseille (CH Pháp), ĐH Thành Công, ĐH Kim Môn (Đài Loan, Trung Quốc). Nhờ những quan hệ rộng mở này mà sinh viên được tiếp xúc với thực tiễn đời sống văn học nghệ thuật từ rất sớm và nâng cao được năng

lực chuyên môn, làm quen với các hoạt động hợp tác quốc tế. Cũng nhờ những quan hệ hợp tác quốc tế này mà liên tục trong nhiều năm, sinh viên của Khoa được tham dự miễn phí các khóa học ngoại ngữ mùa hè với 100% người bản ngữ đứng lớp.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẬP NHẬT, HIỆN ĐẠI

Ngành Văn học có 4 lĩnh vực cốt lõi và truyền thống gồm: Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Văn học dân gian và Lý luận văn học. Trong những năm gần đây, Khoa đã có những điều chỉnh khối kiến thức theo hướng hiện đại, liên ngành và hội nhập quốc tế. Cụ thể, kiến thức văn học Việt Nam và văn học nước ngoài được điều chỉnh theo hướng nghiên cứu so sánh, nghĩa là tìm hiểu những quan hệ giao lưu, tiếp biến giữa các nền văn học trên thế giới và văn học Việt Nam; kiến thức văn học dân gian được mở rộng sang cả lĩnh vực văn hoá dân gian và văn hoá đại chúng. Bên cạnh đó, sinh viên được cung cấp thêm các kiến thức về nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật điện ảnh.

CTĐT của Khoa đặc biệt chú trọng đến tư duy khai phóng, tinh thần phản biện, độc lập, tự chủ, linh hoạt của sinh viên. Chương trình được thiết kế theo hình thức module để sinh viên có thể tiếp cận một cách toàn diện, hệ thống kiến thức văn học nhưng vẫn có



ơ hội đi sâu vào một lĩnh vực phù hợp với năng lực và mối quan tâm cá nhân.

"Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa chủ trương lồng ghép kiến thức và kỹ năng. Có bốn khối kỹ năng chính mà chúng tôi hướng tới: kỹ năng nhận diện các vấn đề của di sản và đời sống văn học hiện diện trên các hiện tượng văn học; kỹ năng phát hiện giá trị và ý nghĩa của di sản và đời sống văn học; kỹ năng thẩm định giá trị của các hiện tượng trong đời sống văn học và kỹ năng chuyển hoá kiến thức văn học thành những sản phẩm văn hoá phục vụ xã hội. Chúng tôi cũng có những module chuyên biệt về kỹ năng như học phần về nghiệp vụ báo chí và sáng tác văn học, học phần về biên kịch và chuyển thể văn học - điện ảnh, học phần về phê bình văn học và nghệ thuật..." -

PGS.TS Phạm Xuân Thạch thông tin.

Tính cập nhật chính là triết lý của Khoa khi xây dựng CTĐT. Những vấn đề mới xuất hiện trong đời sống văn học nghệ thuật được Khoa đưa vào trong chương trình giảng dạy. Các tác giả, tác phẩm, hiện tượng văn học nghệ thuật mới liên tục được cập nhật, bổ sung vào các môn học, thậm chí đi thẳng vào đề thi kết thúc học phần hoặc những giờ thảo luận trên lớp để sinh viên có thể trao đổi, phân biện, thẩm định hiện tượng nghệ thuật đó và tạo ra sản phẩm hướng đến đời sống xã hội. Các bài thi cũng không phải là một bài kiểm tra kiến thức mà được đa dạng hoá dưới hình thức bài điểm sách hoặc điểm phim, các sản phẩm media theo chuẩn mực của báo chí để có thể xuất bản được trên báo chí. Chính nhờ các module được thiết kế linh hoạt, nội dung học mang tính ứng dụng, tính thời sự cao nên sau khi được trang bị đầy đủ các kiến thức và kỹ năng, người học có thể hoạt động được ở nhiều lĩnh vực xã hội, thậm chí có thể khởi nghiệp trong các lĩnh vực văn hoá ngay từ khi đang học.

Năm học 2019-2020, trọng tâm làm mới chương trình của Khoa là cô đọng hơn nữa kiến thức bắt buộc và mở rộng kiến thức tự chọn, tinh lọc kiến thức Văn học sử, mở rộng kiến thức theo vấn đề. Sinh viên sẽ được hướng dẫn tăng cường tự học kiến thức văn học sử, nhường thêm thời gian học ở giảng đường cho các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành và đặc biệt, sẽ được tiếp cận với các chuyên đề mới, thời sự như: *Chuyển thể văn học và điện ảnh, Biên kịch, Văn học và sự hình thành bản sắc dân tộc, Vấn đề giới trong văn chương, Văn hóa đại chúng*.

"Đây là những điều sinh viên cần biết vì hiện nay, độc giả không chỉ đọc báo giấy, thưởng thức tác phẩm kinh điển mà còn sống trong một thế giới của văn học đại chúng, của Youtube, mạng xã hội... Người làm công tác văn học nghệ thuật cần được trang bị kiến thức để chung sống và có đóng góp tích cực vào thế giới đa dạng đó, để có khả năng tạo ra được những sản phẩm văn hoá được công chúng đón nhận tích cực" - PGS.TS Phạm Xuân Thạch nói.

CƠ HỘI VIỆC LÀM ĐA LĨNH VỰC

Nhờ chương trình đào tạo luôn đổi mới để phù hợp với xu thế phát triển của đời sống văn học, nghệ thuật trong nước cũng như quốc tế; phương pháp đào tạo



mang tính thực tiễn cao, sinh viên ngành Văn học ra trường có thể làm việc ở nhiều cơ quan, tổ chức ở các lĩnh vực như: giảng dạy và nghiên cứu văn học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; làm việc tại các viện và các trung tâm nghiên cứu; viết bài và làm biên tập viên trong lĩnh vực báo chí; biên tập và quản lý nội dung trên các trang thông tin điện tử; tham gia xây dựng nội dung và biên kịch trong lĩnh vực điện ảnh và truyền hình; dẫn chương trình... Bên cạnh đó, họ có thể tham gia nhiều khâu của ngành công nghiệp xuất bản, từ biên dịch đến biên tập, tổ chức bản thảo. Họ cũng có thể tham gia hoạt động biên soạn từ điển, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách phục vụ đời sống. Kiến thức văn học vững chắc cũng giúp sinh viên ra trường có thể hoàn toàn độc lập trong lĩnh vực sáng tác văn học; phê bình văn học nghệ thuật và nhiều hoạt động khác trong lĩnh vực nghệ thuật, và đặc biệt là một lĩnh vực rất sôi động hiện nay là sản xuất nội dung liên quan đến truyền thông số, mạng xã hội. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp cũng có thể tham gia lĩnh vực quản lý Nhà nước liên quan đến chính sách văn học nghệ thuật, chính sách văn hóa, chính sách dân tộc.

Cần phải nhận thấy một thực tế là cùng với xu hướng tinh giản biên chế của các cơ quan hành chính, sự nghiệp và yêu cầu bằng cấp chuyên sâu về sự phạm đối với giáo viên, nhu cầu lao động trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy và quản lý Nhà nước thời gian qua có giảm xuống. Tuy nhiên, bù lại, những

lĩnh vực mới như sản xuất nội dung (content) trong truyền thông và sản xuất nội dung đa phương tiện lại phát triển mạnh mẽ và thu hút rất nhiều sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học. Trang fanpage của Khoa Văn học thường xuyên nhận được các đề nghị thông báo tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành Văn học để vào làm việc cho các công ty truyền thông. Rất nhiều sinh viên cũng có thu nhập tốt từ việc viết nội dung quảng cáo, truyền thông cho các doanh nghiệp, các cửa hàng shopping online như một hình thức làm thêm linh hoạt và phù hợp với năng lực.

“Vài năm gần đây, số lượng sinh viên tìm được việc làm và ổn định việc làm trong lĩnh vực truyền thông có xu hướng ngày càng tăng lên. Theo quan sát của chúng tôi, hiện nay số lượng sinh viên Văn học tham gia lĩnh vực biên kịch điện ảnh và truyền hình cũng tăng lên rõ rệt, nhiều bộ phim truyền hình dài tập rất phổ biến hiện nay có sự tham gia của cựu sinh viên ngành chúng tôi trong vai trò biên kịch. Rõ ràng là sinh viên ngành Văn học đã chứng minh được năng lực và khả năng thích nghi tốt trước sự vận động không ngừng của đời sống văn học nghệ thuật và đời sống xã hội” - PGS.TS Phạm Xuân Thạch nhận định. Điều đó cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ của một ngành học có bề dày truyền thống theo hướng hiện đại, trẻ trung, linh hoạt hơn, một sự vận động từ chiều sâu nhân văn đến tính năng động của sự thích ứng trong thời đại mới.

LÂM VŨ



PGS.TS Nguyễn Thiện Nam
Nguyên Trưởng khoa
Việt Nam học và Tiếng Việt

- TÊN NGÀNH: VIỆT NAM HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX24
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH VIỆT NAM HỌC

LAN TỎA

Bản Sắc Việt

Thống kê sơ bộ cho thấy, hiện có hàng trăm cơ sở nghiên cứu, đào tạo, giảng dạy tiếng Việt và các ngành học liên quan đến Việt Nam trên khắp thế giới. Trung bình mỗi năm có hàng chục hội thảo quốc tế về Việt Nam học diễn ra ở nhiều quốc gia và châu lục. Một cộng đồng các nhà Việt Nam học uy tín được hình thành với những hoạt động chuyên môn, giao lưu mang tính học thuật và thực tiễn cao. Ngành Việt Nam học đã có những bước phát triển vững chắc kể từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước. Ở Việt Nam, Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN (VSL) là đơn vị đào tạo Việt Nam học uy tín và giàu truyền thống hàng đầu cả nước, đơn vị duy nhất xây dựng 02 chương trình đào tạo Việt Nam học dành cho 02 đối tượng riêng biệt là người Việt Nam và người nước ngoài.

VIỆT NAM HỌC - HÀNH TRÌNH XÁC LẬP VỊ TRÍ NGÀNH KHOA HỌC CƠ BẢN

Năm 1988, khi Trung tâm phối hợp nghiên cứu Việt Nam ở Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (tiền thân của Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN) được thành lập thì Việt Nam học là một khái niệm khoa học chưa thật quen thuộc với hầu hết người Việt Nam, mặc dù nó đã được quan tâm và cân nhắc về khái niệm trong giới học giả có chuyên môn sâu. Từ tháng 8/1973, trong một phiên họp của Hội đồng Khoa học Khoa Tiếng Việt, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, đã có một số ý kiến là phải chăng nên đặt tên chương trình cử nhân tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho sinh viên quốc tế là chương trình Việt Nam học. Tuy nhiên, khái niệm này có vẻ còn hơi “lạ tai” ở Việt Nam nên lúc đó hội đồng thống nhất tạm gọi là “Chương trình tiếng Việt và Ngữ văn Việt Nam”. Trong suốt thế kỷ 20, việc nghiên cứu các vấn đề của Việt Nam, liên quan tới Việt Nam đã



được quan tâm từ rất lâu và đã có những thành tựu đáng kể. Về cơ bản, việc nghiên cứu này được tiến hành trong khuôn khổ các khoa học chuyên ngành. Hầu như mỗi lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đều có các chuyên ngành nghiên cứu riêng về Việt Nam, chẳng hạn: *Lịch sử Việt Nam* của ngành Lịch sử, *Văn học Việt Nam* của ngành Văn học, *Tiếng Việt* của ngành Ngôn ngữ học...

Thực tế cho thấy, nhu cầu nhận thức về Việt Nam không thể chỉ dừng lại ở từng khía cạnh riêng lẻ mà phải tiến tới những nhận thức tổng hợp; không chỉ ở tầm vĩ mô, trên quy mô toàn quốc mà còn đối với cả những không gian nhỏ hơn như một vùng, một

địa phương, thậm chí một làng cụ thể. Nghiên cứu Việt Nam theo hướng chuyên ngành đã bộc lộ những thách thức không nhỏ trong việc đáp ứng nhu cầu này. Vì lẽ đó, xu hướng nghiên cứu Việt Nam theo hướng *Khu vực học* (Area Studies), với phương thức tiếp cận của một khoa học liên ngành (Interdisciplinary Science) đã dần phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là từ sau Đổi mới năm 1986.

Hai thập niên cuối của thế kỷ XX chứng kiến bước chuyển ngoặt mục của ngành Việt Nam học trong nỗ lực định vị bản chất khoa học của nó. Năm 1990, một hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An với sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học Việt Nam và đặc biệt là các nhà khoa học quốc tế đến từ Nhật Bản, Hà Lan, được tổ chức ở ngay tại Đà Nẵng đã mở đầu xu hướng kết hợp nghiên cứu quốc tế về các khu vực cụ thể của Việt Nam. Đến năm 1993, ở châu Âu, các nhà Việt Nam học cũng đã được tập hợp lại trong tổ chức EUROVIET, hoạt động theo phương thức định kỳ 2 năm tổ chức một hội thảo về Việt Nam. Năm 1998, với sự hưởng ứng nhiệt tình của các nhà Việt Nam học trong và ngoài nước, Hội thảo quốc tế về Việt Nam học lần thứ nhất đã diễn ra thành công ngoài mong đợi. Hơn 700 học giả, trong đó có hơn 300 nhà khoa học nước ngoài đến từ 27 nước đã về dự. Từ đó đến

nay đã 5 kỳ hội thảo quốc tế Việt Nam học diễn ra phản ánh những nhận thức mới về Việt Nam học trên nhiều phương diện lý luận và thực tiễn.

Sau hội thảo này, nhiều trường đại học của Việt Nam, trên cơ sở giảng dạy ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài, đã chính thức mở ngành Việt Nam học hoặc thành lập các đơn vị chuyên đào tạo và nghiên cứu về Việt Nam. Hiện nay, hơn 80 trường đại học tại Việt Nam đưa ngành Việt Nam học vào chương trình đào tạo, trong đó có 07 khoa chuyên đào tạo về Việt Nam học. Việt Nam học trở thành một từ khóa hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của cả người học Việt Nam và nước ngoài trong bối cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế ngày càng rộng mở. Dưới góc nhìn liên ngành, Việt Nam học góp phần giải quyết nhiều bài toán ở tầm quốc gia cho sự phát triển và hội nhập của đất nước giai đoạn mới.

ĐỊA CHỈ ĐÀO TẠO GIÀU TRUYỀN THỐNG

Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN (B7Bis Bách khoa) là đơn vị giàu truyền thống bậc nhất của cả nước về đào tạo tiếng Việt và văn hóa Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ. Tiền thân đầu tiên của Khoa là tổ Việt ngữ thuộc Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập năm 1959 và đến năm 1968, Bộ trưởng Bộ Giáo dục nước Việt





Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra quyết định thành lập Khoa Tiếng Việt - cơ sở chính thức đầu tiên và duy nhất được Đảng và Nhà nước giao thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng của quốc gia là đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài theo hiệp định hợp tác của Chính phủ.

Trong chặng đường hơn 50 năm phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 10.000 người nước ngoài học tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam. Nhiều người trong số đó trở thành những nhà ngoại giao kỳ cựu, những phiên dịch viên cao cấp. Nhiều nhà Việt Nam học nổi tiếng trên thế giới đều đã có thời gian học tập, tu nghiệp tại Khoa. Đặc biệt, có 15 sinh viên nước ngoài đã trở thành Đại sứ, Đại diện lâm thời tại Việt Nam.

Năm 2008, Khoa chính thức triển khai CTĐT Việt Nam học bậc cử nhân gồm 02 chuyên ngành: *Việt Nam học cho người Việt Nam* và *Việt Nam học cho người nước ngoài*. PGS.TS Nguyễn Thiện Nam - nguyên Trưởng khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN cho biết: Khác với nhiều nơi đào tạo Việt Nam học theo những định hướng chuyên ngành cụ thể như du lịch, văn hóa, truyền thông..., đào tạo Việt Nam học của Khoa đi theo định hướng tiếp cận liên ngành, phù hợp với xu hướng nghiên cứu Việt Nam học hiện đại trên thế giới. Ngành Việt Nam học phải được nhìn nhận là ngành khoa học chuyên nghiên cứu về đất nước và con người Việt Nam từ những thành tố văn hóa, lịch sử, địa lí, phong tục tập quán, ngôn ngữ, văn học... Tri thức về Việt Nam học được cung cấp toàn diện và đa dạng, hướng vào mục tiêu nhận diện một cách có hệ thống về đất nước, con người, xã hội và văn hóa Việt Nam.

Những năm gần đây, Khoa đã đạt được một số thành tựu xuất sắc, có tầm ảnh hưởng quốc gia và quốc tế như biên soạn thành công: *Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*, áp dụng trên toàn quốc và nhiều quốc gia; *Định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài*, áp dụng trên toàn quốc và nhiều quốc gia; *Chương trình Đào tạo giáo viên tiếng Việt cho người nước ngoài* một cách có hệ thống; *Đào tạo giáo viên dạy tiếng Việt cho người Việt ở nước*



ngoài cho Chính phủ (5 khóa với tổng số hơn 200 giáo viên đến từ 20 nước và vùng lãnh thổ. Khoa cũng đang phụ trách chuyên môn cho Đề án *Tăng cường dạy tiếng Việt trên mạng trực tuyến cho người Việt Nam ở nước ngoài*.

"Chúng tôi đào tạo Việt Nam học dựa trên nền tảng thế mạnh là hơn nửa thế kỷ đào tạo tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. Đội ngũ giảng viên của Khoa đều là những chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam... Các thầy cô đã xây dựng nên một hệ thống giáo trình, tài liệu mẫu mực, có tri thức học thuật cao và tầm ảnh hưởng sâu rộng về các lĩnh vực của Việt Nam học. Là "sứ giả" truyền bá Việt Nam học ra thế giới, các thầy cô đã đặt dấu ấn riêng cho phong cách giảng dạy của Khoa từ Washington, Berlin, London, Stockholm..., cho đến Tokyo, Seoul, Cao Hùng, Kuala Lumpur..." - PGS.TS Nguyễn Thiện Nam chia sẻ.

Trong thời gian tới, Khoa sẽ mở thêm chương trình cử nhân Việt Nam học dạy bằng tiếng Anh cho sinh viên quốc tế và định hướng trở thành trung tâm nghiên cứu và đào tạo Việt Nam học mang tầm vóc quốc tế.

MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP ĐA VĂN HÓA

Hiện nay, Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt là khoa duy nhất ở Việt Nam vừa đào tạo sinh viên quốc tế,

vừa đào tạo sinh viên Việt Nam một cách chính thức. Khoa có 4 khóa sinh viên đang theo học với tổng số hơn 500 người, bao gồm cả sinh viên Việt Nam và sinh viên quốc tế.

Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt là một môi trường học tập đa văn hóa độc đáo. Bất kì khi nào có dịp đến thăm Khoa, bạn có thể thấy nhiều nhóm sinh viên đa quốc tịch, nhiều màu da trò chuyện sôi nổi trong lớp học, trong khuôn viên Khoa bằng một thứ tiếng Việt đa âm sắc. Sinh viên Việt Nam và sinh viên nước ngoài cùng tiếp cận Việt Nam học không chỉ qua sách vở, tư liệu nói chung mà còn qua các hoạt động ngoại khoá, lễ hội văn hóa, ẩm thực... Vào mùa lễ hội, đêm mừng Giáng sinh hay chào đón Tết dương lịch, địa chỉ B7bis trở thành điểm hẹn của sự giao lưu văn nghệ. Ẩm thực đậm màu sắc văn hoá của nhiều quốc gia châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Úc. "Đường như đây là một Việt Nam thu nhỏ trong lòng thế giới, nơi các giá trị, bản sắc văn hóa Việt Nam được lan tỏa" - cảm nghĩ ấy được nhiều sinh viên quốc tế chia sẻ từ nhiều năm qua.

Sinh viên ngành Việt Nam học ra trường có thể tham gia đóng góp ở nhiều lĩnh vực hoạt động của đất nước như du lịch, báo chí, truyền thông, văn hóa, đối ngoại, nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam...

THANH HÀ



PGS. TS Nguyễn Tuấn Anh
Phó Trưởng khoa Xã hội học

- TÊN NGÀNH: XÃ HỘI HỌC
- MÃ NGÀNH: QHX25
- ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO: KHOA XÃ HỘI HỌC
- TỔ HỢP XÉT TUYỂN: A01, C00, D01, D04, D78, D83

NGÀNH XÃ HỘI HỌC

Nhận diện bản chất sự kiện, hiện tượng, vấn đề...

Ra đời từ thế kỷ XIX gắn liền với cuộc Cách mạng Công nghiệp ở châu Âu, cho đến nay, ở Việt Nam, Xã hội học (Sociology) đã phát triển mạnh và có những đóng góp quan trọng trên nhiều phương diện. Xã hội học được ví như là “bác sĩ của xã hội” vì chức năng của ngành này là theo dõi, chẩn đoán, lý giải những vấn đề mà xã hội gặp phải, từ đó đưa ra các chính sách, giải pháp nhằm vận hành, phát triển xã hội ổn định và bền vững. Theo các nhà khoa học, trong tương lai, quá trình vận động, phát triển của xã hội sẽ ngày càng phức tạp và ngành Xã hội học sẽ phát triển mạnh mẽ do khả năng ứng dụng rộng rãi của nó.

KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG RỘNG LỚN

PGS. TS Nguyễn Tuấn Anh - Phó Trưởng khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN cho biết, giống như các ngành khoa học xã hội nhân văn khác, Xã hội học cũng nghiên cứu đời sống xã hội, nguyên nhân, hệ quả của hành vi con người nhưng điểm khác biệt của nó so với các ngành khác là ở góc nhìn xã hội học.

“Góc nhìn xã hội học giúp chúng ta nhận ra khoảng cách giữa quan niệm chủ quan của cá nhân với kết quả khách quan của các công trình nghiên cứu xã hội học.

Ví dụ, chúng ta thường cho rằng, vốn là một thành viên trong xã hội nên chúng ta có thể hiểu được bản chất những sự kiện, hiện tượng, vấn đề... mà chúng ta trải nghiệm hoặc gặp phải trong cuộc sống. Thế nhưng thực tế thì nhận thức của chúng ta chưa chắc đã đúng. Xã hội học giúp chúng ta hiểu được bản chất của sự kiện, hiện tượng, vấn đề... thông qua những dữ liệu mà các công trình nghiên cứu xã hội học mang lại”, PGS.TS Nguyễn Tuấn Anh phân tích.

Chính bởi đặc điểm trên nên ở quy mô lớn, Xã hội



tôn giáo, môi trường. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh tế, trước khi đưa ra thị trường một sản phẩm nào đó, nhiều doanh nghiệp tiến hành các cuộc điều tra xã hội học nhằm phân tích hành vi, khuynh hướng cũng như những yếu tố chi phối người tiêu dùng và dự đoán nhu cầu của thị trường đối với loại hàng hóa đó để triển khai chiến lược sản xuất, kinh doanh.

Xã hội học còn hữu ích đối với sự phát triển của mỗi cá nhân. Với kiến thức của xã hội học, cá nhân có thể hiểu được sâu sắc bản chất của các vấn đề, sự kiện, hiện tượng, quá trình xã hội, từ đó nhận ra những cơ hội và thách thức trong cuộc sống đối với bản thân.

học rất cần cho các hoạt động quản lý xã hội, xây dựng và thực thi chính sách. Có thể lấy quá trình di dân nông thôn - đô thị trong bối cảnh công nghiệp hóa, toàn cầu hóa hiện nay làm ví dụ. Quá trình này bên cạnh nhiều tác động tích cực đối với sự phát triển xã hội thì cũng tạo ra các vấn đề xã hội như quá tải dân số, thiếu chỗ ở, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, thất nghiệp, đói nghèo, bất bình đẳng, tội phạm, tệ nạn xã hội... Xã hội học tìm hiểu, lý giải bản chất của những hiện tượng, vấn đề này và từ đó kiến nghị các chính sách, giải pháp để giải quyết.

Cũng theo PGS.TS Nguyễn Tuấn Anh, vì là khoa học về xã hội và hành vi của con người nên ngành Xã hội học có thể được ứng dụng vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục,

MÔI TRƯỜNG ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN

Trường ĐHKHXH&NV bắt đầu đào tạo ngành Xã hội học từ năm 1991. CTĐT Xã hội học bậc cử nhân hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức rộng về các vấn đề xã hội; có các kỹ năng phân tích sự kiện, hiện tượng, quá trình xã hội và hành vi con người; có năng lực tham gia tư vấn, xây dựng, thực thi các chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Trải qua 29 năm hình thành và phát triển, đến nay, Khoa Xã hội học đã trở thành cơ sở hàng đầu trong cả nước về đào tạo ngành này.

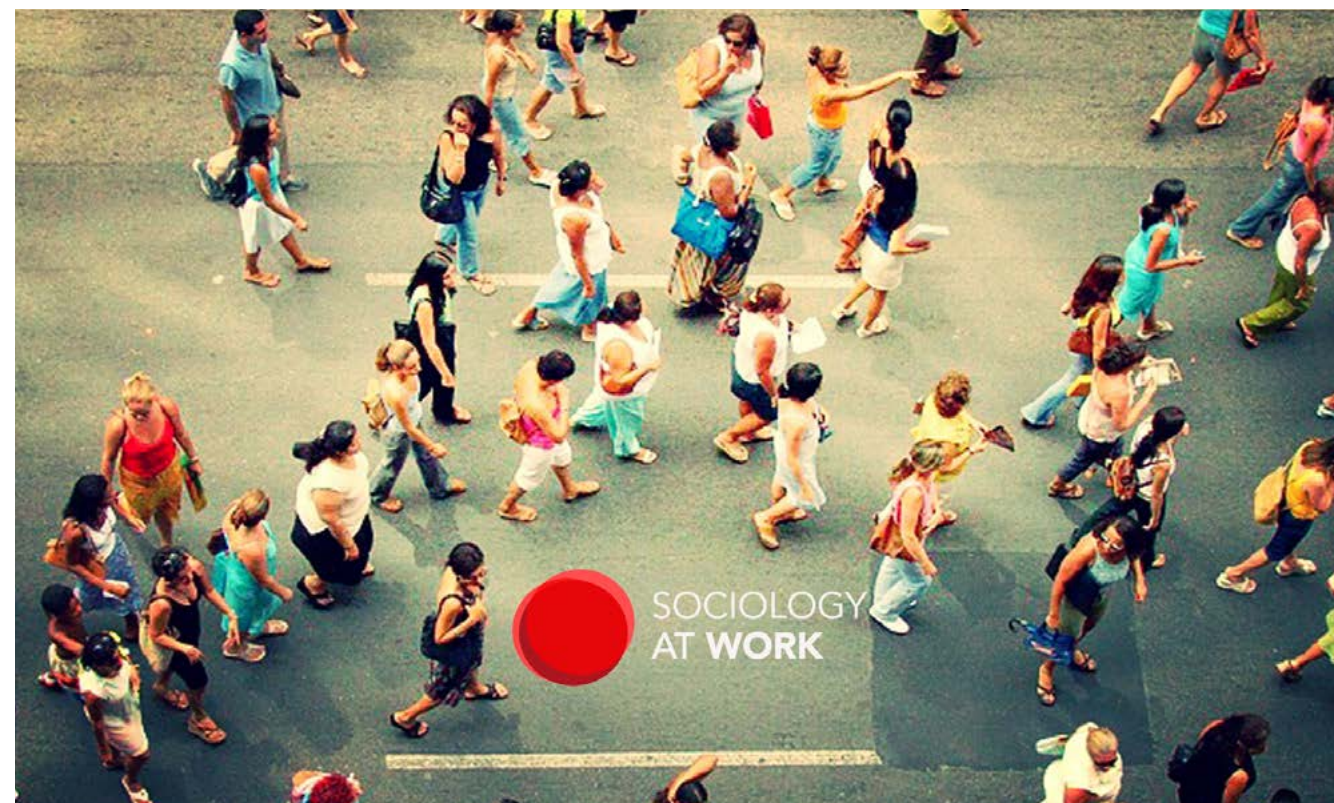
Đội ngũ giảng viên của Khoa hiện nay hầu hết đều có học vị Tiến sĩ và phần lớn được đào tạo ở các quốc gia tiên tiến như: Nga, Mỹ, Hà Lan, Pháp, Canada... và có

năng lực nghiên cứu khoa học tốt. Rất nhiều giảng viên của Khoa được giao thực hiện đề tài khoa học các cấp trong và ngoài nước. Và chính điều này đã tạo ra một môi trường học tập chất lượng cho sinh viên.

Trong quá trình học tập, sinh viên được học các kỹ năng điều tra xã hội học, phân tích, viết báo cáo, đề xuất giải pháp trong khuôn khổ các đề tài nghiên cứu cùng với giảng viên. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu khoa học của các giảng viên cũng được vận dụng vào bài giảng. Ví dụ kết quả đề tài *Tác động của đô thị hoá đến sự phát triển vùng nông thôn giai đoạn 2011-2020* do GS.TS Hoàng Bá Thịnh làm Chủ nhiệm được ứng dụng để giảng dạy môn *Xã hội học đô thị và Xã hội học Nông thôn*; kết quả của đề tài *Đánh giá phúc lợi xã hội: Các mô hình phân phối lại Scandinavian và Đông Á trong bối cảnh toàn cầu* do PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa và một số đồng nghiệp của Khoa hợp tác với các nhà khoa học đến từ Đại học Lund (Thụy Điển) thực hiện được vận dụng trong giảng dạy môn *Chính sách xã hội*; kết quả của đề tài *Sự duy trì và chuyển đổi nông hộ nhỏ ở các nước châu Á* do PGS.TS Nguyễn Tuấn Anh hợp tác với một số nhà khoa học của Đại học Quốc gia Singapore thực hiện được sử dụng trong giảng dạy môn *Xã hội học Nông thôn*; kết quả đề tài *Biến đổi sinh hoạt tôn giáo của người Công giáo di cư của PGS.TS Hoàng Thu*

Hương được ứng dụng trong giảng dạy môn *Xã hội học tôn giáo*...

Khoa luôn cập nhật nhanh chóng những tài liệu, kiến thức Xã hội học ở trong nước và thế giới vào trong các bài giảng. Ngoài ra, Khoa cũng đặc biệt chú trọng



đến thực hành, thực tế cho sinh viên. Cụ thể là học phần thực tập, thực tế của sinh viên chiếm tới 23/137 tín chỉ trong chương trình đào tạo.

Tuy nhiên, PGS.TS Nguyễn Tuấn Anh cũng lưu ý, dù được đào tạo bài bản trong môi trường tốt, nhưng điều quan trọng nhất để có thể học tốt và làm tốt nghề Xã hội học sau khi ra trường là sinh viên cần phải thực sự đam mê ngành mình đã chọn, cố gắng dành nhiều thời gian cho việc tự học, rèn luyện cho mình khả năng quan sát thực tiễn, óc phân tích và đặc biệt là cần học giỏi ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh. Bởi Xã hội học là ngành khoa học có nguồn gốc từ phương Tây nên phải giỏi ngoại ngữ thì mới có thể cập nhật được những kiến thức kinh điển và đương đại trong ngành học của mình.



CƠ HỘI VIỆC LÀM ĐA LĨNH VỰC

Sinh viên tốt nghiệp ngành Xã hội học có thể đảm nhiệm nhiều công việc, vị trí làm việc khác nhau như: giảng dạy và nghiên cứu xã hội học tại các trường đại học, viện nghiên cứu; xây dựng chính sách, tổ chức thực hiện chính sách và đánh giá chính sách; nghiên cứu các xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội, di động xã hội, phân tầng xã hội... nhằm cung cấp cơ sở cho việc xây dựng các công trình công cộng, các chương trình phúc lợi xã hội hoặc phòng chống dịch bệnh, hay nâng cao năng lực cho lực lượng quân đội... tại các tổ chức, cơ quan Nhà nước.

Những người được đào tạo về Xã hội học còn có thể làm việc trong các doanh nghiệp, đảm nhận các công việc liên quan đến tư vấn quản lý, quan hệ khách hàng, quản trị nội bộ doanh nghiệp, quảng bá sản phẩm, nghiên cứu thị trường. Nếu có trình độ ngoại ngữ tốt, những người học Xã hội học sẽ dễ dàng làm việc tại các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc, các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận. Chẳng hạn, họ có thể phụ trách công tác tư vấn về hôn nhân, gia đình, hay chiến lược phòng tránh mang thai ở trẻ vị thành niên. Lĩnh vực báo chí - truyền thông cũng là "đất dụng võ" đầy hứa hẹn của người học Xã hội học do khả năng phân tích nhuần nhuyễn, óc quan sát tinh tế, nhanh nhạy của mình.

Trong thời gian tới, nhu cầu nhân lực đối với ngành Xã hội học sẽ tiếp tục gia tăng do sự tăng trưởng, biến đổi của nền kinh tế thế giới cũng như sự phát triển ngày càng phức tạp của xã hội trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. "Trong tương lai các cơ quan Chính phủ sẽ phải ban hành chính sách dựa trên những mong đợi và kỳ vọng của người dân nên cơ hội dành cho sinh viên ngành Xã hội học rất lớn, do những người tốt nghiệp ngành Xã hội học có thể làm chuyên gia nghiên cứu, điều tra dư luận xã hội và cung cấp cơ sở khoa học về thực tiễn xã hội. Đồng thời, với khả năng phân tích và phản biện chính sách sắc sảo, người học ngành Xã hội học sẽ góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện các chính sách, giúp cho các chính sách đi vào cuộc sống được tốt hơn", PGS.TS Nguyễn Tuấn Anh khẳng định.

MINH ĐỨC

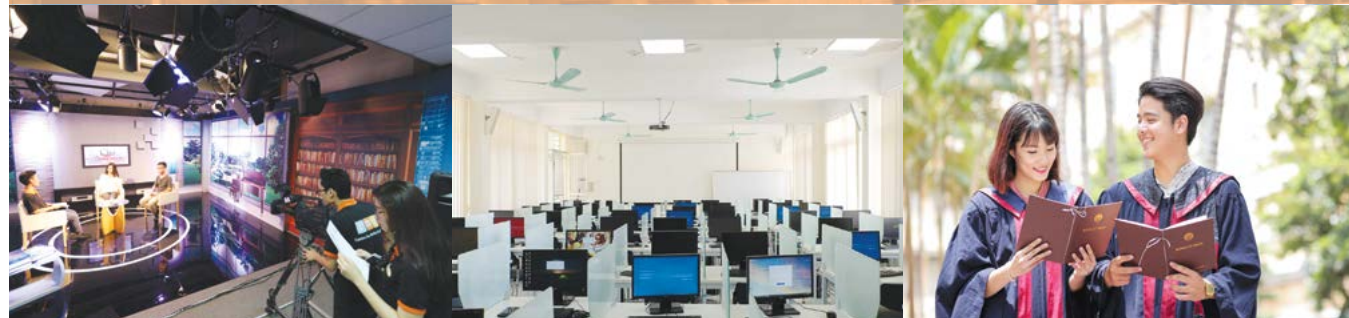
TOP 10 LÝ DO CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

- 1 TRUYỀN THỐNG LÂU ĐỜI**
 - 1945 Đại học Văn khoa
 - 1956 Đại học Tổng hợp
 - 1995 Trường ĐH KHXH&NV
- 2 NGUỒN NHÂN LỰC GIẢNG DẠY - QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CAO**
 - 103 Giáo sư, Phó Giáo sư
 - 148 Tiến sĩ
 - 105 Thạc sĩ
- 3 ĐA DẠNG NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**
 - 27 ngành đào tạo đại học với 32 chương trình đào tạo chuẩn và chất lượng cao
 - 43 chương trình đào tạo thạc sĩ
 - 31 chương trình đào tạo tiến sĩ
- 4 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÓ TÍNH LIÊN THÔNG VÀ LINH HOẠT CAO**
 - Cơ hội tốt nghiệp sớm trong vòng 3 năm
 - Cơ hội nhận 02 bằng đại học chính quy với các chương trình thứ 2 ở trong trường, ở Trường ĐH Ngoại ngữ hoặc Khoa Luật - ĐHQGHN
 - Trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, khả năng ngoại ngữ và kỹ năng mềm trong quá trình học
- 5 NHIỀU HỌC BỔNG, CHƯƠNG TRÌNH TRAO ĐỔI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**
 - 5 tỷ đồng học bổng từ ngân sách Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đối tác của Nhà trường
 - 400 sinh viên tham gia chương trình trao đổi và thực tế ở các trường đại học nước ngoài
 - 600 sinh viên được xét miễn giảm học phí và trợ cấp khó khăn
- 6 MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP ĐA NGÔN NGỮ ĐA VĂN HÓA**
 - Nhiều chuyên gia, giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại trường
 - Hơn 400 lưu học sinh đang học tiến sĩ, thạc sĩ, đại học tại trường
 - Hơn 800 lưu học sinh tham gia các khóa học ngắn hạn, chương trình trao đổi tại trường hàng năm
- 7 CHI PHÍ HỌC TẬP (HỌC PHÍ THẤP VÀ HỢP LÝ)**
 - Các chương trình đại học chuẩn thu học phí theo quy định của Nhà nước với mức thấp nhất trong các khối ngành (10 - 12 triệu đồng/năm học)
 - Các chương trình chất lượng cao có mức thu học phí hợp lý với nhiều ưu đãi cho sinh viên (35 triệu đồng/năm học)
- 8 CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN NGÀY Càng HOÀN THIỆN VÀ HIỆN ĐẠI**
 - Hệ thống thư viện chung trong ĐHQGHN với hàng ngàn đầu sách và tài liệu học tập
 - Mạng wifi phủ sóng toàn trường
 - 100% phòng học có thiết bị trình chiếu phục vụ giảng dạy
- 9 HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO SÔI NỔI, HƯỚNG VỀ CỘNG ĐỒNG**
 - Hơn 50 câu lạc bộ, hội nhóm sinh viên
 - Các chương trình văn nghệ, thể thao, ẩm thực,...được tổ chức thường xuyên
 - Nhiều phong trào hướng về cộng đồng: mùa hè xanh, sưởi ấm bản cao, nắng hồng, tiếp sức mùa thi,...
- 10 ĐA DẠNG CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP**
 - Sinh viên được liên hệ thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp ngay trong quá trình học
 - Trên 90% sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp
 - Đa dạng các đơn vị tuyển dụng: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp trong và ngoài nước



CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO (Chương trình thu học phí tương ứng với chất lượng và chi phí đào tạo)

- CÁC CHƯƠNG TRÌNH TUYỂN SINH NĂM 2020**
- Báo chí - QHX40
 - Quốc tế học - QHX43
 - Khoa học quản lý - QHX41
 - Quản lý thông tin - QHX42



LỢI THẾ CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

- 1 CHẤT LƯỢNG**
 - Chuẩn đầu ra cao hơn chương trình đại trà
 - Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình của các trường đại học nước ngoài
 - Chú trọng kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp
- 2 NGOẠI NGỮ**
 - Đầu tư sinh viên học ngoại ngữ, đảm bảo đạt chuẩn ngoại ngữ tương đương 5.5 IELTS trở lên
 - Tối thiểu 20% chương trình được giảng dạy toàn bộ hoặc 1 phần bằng tiếng Anh
- 3 MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP**
 - Lớp học không quá 40 sinh viên
 - 100% có điều hòa, trang bị trình chiếu
 - Hỗ trợ sách giáo khoa và tài liệu học tập
- 4 ĐỘI NGŨ GIẢNG DẠY**
 - Giảng viên giỏi, giàu kinh nghiệm và có khả năng ngoại ngữ tốt
 - Các nhà doanh nghiệp, chuyên gia nước ngoài trực tiếp tham gia giảng dạy
- 5 THỰC TẬP VÀ VIỆC LÀM**
 - Hỗ trợ nghiên cứu khoa học, thực tập thực tế tại các doanh nghiệp
 - Ưu tiên giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp
- 6 HỌC BỔNG**
 - Nhiều học bổng toàn phần, bán phần hoặc du học dành cho các sinh viên xuất sắc
 - Ưu tiên xét các học bổng, ưu đãi học tập từ các doanh nghiệp, tổ chức và đối tác của Nhà trường
- 7 CƠ HỘI PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN**
 - Cơ hội học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ ngay tại Trường ĐH KHXH&NV
 - Ưu tiên giới thiệu các khóa học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài
- 8 HỌC PHÍ**
 - Mức học phí hợp lý: 35.000.000đ/năm (không tăng trong toàn bộ khóa học)
 - Ưu đãi học phí cho thủ khoa đầu vào các ngành



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Địa chỉ: 336 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 3.858.5237 | Email: tuyensinh@ussh.edu.vn
Website: <http://tuyensinh.ussh.edu.vn> | Fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinh.ussh>